



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Thánh Thanh**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **Savanzijlstra0—pixabay.com**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thế hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, rồi sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THÊ THƯƠNG, TÂM VÀ TƯỜNG (thơ ĐNT Tin Nghĩa) trang 7
- ♦ XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH, t.t. (Thích Thắng Hoan), trang 8
- ♦ ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: HT. THÍCH THIỆN BÌNH VIÊN TỊCH (HT. Thích Tin Nghĩa), trang 11
- ♦ ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU: HT. THÍCH CHƠN THIỆN VIÊN TỊCH (HT. Thích Tin Nghĩa), trang 12
- ♦ CÁC PHẬT TỬ TIN TƯỜNG GI? (HT. Thích Chơn Thiện), trang 13
- ♦ ĐOÀN KHÚC THU (thơ Trần Mộng Tú), tr. 15
- ♦ GIỚI THIỆU THỊ PHẨM "THEO DÒNG THỜI GIAN" (HT. Thích Tin Nghĩa & HT. Thích Nguyên Siêu) trang 16
- ♦ TÂM THƯ VỀ VIỆC MUA LẠI CƠ SỞ LÀM CHÙA BÁT NHÀ MỚI (HT. Thích Nguyên Trí), trang 17
- ♦ NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC, t.t. (HT. Thích Trí Chơn), trang 18
- ♦ VĂN MINH CỬA THIÊN (Thích Phước Sơn) trang 21
- ♦ VÌ NHAU, SẮC ĐÊM (thơ NT Khánh Minh – Phan Tấn Hải dịch sang Anh ngữ), trang 23
- ♦ VỀ NGUỒN RỰC RỠ SẮC THU PHONG (Huỳnh Kim Quang), trang 24
- ♦ VỰC XOÁY THỜI GIAN (thơ Lê Phương Châu), trang 28
- ♦ CHUYỆN HÒA CẢM THỌ (Ns. TN Trí Hải), tr. 29
- ♦ LỬ KHÁCH VÀ CHIẾC KHĂN BÔNG (thơ Hàn Long Ẩn), trang 31
- ♦ ẮN NỒI PHẢI THỜI – Câu chuyện dưới cờ (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ Ý NGHĨA MÀU LAM – Phật Pháp Thứ 5 (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ LÝ NHÂN DUYÊN SANH – Lá Thư Đầu Tuần (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ TẠI SAO TA KHÔ (thơ Thích Viên Thành), trang 35
- ♦ THIÊN SỰ HUYỀN QUANG, t.t. (Nguyễn Lang), trang 36
- ♦ SAU-LŨ-LÀ (thơ Lữ Thị Mai), trang 37
- ♦ TẬP THIÊN CHAY BỌ (Nguyễn Giác), tr. 38
- ♦ TƯỜNG NHỚ MẸ (thơ Bùi Vĩnh Hưng), trang 39
- ♦ BÀN TAY PHẢI CỦA ĐỨC PHẬT A-DI-ĐÀ (Huệ Trân), trang 40
- ♦ THE STORY OF THE BRAHMIN WHO HAD BEEN THE 'FATHER OF THE BUDDHA' (Daw Mya Tin), trang 41
- ♦ MÙA VUI, SÁNG TRĂNG, NHÁNH LÁ XÒN XAO... (thơ NT Minh Thủy), trang 42
- ♦ THẮNG BẠI TRONG ĐỜI (Lê Bích Sơn), trang 47
- ♦ NÉM SÔI XUỐNG GIẾNG (thơ Tâm Minh Ngô Tằng Giao), trang 48
- ♦ BẦU CỬ, HẬU BẦU CỬ VÀ THIÊN ĐỊNH VỀ TÂM TỬ BÌ (La Sơn Phúc Cường dịch), trang 49
- ♦ TÔI ĐI TÌM LẠI CHÍNH TÔI (thơ Diệu Linh), trang 52
- ♦ MỘT CẦU CHUYỀN VỀ NGHIỆP (Chân Hiền Tâm), trang 53
- ♦ SANH SỰ SỰ SANH (thơ Tánh Thiện), tr. 54
- ♦ TRÀ THIÊN NHẤT VỊ (Phước Nguyên) tr. 55
- ♦ XA MONG, TUỒN, SỰ LẬT QUA TRANG (thơ Phù Du), trang 56
- ♦ NẤU CHAY: ĐẬU HŨ KHO THẬP CẨM (Kim), trang 57
- ♦ THƯƠNG TRẺ BỤI ĐỜI Ở QUÊ NHÀ... (thơ Du Tâm Lăng Tử), trang 58
- ♦ TỪ NỖ BỘC THÀNH QUỐC SỰ (Đồng Thiện), trang 59
- ♦ VỀ QUÊ CHÂN TRÂU (thơ Tâm Nhiên), tr. 60
- ♦ ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NÓI CHUYỆN VỚI THIẾU NIÊN 11 TUỔI (Tuệ Uyển dịch), tr. 61
- ♦ ĐÁNH RƠI, ĐẶC ÂN, NHỮNG NGÓN TAY (thơ Ngọc Tuyết), trang 62
- ♦ TRUYỆN NGÀN TRĂM CHỮ (Steven N.) tr. 63
- ♦ ĐAU LUNG - GẠO TRẮNG GẠO ĐỎ (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 64
- ♦ CỎ NHƯ GIÒNG SÔNG (thơ Yên Chi), tr. 65
- ♦ TÌNH THƯƠNG (Thích Minh Chiếu), trang 66
- ♦ BÊN RẼM TRĂNG XƯA, TIỆM CẠN (thơ Hoa Cát Phan Văn), trang 67
- ♦ TÁNH KHÔNG (thơ ML Trương Minh Sung), trang 68
- ♦ TỪ ẨM, NGƯỜI THƠ, NGỌC ĐÁ... (thơ Kha Nguyệt), trang 71
- ♦ GIỌT NƯỚC NGHIÊNG MINH... (Nguyễn Văn Sám), trang 72
- ♦ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 12, t.t. (Vĩnh Hào), trang 75



Chi phiếu ủng hộ hoặc đặt báo, xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp số 61, tháng 12.2016, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phi. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

CŨ VÀ MỚI - MẤT VÀ ĐƯỢC

Một năm lại sắp trôi qua với những vết tích điêu tàn, khổ nạn để lại trên khắp trái đất. Nhìn lại, chúng ta không khỏi giạt mình, và chạnh lòng thương tưởng những nạn nhân từ các thảm họa của thiên nhiên, hoặc của con người gây nên. Có ai đã được gì sau chiến tranh và thiên tai? Có ai được hả hê sung sướng trên những bệnh tật, đói lạnh, xác người chết cứng, và nước mắt khổ đau của những kẻ sống còn sau một cơn hồng thủy, động đất, giông bão... hay sau một vụ oanh kích, nổ bom tự sát...?

Ngày cũ qua để đón ngày mới. Tháng cũ qua để đón tháng mới. Năm cũ qua để đón năm mới. Cuối cùng thì cũng năm tàn tháng tận. Một năm cũ sẽ trôi qua, và một năm mới sắp đến. Thật là dài dòng để nói chuyện cũ và mới. Mà thực ra cái mới thường chỉ được nhận ra qua những tờ lịch, và những chiếc đồng hồ, trên tường, hay trên máy vi tính, trên điện thoại di động.

Nhưng những gì được gọi là mới, có thực sự là mới không? Có cái gì hoàn toàn tinh khôi, mới mẻ, chưa từng được thấy, chưa từng được nghe không? — Không có cái mới nào mà lại chẳng liên hệ với cái cũ. Chẳng có tương lai nào mà không liên hệ với hiện tại và quá khứ. Có một sự liên tục sinh ra và hủy diệt trong tất cả mọi sự mọi vật, hữu hình và vô hình. Cái mất đi làm duyên cho cái được sinh ra, cái được sinh ra lại làm duyên cho cái bị mất đi. Đã có sinh, tất có diệt. Đã có diệt, tất có sinh. Cái bị diệt vì vậy không hoàn toàn mất đi, mà cái được sinh cũng không hoàn toàn khai sinh mới mẻ. Tất cả đều duyên với nhau mà sinh, duyên với nhau mà diệt. Không có sự mất và được trong vận hành nhân quả và duyên sinh của tất cả mọi sự.

Vậy thì buồn không, khi một cái gì đó không còn nữa, và có vui không khi một cái gì đó mới xuất hiện? Chúng ta có mất đi cái cũ và được cái mới không? Suy nghiệm điều này không phải để vô cảm, thờ ơ với sự sinh-diệt, mà chính là để thấy một cách sâu sắc bản chất của mọi sự vật, để không bị khổ đau hệ lụy từ những hiện tượng vô thường xảy ra chung quanh, trong đời sống thường nhật, và trong tâm thức.

Khi nước lũ qua rồi, những kẻ khốn cùng tiếp tục cúi xuống, dọn dẹp rác rến, chùi rửa nhà cửa, thăm lại vườn rau, thửa ruộng, xem còn gì, mất gì. Người thân, bạn bè, hàng xóm, ai còn ai mất. Của cải, vật dụng trong nhà, thứ gì vướng kẹt lại trong sinh lầy, thứ gì đã trôi đi. Khi bom đạn ngừng rơi, những người dân vô tội

vừa gào khóc, vừa bươi tìm xác người thân trong những đồng gạch vụn. Hàng xóm, láng giềng, ai ở lại, ai đã bỏ đi tìm nơi chốn an ổn.

Tại ương này, từ đâu, do ai? Vì cố gì người ta đã hủy diệt tất cả những gì chúng tôi gây dựng nên. Nhân danh ai, nhân danh lý tưởng nào mà quý vị bắt chúng tôi phải cam chịu tất cả, từ mất mát tài sản cho đến cả mạng sống của những người thân yêu nhất? Khi quý vị đạt được những gì mới, quý vị có biết là chúng tôi đã mất đi những gì cũ kỹ mà quý giá nhất hay không?

Quán sát tường tận căn nguyên của sinh-diệt, là để cảm nhận nỗi thống khổ của nhân sinh. Những tai họa giáng xuống đời sống, không phải chỉ từ thiên tai mà còn từ những tham vọng của kẻ cầm quyền, từ đất này hay nơi nước khác; không phải chỉ từ một vài nguyên nhân, mà còn liên hệ đến nhiều yếu tố phụ thuộc khác, trong đó là cả một chuỗi trùng trùng nhân-quả, duyên sinh, duyên diệt, liên tục tiếp nối nhau trong cả ba thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), tạo nên đời sống đa dạng, chập chùng những cũ và mới, mất mát và thu đạt, khổ đau và hạnh phúc...

Sau những thất bại nặng nề, hay một chiến thắng to lớn, hãy nhìn lại bức tranh đời sống: có những người buồn, có những người vui. Nhưng cái vui sẽ không lâu dài, và cái buồn cũng thế, không vĩnh viễn. *Cái mới* thực ra chỉ là làm cho sống lại *cái cũ* trong giai kỳ sắp tới; và muốn *cái mới* này không lẫn theo dấu vết thương đau của *cái cũ*, người ta phải vận dụng, khơi dậy niềm thương yêu ở ngay nơi khoảnh khắc giao thừa, *cái cũ* chưa qua, *cái mới* chưa đến. Có nghĩa là phải bắt đầu ngay trong đương hiện, ngay nơi khoảnh khắc hiện tiền; có như vậy, tương lai gần nhất sẽ được vận hành và lưu chuyển bằng niềm thương yêu chứ không phải bằng tham lam, thù hận như người ta đã làm trong quá khứ.

Tình thương luôn có mặt, không có mới-cũ, được-mất, nhưng sẽ là điều kỳ diệu để vực dậy niềm tin yêu trong đời sống, mang lại an lạc, hạnh phúc thực sự cho chính mình, cho tất cả.

Và dù thời tiết khắc nghiệt bằng giá thể nào, hãy vươn mình dậy. Bằng tình thương, chúng ta có thể cúi mình xuống chăm sóc vết thương đời khi người cần đến, nhưng luôn luôn, cần phải đứng thẳng với niềm hy vọng, hướng về ngày mai tươi sáng.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

THÁI LAN: Nghi lễ hàng ngày dành cho cố Quốc vương được tổ chức tại tất cả các chùa trong một tháng

Hội đồng Tăng đoàn Tối cao (SSC) Thái Lan đã ban hành các hướng dẫn chỉ đạo tất cả các đền chùa Phật giáo trong và ngoài nước để thực hiện trong một tháng các nghi lễ hàng ngày dành cho cố vương Bhumibol.

Kể từ ngày 13-10-2016, các đại lễ công đức cũng được tổ chức đối với những ngày chịu tang thứ 7, thứ 50 và 100. Các trung tâm thiền cấp tỉnh cần tổ chức 7 ngày thiền định cho mỗi ngày nói trên. Chư tăng được hướng dẫn tham thiền cho nhà vua sau lễ cầu nguyện thường nhật vào buổi tối của họ.

Nghi lễ có thể diễn ra vào giờ nhà vua băng hà, lúc 3.52 pm, hoặc những giờ thích hợp khác. Mỗi ngôi chùa cũng cần lập một bàn thờ có ảnh của Quốc vương bên trong điện truyền giới hoặc nơi thích hợp khác.

Các tín đồ cũng được khuyến khích tham gia vào những nghi lễ Phật giáo trong thời gian chịu tang trong một năm.

Theo SSC, có khoảng 33,000 ngôi chùa Phật giáo tại Thái Lan.

(Tipitaka Network – October 16, 2016)



Người dân Thái Lan tại Bangkok tham gia cầu nguyện cho cố Quốc vương vào ngày 13-10-2016
Photo : Bangkok Post

THỤY SĨ: Đức Đạt lai Lạt ma giảng pháp tại thành phố Zurich

Ngày 14-10-2016, trong một buổi giảng pháp tại thành phố Zurich, Thụy Sĩ, Đức Đạt lai Lạt ma đã kêu gọi người Tây Tạng trở thành người tu học Phật giáo hiện đại, không chỉ dựa vào những điều được giảng dạy mà còn dựa vào giáo lý nhà Phật để thông hiểu đầy đủ kiến thức.

Ngài nói, "Người Tây Tạng chúng ta có một nền văn hóa bắt nguồn từ truyền thống Nalanda vốn nhấn mạnh về nghiên cứu, suy nghiệm và thiền định. Chúng ta đã bảo tồn điều này trong hơn 1,000 năm. Tại Tây Tạng, người Tây Tạng đã giữ vững tinh thần của mình. Những người Tây Tạng lưu vong chúng ta là đại diện của họ."

Hơn 9,000 người Tây Tạng và người ngoại quốc đã chào đón Đức Đạt lai Lạt ma tại khu cơ sở đa chức năng Zurich Hallenstadion, và trong khi cảm ơn các sáng kiến cúng dường vật phẩm trường thọ mà những người Tây Tạng địa phương dành tặng ngài, Đức Đạt Lai Lạt ma nói, "Lạt ma trường thọ hay không thì không tùy thuộc nhiều vào nghi lễ bằng vào sức mạnh của sự kết nối tinh thần giữa Lạt ma và đệ tử".

(Phayul – October 16, 2016)



Đức Đạt lai Lạt ma tại Zurich, Thụy Sĩ
Photo: Manuel Bauer

TRUNG QUỐC: Các vị lãnh đạo Phật giáo 3 nước Đông Bắc Á thúc đẩy mỗi giao lưu và nền hòa bình

Các nhà lãnh đạo từ các tổ chức Phật giáo tại Hàn Quốc, Trung Quốc và Nhật Bản đã bày tỏ hy vọng về hòa bình và giao lưu giữa 3 nước Đông Bắc Á này trong một cuộc họp tại thành phố Ningbo ở phía đông Trung Quốc.

Theo tin từ Hiệp hội Các chi phái Phật giáo Hàn Quốc, Hội nghị Giao lưu Thân thiện Phật giáo Hàn Quốc-Trung Quốc-Nhật Bản – được tổ chức vào ngày 12-10-2016 tại Chùa Xuedou ở Ningbo – đã có sự vận tập của tăng sĩ từ 3 quốc gia này dưới chủ đề thừa kế 1,000 của tinh thần Phật giáo truyền thống.

Trong cuộc họp, các vị lãnh đạo Phật giáo đã đưa ra một tuyên bố chung kêu gọi hòa bình thế giới và đồng ý tổ chức một cuộc họp trú bị vào 2 ngày 22 và 23-3-2017 tại đảo Jeju, hòn đảo lớn nhất của Hàn Quốc, để đặt nền móng cho hội nghị của năm sau.

(tipitaka.net – October 16, 2016)



Các vị lãnh đạo Phật giáo 3 nước Đông Bắc Á tại cuộc họp về hòa bình và giao lưu tại Ningbo, Trung Quốc
Photo: Yonhap

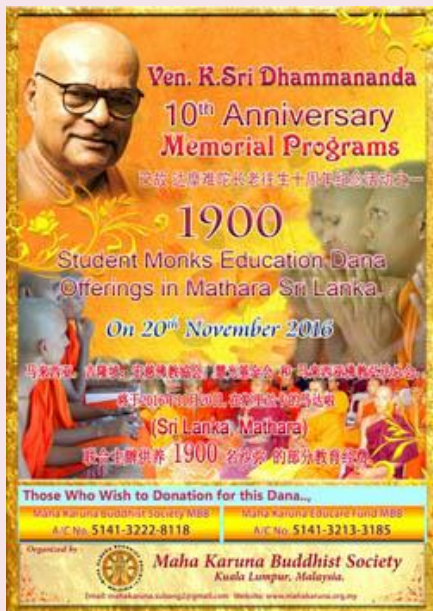
MÃ LAI-TÍCH LAN: Phật tử Mã Lai tài trợ cho 1,900 tăng sinh tại Tích Lan

Kuala Lumpur, Mã Lai – Hội Phật giáo Maha Karuna của Mã Lai sẽ tổ chức Lễ tài trợ Giáo dục Tăng sinh lần thứ 18 vào ngày 20-11-2016. Sự kiện này sẽ diễn ra tại làng Kirinda ở huyện Mathara, Tích Lan – quê hương của cố Hòa thượng Tiến sĩ K Sri Dhammananda nhân kỷ niệm 10 năm ngày ông viên tịch.

Nhà tổ chức Lễ tài trợ là Thượng tọa Siri Saranakara Nayaka Maha Thera, Trưởng chấp pháp Tăng đoàn Mã Lai, cho biết sự kiện hàng năm này đòi hỏi việc học tập theo hình thức cung cấp sách và tài liệu giáo dục cho tăng sinh trẻ. Năm này, khoảng 1,900 tăng sĩ từ khu vực Mathara dự kiến sẽ nhận được sự tài trợ.

Trong chương trình, mỗi tăng sinh sẽ nhận tài liệu học tập như từ điển tiếng Pali và sách giáo khoa. Các tài liệu cung cấp được phân loại theo độ tuổi và năm học của tăng sĩ.

(The Buddhist Channel – October 18, 2016)



Poster về Lễ kỷ niệm năm thứ 10 ngày viên tịch của Hòa thượng K Sri Dhammananda và Lễ tài trợ Giáo dục Tăng sinh tại Tích Lan
Photo: buddhistchannel.tv

ÚC ĐẠI LỢI: Tìm thấy tiền giấy 700 năm tuổi trong phần đầu rỗng của một tượng Phật giáo

Tờ tiền giấy 700 năm tuổi thuộc thời nhà Minh Trung Hoa đã được phát hiện bên trong một tượng La Hán bán thân bằng gỗ tại nhà đầu giá Mossgreen của Úc. Đây là tờ tiền "1 quan" – được cho là tờ có mệnh giá cao nhất vào thời đó.

Tờ tiền này cũng nằm trong số các loại tiền giấy được in đầu tiên tại Trung Hoa và được chứng thực bởi Hoàng đế Hồng Võ, Chu Nguyên Chương – người sáng lập và là hoàng đế đầu tiên của Triều nhà Minh.

Tượng bán thân La Hán và tờ 1 quan này sẽ được triển lãm tại Melbourne, Luân Đôn và Hồng Kông trước khi đem đầu giá tại thành phố Sydney của Úc Đại Lợi, vào ngày 11-12-2016. Tượng và tờ tiền sẽ được bán chung với giá dự kiến từ \$30,000 đến \$45,000.

(nine.com.au – October 20, 2016)



Tờ 1 quan (có kích cỡ khoảng một tờ giấy A4) và tượng La Hán bằng gỗ sẽ được bán đấu giá tại Sydney (Úc Đại Lợi)
Photo: Mossgreen



ẤN ĐỘ: Người Dalit cải đạo sang Phật giáo vào lễ hội Vijaya Dasami

Vào ngày 12-10-2016, trong lễ hội hàng năm Vijaya Dasami của Ấn giáo, gần 300

người từ cộng đồng Dalit ở bang Gujarat, tây Ấn Độ, đã cải đạo sang đạo Phật tại 3 sự kiện riêng của các tổ chức Phật giáo khác nhau:

Dưới sự giám sát của Học viện Phật giáo Gujarat, 70 người Dalit đã cải đạo, cùng với 8 nhóm tôn giáo khác. Những người Dalit nói rằng họ chọn tôn giáo mới và từ bỏ tín ngưỡng trước đây với hy vọng chấm dứt sự phân biệt đối xử về tinh thần và xã hội.

Hai lễ cải đạo khác được tổ chức tại thị trấn Kalol ở huyện Mehsana của Gujarat. Sinh viên Maulik Chauhan là người đầu tiên của gia đình mình đã cải đạo sang Phật giáo. Chauhan nói rằng anh đã có ấn tượng về những lời dạy của Đức Phật từ khi còn bé, và đã quyết định cải đạo vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.

(Buddhistdoor Global – October 23, 2016)



Lễ cải đạo sang Phật giáo của người Dalit tại Gujarat
Photo: thewire.com

HÀN QUỐC: Hội nghị Quyền Động vật lần đầu tiên của Phật giáo Á châu

Hội nghị một ngày về Quyền Động vật lần đầu tiên của Phật giáo Á châu, do hội Tiếng nói Đạo pháp (DVA) và hội Sự cộng sinh của Quyền Động vật Toàn cầu (CARE) đồng tổ chức, đã diễn ra tại Dongdaemun, Seoul, Hàn Quốc, vào ngày 30-9-2016.

Diễn giả chính là Hòa thượng Hải Đạo, tu sĩ Phật giáo nổi tiếng và là người ủng hộ quyền động vật, đến từ Đài Loan. Ông diễn thuyết về Lòng từ bi đối với tất cả Chúng sinh.

Có 2 cuộc hội thảo được tổ chức tại hội nghị: Hội thảo thứ nhất tập trung vào việc tăng cường quyền động vật trong

cộng đồng Phật giáo, và hội thảo thứ nhì vào cuối hội thảo bàn về vấn đề đạo đức của việc sống tốt hơn và ăn tốt hơn – sử dụng những gì đã học được tại Hội nghị về Phúc lợi và Hạnh phúc của tất cả Chúng sinh.

(Asian Tribune Sun – October 24, 2016)



Các hội viên của hội Tiếng nói Đạo pháp (DVA) - một trong 2 hội cùng tổ chức Hội nghị Quyền Động vật của Phật giáo Á châu - tại Dongdaemun, Seoul (Hàn Quốc)—Photo: Asian Tribune

MIỄN ĐIỆN: Cúng dường vào ngày khai mạc Lễ hội Chùa Phật giáo Kyaikhtiyo

Lễ hội Chùa Phật giáo Kyaikhtiyo, còn gọi là lễ Linh Sơn, được tổ chức hàng năm vào ngày trăng tròn của Lễ hội Ánh sáng Thadingyut.

Các khoản cúng dường của năm này lên đến 84.4 triệu Kyat, vượt lượng 21.7 triệu Kyat của năm ngoái.

Bộ Các vấn đề Tôn giáo và Văn hóa Miến Điện cho biết bộ sẽ thực hiện các chương trình dành cho khách hành hương đến cúng bái một cách hòa bình tại Chùa Kyaikhtiyo, và vì sự tiến bộ của Chùa này trong sự tham khảo ý kiến với chính quyền bang Mon.

Các nhu cầu thiết yếu của người hành hương sẽ được xem xét kỹ lưỡng và các hoạt động của Chùa Kyaikhtiyo sẽ được công bố.

(Myanmar News Agency – October 24, 2016)



*Chùa Kyaikhtiyo, Miến Điện
Photo: NZM*

ẤN ĐỘ: Lễ hội Tất Đạt Đa lịch sử tại thánh địa Phật giáo Bồ Đề Đạo Tràng

Lần đầu tiên trong lịch sử, nhiều người Ấn Độ trẻ tuổi từ mọi tầng lớp sẽ cùng đến với nhau tại nơi Đức Phật đã đạt giác ngộ.

Từ ngày 11 đến 13-11-2016 tại Bồ Đề Đạo Tràng, trong phong cách và tinh thần Ấn Độ đích thực, Phật tử và sinh viên Ấn Độ từ các truyền thống khác nhau sẽ tập trung để tỏ lòng tôn kính Đức Phật. Hàng trăm Phật tử khác từ khắp thế giới cũng sẽ tham gia lễ hội âm nhạc, văn hóa, Đạo pháp và hội họa này. Lễ hội sẽ được tổ chức bởi nhiều tăng đoàn, các tổ chức tình nguyện và các tổ chức doanh nghiệp.

Lễ hội Tất Đạt Đa sẽ có những buổi trình diễn nghệ thuật đáng nhớ, cùng với các bài giảng pháp hấp dẫn của Dzongsar Jamyang Khyentse Rinpoche và Thượng tọa Sumati.

(Buddhistdoor Global – October 25, 2016)

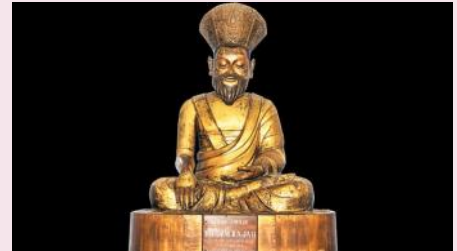
BHUTAN: Tượng cổ Phật giáo của Bhutan được Ấn Độ cho mượn trong một năm

Hơn 150 năm sau khi bị lấy đi, một tượng của nhà sư Dhurm Raja được tôn quý của Bhutan sẽ trở về cố quốc.

Tượng này hiện đang được trưng bày tại Hội Á châu ở Koltaka, Ấn Độ, nơi nó đã được tặng như một món quà bởi Hadyat Ali, một đội trưởng của quân đội Anh vào năm 1865. Ali đã tìm thấy pho tượng vào năm 1864, khi quân Anh chiếm thành Buxa do Bhutan kiểm soát.

Dhurm Raja được xem là người đã thành lập nước Bhutan, và năm nay đất nước này kỷ niệm 400 năm ngày sinh của ông. Chính phủ Ấn Độ và Hội Á châu đã quyết định sẽ cho Bhutan mượn pho tượng Dhurm Raja trong một năm, nơi tượng này sẽ là một phần của lễ hội kéo dài một năm. Vào cuối tháng 12-2017, pho tượng sẽ trở lại Ấn Độ.

(DNA – October 27, 2016)



*Tượng nhà sư Dhurm Raja
Photo: ICC/Asiatic Library
Koltaka*

HÀN QUỐC: Cuộc viếng thăm của thiền sư Tây Tạng được mệnh danh là người hạnh phúc nhất thế giới

Đến Hàn Quốc theo lời mời của nhóm thiền định Telga Hàn Quốc, thiền sư Tây Tạng Yongey Mingur Rinpoche sẽ tổ chức đào tạo thiền định tại Hiệp hội Sư nữ Hàn Quốc ở nam Seoul vào ngày 4 và 5-11-2016. Ông cũng sẽ thuyết trình về "sự viên mãn thân tâm bằng niềm vui trong thời đại bất ổn" vào ngày 8-11. Và vào ngày 11-11 ông sẽ thuyết trình tại chùa Hongbeop ở Busan.

Mingur Rinpoche thăm Hàn Quốc và năm 2011 và kể từ đó đã tham thiền trong 4 năm rưỡi. Lần viếng Hàn Quốc này là sự kiện chính thức đầu tiên của ông sau khi ông kết thúc cuộc thiền định.

Lúc 3 tuổi, Mingur Rinpoche được công nhận là hóa thân thứ 7 của Mingur Rinpoche Phật giáo Tây Tạng, và cũng là một hóa thân của Kanpo Rinpoche, vị lãnh đạo tôn giáo thế kỷ 20. Được mệnh danh là người hạnh phúc nhất thế giới, từ năm 1998 ông đã thuyết pháp trên toàn cầu về đức hạnh Phật giáo và khoa

não bộ và tâm lý học hiện đại.
(donga.com - November
2, 2016)



*Thiền sư Tây Tạng Yongey Mingur Rinpoche
Photo: Jung-Bo Suh*

ẤN ĐỘ: Sư Huyền Trang đã lưu trú tại Vijayawada để nghiên cứu kinh Phật

Huyền Trang, người hành hương và là học giả người Trung Hoa, đã lưu trú trong vài năm tại Bezawada (tên xưa của Vijayawada) để sao chép và nghiên cứu Vi Diệu Pháp Tạng, Tạng kinh cuối của Tam Tạng Kinh vốn lập nên kinh Pali - những kinh điển của Phật giáo Nguyên thủy'

Các tác phẩm mà Huyền Trang viết về những cuộc hành trình của ngài tại Ấn Độ là những ghi chép chi tiết về cuộc sống của người dân vào thế kỷ thứ 7. Chính quyền Trung Quốc đã sử dụng công trình của ngài để xác lập rằng mối quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Hoa là 1,400 năm tuổi.

Huyền Trang đã du hành đến Andhradesa để viếng các Tịnh xá tại Amaravathi và Nagarjunakonda vào khoảng năm 640 sau Công nguyên. Tương truyền rằng ngài đã lưu trú tại Amaravathi trong vài năm để nghiên cứu kinh Vi Diệu Pháp Tạng.

(The Hindu - November 3, 2016)

*Nhà hành hương Phật giáo - học giả Huyền Trang
Photo: WIKIMEDIA COMMONS
-->*

NHẬT BẢN: Các tu sĩ Phật giáo giúp những người Nhật độc thân qua việc mai mối

Thông qua các cuộc gặp gỡ theo chủ đề Phật giáo, một số ngôi chùa ở Nhật đã giúp những người độc thân được thuận lợi trong việc kết duyên.

Tháng trước, khoảng 60 nam nữ nhân ở độ tuổi 20 đến 40 đã tập trung và tụng Tâm Kinh tại chùa Tenryuin-ji của Thiền phái Rinza ở Tokyo. Sư trưởng Shinichi Kitaori nói với họ: "Ngày hôm nay sẽ không bao giờ trở lại. Tôi muốn quý vị tạo thành một sự kết nối mạnh mẽ với nhau tại ngôi chùa này".

Sự kiện nói trên được tổ chức bởi một nhóm gọi là Kichienkai (câu lạc bộ gặp gỡ thuận lợi), thành lập vào năm 2010. Nhóm đã kết nối với khoảng 800 ngôi chùa trên toàn quốc, và đã tổ chức các sự kiện mai mối tại một số tỉnh. Trong số khoảng 7,000 người tham gia được phục vụ kể từ khi dịch vụ mai mối này bắt đầu vào năm 2010, nhóm Kichienkai đã giúp ít nhất 95 cặp đôi nên duyên vợ chồng.

(Buddhistdoor Global - November 4, 2016)



*Một sự kiện mai mối tại chùa Tenryuin-ji ở Tokyo, Nhật Bản
Photo: japantimes.com.jp*

HOA KỲ: Nữ phóng viên ảnh được đề cử giải Nobel thảo luận về hồi ký Phật thiên của mình

Redding, Connecticut - Sự trải nghiệm qua cuộc tìm kiếm để mở khóa những bí ẩn đối với thiền định Phật giáo truyền thống được phóng viên ảnh Jane Halminton-Merritt trình bày tại Thư viện Mark Twain vào ngày 6-11-2016.

Hai lần được đề cử giải Nobel Hòa bình cho công tác nhân quyền của cô, Halminton-Merritt đã viết về những trải nghiệm tại một ngôi chùa Thái trong một cuốn hồi ký mạnh mẽ, có tựa đề "Nhật ký của một thiền nhân: Những trải nghiệm độc đáo tại chùa chiến Thái Lan của một phụ nữ Tây phương".

Xuất bản lần đầu tiên vào thập niên 1970, câu chuyện thân mật này liên quan đến nỗ lực của cô để thông hiểu việc là một Phật tử có ý nghĩa gì theo quan điểm Phật giáo Thái. Sự hiện diện của cô như là một phụ nữ Tây phương là điều xảy ra lần đầu tiên đối với ngôi chùa hẻo lánh tại miền bắc Thái Lan này.

Hồi ký của Halminton-Meritt, vốn đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, là một cái nhìn gợi mở vào nền văn hóa Thái và vào những thử thách của thiền định chuyên sâu.

(tipitaka.net - November 5, 2916)



Nữ phóng viên ảnh Jane Halminton-Merritt, tác giả cuốn "Nhật ký của một thiền nhân: Những trải nghiệm độc đáo tại chùa chiến Thái Lan của một phụ nữ Tây phương"— Photo: Redding Pilot

ẤN ĐỘ: Lễ hội Phật giáo Buddha Mahotsava khai mạc tại Arunachal Pradesh (A.P.)

Bomdila, A.P – Ngày 4-11-2016, lễ kỷ niệm Buddha Mahotsava tại quận Tây Kameng của bang A.P., diễn ra tại Công viên Đức Phật ở Bomdila, đã bắt đầu với phần trình diễn văn nghệ sôi động từ các bộ lạc của khu vực thuộc bang này. Phần trình diễn văn nghệ độc đáo từ mỗi bộ tộc đã mê hoặc đông đảo khán giả và tạo nên không khí vui vẻ khắp nơi.

Được tổ chức bởi Ban quản trị Quận Tây Kameng, lễ hội 3-ngày Buddha Mahotsava của Phật giáo diễn ra tại Bomdila nhằm quảng bá ngành du lịch trong bang A.P.

Lễ hội này kỷ niệm cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật Cổ Đàm. Có hàng trăm tăng sĩ chơi cymbals và trống trong lễ hội Buddha Mahotsava.

Tại sân khấu trung tâm, trong tiếng tụng kinh và tiếng trống, các vũ công đã chứng minh sự đa dạng của các phong cách múa và âm nhạc của bang A.P. Lễ hội cho thấy ảnh hưởng của Phật giáo trong cuộc sống của người dân bang này.

(ANI – November 5, 2016)



Các nhà sư trình diễn nhạc tại
lễ hội Buddha Mahotsava ở
Bomdila, Ấn Độ
Photo: ANI



THỀ THƯỜNG

*Đông sắp đến rồi, thu sẽ qua,
Ủ ê cây cỏ mất hương hoa,
Lá vàng bay lượn theo chiều gió,
Cây cảnh chuyển mình trước hiên nhà.*

*Ngắm cảnh đổi thay cùng thời tiết,
Nghĩ lòng xao xuyến với can qua.
Xin người cố giữ tâm chân chính,
Thủ phận tu tâm đúng Phật đà.*

(Mạnh đông Bính thân – 2016)

Tâm và Tướng (*)

*Tâm tướng do duyên tạo sanh ra,
Tướng tâm tùy nghiệp thọ báo mà, . . .
Tâm tu hành tốt nhìn diện mạo,
Tướng vọng sinh ra giống tà ma.*

*Tướng tốt chung vui cùng pháp giới,
Tâm hiền kết nạp chúng thiên na.
Tướng tâm xuất hiện tùy theo nghiệp, . . .
Tâm tướng tùy duyên : thiện hay tà!*

(Mạnh đông Bính thân - Otc. 24, 2016)

thơ **ĐIỀU NGỰ TỬ TÍN NGHĨA**

(*) Bài này tác giả đọc thơ trên mạng, không biết tác giả là ai, nhưng rất thích và xin phỏng theo, nhưng họa không nguyên vẹn.

XÂY DỰNG HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH

Sa môn Thích Thắng Hoan

(tiếp theo kỳ trước)

B)- ĐỐI VỚI CON CÁI:

Đôi chồng vợ phải luôn luôn tâm niệm rằng, mình sanh con có hai mục đích: thứ nhất làø nối dõi tông đường và thứ hai là nhờ chúng nó quan tâm chăm sóc mình khi tuổi xế chiều. Muốn được hai điều trên, phận làm cha mẹ phải thực hiện những căn bản sau đây:

1)- Thường Xuyên Phải Cho Con Bú Sữa Mẹ:

Theo Duy Thức Học, tâm lý thị quan hệ với sinh lý cho nên mỗi khi tâm lý tác dụng thì khiến cho sinh lý bị kích thích, thí dụ tâm lý ái dục tác dụng thì khiến cho sinh lý phát động đòi hỏi hưởng thụ, các tâm lý khác cũng giống như thế, từ đó đi đến kết luận: Tâm lý thương yêu của người mẹ quan hệ đến sữa của mẹ và cho con bú sữa của mẹ thì tạo nên tình cảm giữa mẹ con gắn bó với nhau. Giá trị của sữa mẹ, quyển sách "Khởi đầu Khỏe mạnh, Phát triển Thông Minh" (Bé Sơ sinh của Bạn) do Bộ Nông Nghiệp Mỹ, Bộ Giáo dục Mỹ, Bộ Y Tế và Dịch vụ Nhân sinh Mỹ thực hiện, mục "Sữa Mẹ Là Tốt Nhất Cho Trẻ Sơ Sinh Của Bạn," trang 9 nói rằng:

"Sữa mẹ là tốt nhất cho trẻ sơ sinh của bạn. Trẻ sơ sinh được bú sữa mẹ thường không hay ốm và thường không bị nhiều dị ứng. Thậm chí chúng nó có thể còn thông minh hơn! Đồng thời, cho bú sữa mẹ dưỡng như còn bảo vệ mẹ khỏi một vài vấn đề về sức khỏe."

Muốn tìm hiểu thêm về nuôi con bằng sữa mẹ, người mẹ nên liên lạc Liên Đoàn La Leche theo số 1-800-LALECHE hoặc xem trang Web tại địa chỉ www.lalecheleague.org.

Cho nên người mẹ muốn tình cảm của con mình sau này đừng lạc lõng với mình thì thường xuyên cần phải cho con bú sữa của mình.

2)- Đừng Hun Hít Âu Yếm Khi Con Mình Đang Ngủ:

Các tâm lý đều có năng lực riêng của mỗi loại, như tâm lý tham thì có năng lực điều



khiến con người hành động theo tâm lý tham điều khiển, tâm lý sân thì có năng lực điều khiển con người sân hận theo nó chỉ đạo, tâm lý si mê thì có năng lực khiến con người hành động ngu si theo sự chỉ đạo của nó, tâm lý ái dục thì cũng có năng lực khiến con người chạy theo ái dục điều khiển kèm chế không được, v.v... Hành động hun hít âu yếm là trạng thái tâm lý ái dục sinh hoạt, trạng thái tâm lý này mang tánh chất si mê, có lúc si mê đứng ra chỉ đạo thì khiến cho con người hành động trở nên đam mê, thiếu lý trí xét đoán, nhìn "kẻ sút môi vẫn thấy đẹp, lợi dụng vẫn thấy trung thành." Do đó cha mẹ chỉ nên hun hít âu yếm con mình trong lúc nó thức, không nên hun hít âu yếm khi con mình đang ngủ mê.

*)- Con mình đang lúc thức, sáu tâm thức của nó hiện có mặt và đang sinh hoạt trong thân thể thì nó mới có cảm giác. Nhưn lúc nó đang thức cha mẹ hun hít âu yếm nó thì Ý Thức của nó tiếp nhận có phân biệt, có chọn lựa và có giới hạn và khi nó tiếp nhận đầy đủ tình cảm của cha mẹ ban cho liền có những cử chỉ như tránh mặt qua chỗ khác hoặc đưa hai tay đẩy cha mẹ qua một bên.

*)- Còn đứa con khi ngủ mê, sáu Tâm Thức của nó không còn hiện hữu, chỉ còn lại hai Tâm Thức Mạt Na và A Lại Da trong thân thể của nó cho nên lúc đó nó không có cảm giác nhận thức; cha mẹ hun hít âu yếm trong lúc đứa con đang ngủ mê, nghĩa là cha mẹ trút hết vào tâm của nó sự đam mê luyến ái qua tâm Thức Mạt Na tiếp nhận không có phân biệt chọn lựa và không giới hạn, khiến tâm của nó bị ô nhiễm ngu si dẫn độn, sẽ làm trở ngại sự học hỏi của nó sau này kém thông minh khi nó lớn lên. Muốn con mình lớn lên trở nên người thông minh sáng suốt, một trong những điều kiện là không nên hun hít âu yếm chúng nó trong lúc ngủ mê.

3)- Tạo Tình Cảm Nương Tựa Giữa Cha Mẹ Và Con Cái:

Như trước đã trình bày theo tinh thần duy-

ên sanh, con người sống cần phải có chỗ nương tựa để tồn tại, để nảy nở và phát triển tâm hồn, nhưng đã sống chung với nhau mà không có tình cảm gắn bó với nhau thì không có hạnh phúc an lạc. Con người sống chung với nhau mà không có tình cảm gắn bó thì đối xử với nhau có tánh cách máy móc, tính toán thiệt hơn, thái độ lợi dụng lẫn nhau hơn là thể hiện sự chân tình trao đổi chia sẻ. Trong một gia đình, con người muốn có hạnh phúc an lạc thật sự thì mỗi người cần phải xây dựng tình cảm nương tựa. Nhất là con cái, chúng nó cũng cần phải có chỗ nương tựa để đặt tình cảm. Chúng nó đặt tình cảm nương tựa nơi cha mẹ thì thương yêu và sẵn sàng hy sinh cho cha mẹ, chúng nó đặt tình cảm nơi súc vật như con gấu vãi, con búp bê, con mèo, con chó thì thương yêu và sẵn sàng hy sinh cho những súc vật nói trên. Tại sao đứa trẻ lớn lên chỉ biết thương yêu và quý mến những con gấu, con búp bê bằng vãi, hoặc thương yêu và quý mến con mèo, con chó hơn thương yêu và quý mến cha mẹ của nó? Nguyên do cha mẹ không cho nó đặt tình cảm nương tựa nơi mình, cho nên nó phải đặt tình cảm nương tựa vào những chỗ khác, như nương tựa con gấu, con búp bê bằng vãi, v.v... để cho tình cảm của nó nảy nở và phát triển. Cha mẹ muốn cho con mình luôn luôn mến thương tưởng nhớ đến mình thì phải để cho chúng nó nương tựa tình cảm từ khi sanh ra cho đến khi thành danh. Cha mẹ muốn con mình dâng trọn tình cảm nương tựa nơi mình thì phải theo những điều kiện sau đây:

a)- Phải ngủ chung với con cái:

Con cái từ hai tuổi cho đến khoảng 12 tuổi, cha mẹ phải tìm cách thường xuyên ngủ chung với chúng, cha thì phải ngủ chung với con trai và mẹ thì phải ngủ chung với con gái, phải thường xuyên kể những gương tốt của mình, của gia tộc cho chúng nghe, đừng để cho chúng ngủ riêng một mình trong một căn phòng suốt năm này qua năm nọ khiến cho tâm hồn của chúng lớn lên trong sự cô đơn lạc lõng. Chúng nó tuổi còn bé thơ nếu như ngủ



riêng một mình trong một căn phòng trống vắng suốt năm này qua năm nọ thì tâm hồn của chúng trở nên ốc đảo và tình cảm của chúng trở nên lạnh lùng với cha mẹ. Giữa đêm khuya thanh vắng, tâm hồn chúng nó cảm thấy cô đơn đáng sợ, trong lúc đó không làm sao hơn đành phải gởi gắm tình cảm vào gối ôm, vào con gấu, vào búp bê hoặc vào con mèo, con chó, v.v... để được ấm lòng cho yên giấc ngủ và cũng từ đó những vật này trở thành bạn lành gắn bó đậm đà không thể phân ly với chúng nó. Tình cảm của chúng nó đã đặt trọn vẹn vào gối ôm, vào con gấu, con búp bê, v.v... thì đối với cha mẹ lẽ tất nhiên trở nên lạc lõng xa vời và cách biệt. Mình là người lớn, nếu ở một mình trong một gian nhà hay ngủ riêng một mình trong một căn phòng còn cảm thấy cô đơn, buồn tẻ, huống chi là đứa bé còn trẻ thơ. Cho nên cha mẹ muốn con mình đặt trọn tình cảm gắn bó với mình phương pháp đầu tiên và tốt nhất là phải tìm cách ngủ chung với chúng nó để làm chỗ nương tựa cho chúng nó an tâm.

b)- Làm gương tốt cho con cái:

Tâm lý của những đứa con, nhất là con gái thường tự hào hãnh diện và khoe khoang với bạn bè những điều tốt của gia đình của cha mẹ và chúng nó cũng đau lòng cũng tủi hổ với bạn bè khi bạn bè cho biết những điều không tốt của gia đình của cha mẹ chúng nó. Cha mẹ phải luôn luôn thể hiện những đức tánh tốt cho chúng nó lý tưởng. Bậc làm cha mẹ đừng làm cho chúng nó mất niềm tin với những tật xấu của mình qua hành động, lời nói hay tư tưởng. Châm ngôn thường nói: "Không có những đứa con xứng đáng khi cha mẹ không xứng đáng" trong quyển Hạnh Phúc Lửa Đồi, trang 99, của Ven. Dr. K. Shi Dhammananda, Thích Tâm Quang dịch. Cha mẹ lý dị là điều bất hạnh lớn nhất của con cái, làm tổn thương lớn nhất về mặt tâm lý của con cái, trước hết là thiếu chỗ nương tựa cho tâm linh, làm mất lý tưởng thân tượng của con cái về mặt thiêng liêng trong đó có sự bất kính đối với cha mẹ len lỏi vào tâm hồn của chúng nó, vì chúng nó cảm thấy rằng tương lai đen tối sẽ đến với chúng nó khi bị cha mẹ bỏ rơi. Chồng vợ nếu có sự bất hòa vấn đề gì, nếu như việc nhỏ nhặt thì hai người âm thầm giải quyết lấy đừng cho con cái biết, đừng để tổn thương đến tâm hồn trong trắng



của chúng; còn như những việc bất hòa trở nên lớn chuyện có thể đi đến ly dị nếu như con cái đã lớn thì nên đem ra thảo luận với chúng, vì chúng nó cũng có nhiều ý kiến quan hệ tình thần với cha mẹ trong cộng đồng sống chung gia đình, nếu cha mẹ còn nghĩ tình nghĩa với con cái. Thật là một điều bất hạnh và khổ đau nhất cho con cái khi bị cha mẹ bỏ rơi để họ sống cho hạnh phúc riêng tư. Nói tóm lại, bậc làm cha mẹ luôn luôn phải biểu tượng tấm gương tốt trong mọi góc độ qua hành động, qua lời nói và qua ý tưởng để cho con cái noi theo.

c)- Theo dõi sự học hành của con cái:

Theo quyển *Hạnh Phúc Lửa Đồi* của Thích Tâm Quang dịch, trang 101 giải thích: "Nhà là trường học đầu tiên và cha mẹ là thầy giáo đầu tiên. Trẻ con thường học những bài học vỡ lòng tốt và xấu nơi cha mẹ." Bổn phận của cha mẹ là phải luôn luôn quan tâm đến đời sống của con cái nhất là vấn đề học vấn, nền tảng căn bản của đời sống hạnh phúc của con cái trong tương lai. Thầy giáo đào luyện kiến thức văn minh cho con cái trong trường học, còn cha mẹ giáo dục kinh nghiệm đạo đức làm người cho con cái trong trường đời. Nhưng trường học thì khác hơn trường đời, trường học chỉ giáo dục con người qua sách vở, còn trường đời thì giáo dục con người qua kinh nghiệm sống. Để cho trường học và trường đời không mâu thuẫn với nhau trong phương hướng xây dựng hạnh phúc tương lai cho con cái, cha mẹ phải thường xuyên theo dõi sự học hành của con cái mình. Những điều kiện theo dõi sự học hành của con cái như sau:

1)- Điều kiện thứ nhất:

- *)- Cháu nào học giỏi cha mẹ khen thưởng,
- *)- Cháu nào học kém cha mẹ an ủi khuyến khích, thí dụ như khuyến khích nó cố gắng học cuối tháng được điểm cao tặng quà cho nó, v.v...
- *)- Cháu nào nếu như cuối niên khóa học



kém, cha mẹ phải theo dõi cháu có năng khiếu gì thì cho nó học ngành nghề theo năng khiếu của nó, nhờ đó nó mới chăm học để năng khiếu được phát triển. Châm ngôn có câu: "Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh," nghĩa là bất cứ nghề nào, miễn nghề đó được điều luyện tinh xảo thì một đời được vinh hiển, đừng bắt ép con mình học theo ý muốn của mình mà những môn học đó không phải đúng năng khiếu và sở thích của chúng nó.

2)- Điều kiện thứ hai:

Cha mẹ theo dõi những điều học được trong nhà trường có lợi hay có hại về mặt tình cảm trong gia đình, có những môn học có lợi về mặt khoa học kỹ thuật nhưng không có lợi về mặt đạo đức tình cảm làm người. Thí dụ:

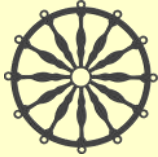
*)- Nhà trường dạy cháu về giá trị giữa công nhân và chủ nhân, nghĩa là chủ nhân phải trả lương tương xứng công suất của công nhân và không được cướp công của công nhân. Khi về nhà, cha mẹ nhờ cháu làm một việc gì đó và cháu khi làm xong việc đó liền đòi hỏi cha mẹ phải trả công cho cháu, cha mẹ không trả công cho cháu thì cháu cứ trách móc cha mẹ cướp công của cháu. Ba má cháu hỏi ai dạy con như thế, cháu trả lời nhà trường dạy. Từ đó cha mẹ và cháu sút mẻ tình cảm với nhau. Cho nên cha mẹ phải theo dõi để giải thích lại mặt trái của vấn đề để cháu so sánh chọn lựa.

*)- Có một số nhà trường dạy triết lý sex cho học sinh và cho rằng hành động tình dục không có tội lỗi. Sau khi học xong, đa số học sinh thích thú muốn thí nghiệm cho biết, mà chúng nó không rõ vấn đề tình dục sẽ gây đau khổ cho cá nhân cho gia đình, cho cả xã hội và bị người đời khinh khi, còn cho tình dục là món hàng quá tầm thường không còn quý trọng, mất lý tưởng, thường gọi là "Tình yêu bán chợ trời."

Ngoài ra còn nhiều vấn đề khác có hại cho luân lý, cho đạo đức và cho tình cảm của con người mà bậc làm cha mẹ phải có bổn phận theo dõi để giải thích lại mặt trái của mọi vấn đề để cho con mình hiểu biết, có nghe được hai tiếng chuông thì mới biết tiếng chuông nào kêu hơn.

(còn tiếp)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: Ban Tang Lễ, Tổ Đình Thiên Tôn-Huế, Tổ Đình Long Sơn-Nha Trang, Môn Đồ Pháp Quyển của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thiện Bình,

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được tin Hòa Thượng Húy thượng Tâm hạ Địa, Hiệu Thích Thiện Bình, Nguyên Chánh Đại Diện GHPGVNTN Tỉnh Khánh Hòa, Nguyên Tổng Thư Ký Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức Nha Trang, Trú Trì Tổ Đình Thiên Tôn-Huế, Trú Trì Tổ Đình Long Sơn-Nha Trang, sinh năm Quý Dậu (1933) tại Mỹ Tho, đã thâm thán thị tịch vào lúc 8 giờ 45 phút tối ngày 17 tháng 11 năm 2016 (nhằm ngày 18 tháng 10 năm Bính Thân) tại Tổ Đình Sắc Tứ Long Sơn, Nha Trang, Khánh Hòa, trụ thế 84, hạ lạp 64.

Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thiện Bình đã tận tụy công hiến cho sự nghiệp hoằng dương Chánh Pháp, giáo dục Tăng, Ni, mà trong đó có Viện Cao Đẳng Phật Học Hải Đức- Nha Trang là nơi đào tạo nhiều thế hệ Tăng, Ni tài đức đã và đang đóng góp lớn lao cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH nhất tâm cầu nguyện Giác Linh Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Tân Viên Tịch Cao Đẳng Phật Quốc và thành tâm phân ưu đến Ban Tổ Chức Tang Lễ, Tổ Đình Thiên Tôn-Huế, Tổ Đình Long Sơn-Nha Trang cùng Môn Đồ Pháp Quyển của Cố Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thiện Bình.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật,

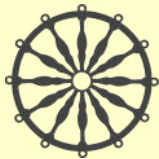
Thành kính phân ưu.

Phật Lịch 2560, Santa Ana, ngày 21 tháng 11 năm 2016

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH

Chủ tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

ĐIỆN THƯ PHÂN ƯU

Kính gửi: - Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại Đức Tăng Ni Tổ Đình
Tường Vân - Huế
- Ban Tổ Chức Tang Lễ cùng môn đồ pháp quyến của Cố Hòa Thượng
Thích Chơn Thiện

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Hội Đồng Giáo Phẩm và Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt
Nam Thống Nhất Hoa Kỳ nhận được tin Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Trụ
trì Tổ đình Tường Vân - Huế, Viện chủ Thiền viện Vạn Hạnh (Phú Nhuận, Sài
-gòn), Viện trưởng Học viện Phật giáo VN tại Huế, Tổng biên tập Tạp chí Văn
Hóa Phật Giáo, vừa viên tịch trưa ngày 08-11-2016 (9-10-Bính Thân) tại Tổ
đình Tường Vân TP. Huế.

Hòa Thượng Thích Chơn Thiện là nhà Phật học uyên bác với nhiều tác
phẩm và dịch phẩm biên khảo rất giá trị về Phật Pháp và Văn hóa; đồng thời
cũng là vị giáo sư / giảng sư có tâm vóc và ảnh hưởng lớn đối với Tăng Ni
sinh cũng như hàng phật-tử trong các trường Phật Học tại quê nhà.

Kính tiếc bậc long tượng của thiền môn - nhà giáo dục đạo hạnh và trí
tuệ của nhiều thế hệ Tăng Ni Việt Nam, toàn thể thành viên GHPGVNTNHK,
nhất tâm vọng bái Giác Linh Cố Hòa Thượng, và xin thành kính phân ưu cùng
chư tôn đức môn đồ pháp quyến.

Giáo Hội kính mong chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa,
Đại Đức Tăng, Ni tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công
đức lớn lao mà Cố Hòa Thượng tân viên tịch đã một đời cống hiến cho Đạo
Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Thành kính phân ưu,
California, ngày 10 tháng 11 năm 2016,
Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK
Chủ tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CÁC PHẬT TỬ TIN TƯỞNG GÌ?

HT. Thích Chơn Thiện

Đây là câu hỏi mà nhiều người gần đây khi đối mặt với những lời dạy của Đức Phật thường đặt ra, và sau khi đã quyết nghị, nhiều người tự nguyện tuyên bố mình là đệ tử Đức Phật.



HT. THÍCH CHƠN THIỆN
(1942—2016)

1. Tín ngưỡng trong Phật giáo

Trước hết cần phải hiểu ý nghĩa của từ tín ngưỡng (belief) trong Phật pháp, tín ngưỡng bao hàm lòng tin (faith) hay đức tin và cả hai từ này đối với tín đồ Thiên Chúa giáo đều mang ý nghĩa “tín điều” (creed) (gồm hết những gì gọi là tín ngưỡng) và giáo điều (dogmas – những điển đạt của nhà thờ áp đặt lên mọi tín đồ thực thụ).

Trong Phật pháp không có tín điều và giáo điều. Người Phật tử tự do đặt nghi vấn mọi điều Phật pháp. Quả vậy, Bắc Đạo Sư đã từng khích lệ họ làm như thế. Không có gì ngăn cấm người Phật tử đặt nhiều nghi vấn, không có lời dạy nào bảo người Phật tử phải khép kín tâm trí mình lại, và phải tin tưởng một cách mù quáng.

Sở dĩ như vậy là vì lòng tin trong ý nghĩa của Phật giáo không mang tính chất mù quáng mà bao gồm trí tuệ. Như vậy, một người được thu hút đến Phật pháp bởi vì anh ta có trí tuệ nào đó để trực nhận một ít sự thật trong Phật pháp, trong khi đó, do lòng tin, anh chấp nhận những sự thật của giáo lý như là những gì mà anh ta chưa xác chứng.

Thực hành Phật pháp, anh ta thấy rằng Phật pháp thực sự hữu hiệu, thực tiễn và như thế lòng tin của anh ta tăng trưởng lên. Khi lòng tin tăng trưởng, anh có thể thực hành sâu xa hơn và như thế anh chứng nghiệm nhiều hơn về sự thật. Do đó lòng tin lại càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn.

Như vậy, thực hành lòng tin và trí tuệ bổ túc cho nhau và làm cho nhau mạnh mẽ lên. Trong trường hợp này, cũng như trong nhiều

giáo lý của đạo Phật, thật dễ hiểu tại sao Phật pháp được biểu tượng bằng một bánh xe Pháp vì đây là biểu tượng của một sự trưởng thành tích cực cho dẫn chứng trên.

2. Thực hành và xác chứng lời Đức Phật dạy

Thực hành và xác chứng lời Đức Phật dạy sẽ đưa đến kết quả là người ta sẽ tự mình chứng nghiệm sự thật của toàn bộ giáo lý Đức Phật trong chính cuộc đời này. Điều này được thực hiện nhờ tinh cần thực hành.

Đức Phật đã bảo đảm cho mọi người rằng họ có thể xác chứng những lời dạy của Ngài khi Ngài tuyên bố rằng giáo lý của Ngài là cái gì để “đến và thấy”, có nghĩa là tìm hiểu cho chính mình thực hiện thử xem nó có hữu hiệu không, điều ấy có thể thực hiện được, vì Đức Phật không quan tâm đến lý luận (những thứ chỉ dẫn đưa con người đi lạc hướng), mà quan tâm đến những phát hiện và những lời dạy về con đường thực tiễn của tiến bộ tâm thức, “con đường hướng nội” mà người trí tự xác chứng cho mình.

3. Phật pháp là phương pháp chứ không phải là học thuyết

Điểm này đưa đến một sự phân biệt rất quan trọng khác giữa giáo lý của Đức Phật và giáo lý của hết thảy các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác dạy những học thuyết, tín điều và giáo lý không đưa ngay đến thực chứng (hay thực ra chúng được giả thiết rằng sẽ được thực chứng) mà phải được chấp nhận với lòng tin. Đức Phật dạy những phương pháp người ta có thể áp dụng vào đời sống riêng của mỗi người và nhanh chóng thấy được lợi ích của sự thực hành ở đây và bây giờ.

Thực vậy, toàn bộ giáo lý Phật giáo đã là một khối lượng những phương pháp uyển chuyển thích hợp nhiều mặt cho từng lúc, từng nơi khác nhau và quan trọng nhất là cho những căn tánh khác nhau của con người. Ngoài việc định nghĩa Đạo Phật là những phương pháp hay những phương tiện thiện xảo, thật chính xác khi nói rằng đạo Phật không có lời dạy nào mà không:

a) *Xây dựng trên căn bản*
hoặc

b) *Dẫn đến sự giác ngộ tối thượng như Đức*

Phật đã chứng nghiệm.

"Xây dựng trên căn bản" có nghĩa là phát khởi từ kinh nghiệm chứng ngộ đã khiến Đức Gotama, vị ẩn sĩ khổ hạnh, trở nên một Bạc Giác ngộ hay một Bạc Giác tỉnh (Đức Phật ở đây là một tước hiệu chứ không phải là một cái tên). "Đẫn đến" nghĩa là tất cả các lời dạy của Đức Phật đều nhằm mục đích là tất cả mọi người thực hiện đều có thể đi đến chứng nghiệm cái đại tuệ mà Đức Phật đã chứng đạt.

4. Ngôi Tam Bảo

Vậy thì Phật tử đặt tin tưởng vào đâu? Họ tin vào ngôi Tam Bảo: Đức Phật, Pháp và Tăng (những đệ tử giác ngộ của Đức Phật). Ở Thái Lan, khi đi đến một ngôi chùa Phật để tụng đọc bằng tiếng Pali cổ mà Đức Phật đã thuyết, tụng đọc những đoạn văn xuôi, những câu kệ tôn kính và tán thán ngôi Tam Bảo, trong những dịp ấy, Phật tử tự hiến mình để đi theo, để hiểu và chứng nhập nội tâm ý nghĩa về Phật, Pháp và Tăng già (1). (Đức Phật, những lời dạy của Ngài và các đệ tử của Ngài). Phật tử là người nương tựa nơi ngôi Tam Bảo hay đến để nhận sự hướng dẫn của ngôi Tam Bảo vì họ đã tìm thấy ở trong đó những dấu hiệu của chân lý vô úy và tối thượng.

5. Tôn kính những Bạc Đạo Sư

Chúng ta cần đề cập đến sự tôn kính đối với các bậc thầy về tinh thần, những vị tu sĩ hoặc cư sĩ trong giới Phật giáo. Những Bạc Đạo Sư ấy là những "Thiện hữu" cho chúng ta những lời khuyên quý giá, thường dựa vào những chứng đắc mà quý vị ấy đã đạt được một cách khó khăn, chỉ cho chúng ta con đường chân chính đưa đến giải thoát. Hình thức cung kính những Bạc Đạo Sư như thế (những vị đối với những đệ tử trong hiện tại, tiêu biểu cho Đức Phật) và những tranh tượng của chính Bạc Giác Ngộ, mà nếu thiếu đức tính khiêm cung ấy thì người ta chỉ có rất ít hoặc không có tiến bộ tâm thức nào.

Chúng ta thấu hiểu rõ ràng, trong tâm lý học Phật giáo, chẳng những tâm ảnh hưởng vào thân, mà những hành động của thân cũng ảnh hưởng vào tâm, cả hai thực sự phụ thuộc nhau. Từ đó có sự cẩn trọng trong lễ lạy, sự thân thiết khi thực hiện và thái độ niệm tưởng cần phải kèm theo. Người ta thường lễ lạy ba lạy liên tục tỏ lòng tôn kính Bạc Giác Ngộ, tôn kính con đường đi đến giác ngộ của Ngài và tôn kính những vị nhờ hành trì theo con đường ấy mà đạt được giải thoát, khỏi những ô nhiễm của tâm và đạt được trí tuệ gọi là giác ngộ.

Việc thực hành Phật pháp có hiệu quả, đặc biệt về những phần thiên định và trí tuệ, điều này, tùy thuộc rất nhiều vào việc ta có được một người hướng dẫn mà chắc chắn có kinh nghiệm nhiều hơn chúng ta hay không. Mặc dù có một vài loại thiên định của Phật giáo mà việc thực hiện không cần có thầy chỉ dẫn, nhưng thông thường thì sự có mặt của thầy

vẫn đem lại cho chúng ta nhiều lợi lạc hơn, nếu đây là một vị thiện xảo. Những vị thầy ấy rất đáng kính vì nếu có đủ cả kiến thức và trí tuệ thì các vị thầy ấy giúp ích rất nhiều cho những ai học và thực hành giáo pháp.

Những lễ dâng trong một ngôi chùa

Trong vấn đề tôn kính, hẳn cũng cần phải biết ý nghĩa của nhiều những lễ dâng lên Đức Phật, vì Phật giáo thực sự không chứa đựng cái gì vô nghĩa cả, nếu có sự thực hành vô nghĩa nào thì thực ra đó không phải là giáo lý của Đức Phật.

Có ba lễ dâng thông dụng: hương, hoa, và đèn, cho chúng ta dịp thực hiện một ít thiền quán riêng lẻ trong khi chúng ta dâng lễ.

- Khi thắp nến hay đèn, chúng ta tác niệm: "Ôi mong sao con được giác ngộ".

- Những cây hương được thắp từ ánh lửa nền (hay đèn) ấy (thường là 3 cây hương) với tác niệm "để thành tựu sự giác ngộ ấy", trong khi mùi hương dịu tỏa khắp mười phương, xin nguyện cho mùi hương đức hạnh của con rải đến khắp cả chúng sinh.

- Dâng hoa với hai bàn tay chắp lại ta suy nghĩ: "Cuộc đời này thì ngắn ngủi, cho dù những bông hoa này, ngày hôm nay tươi đẹp ngày mai sẽ úa tàn và vãn mùi. Cái mà con gọi đây là thân xác thì cũng như thế mà thôi".

Hiểu được điều ấy trong cuộc sống trôi chảy và vô thường này, người Phật tử nỗ lực duy trì và nâng cao tiêu chuẩn giới đức của mình và bước thêm một bước hướng về giác ngộ. Thịnh thoàng Phật tử cũng dâng cúng thực phẩm và nước uống lên hình tượng của Bạc Đạo Sư, dĩ nhiên họ không nghĩ rằng Ngài sẽ dùng, mà chính họ, bằng thái độ sùng đạo, họ chỉ dùng thực phẩm khi nào một ít của phần thực phẩm tốt được dâng cúng Đức Phật trước tiên. Đức Phật là tối thượng của loài người, Ngài xứng đáng với những dâng cúng tốt nhất, phần hơn nữa, việc tu tập của người Phật tử gồm trong sự chia sẻ những thứ tốt lành cho người khác.

Ba lễ vật thông thường đôi khi còn được nối kết trực tiếp với ngôi Tam Bảo: Những bông hoa, đặc biệt là hoa sen, là những biểu tượng về Đức Phật.

Vì hoa sen mọc lên từ bùn mà không ướm nhiễm. Ngay cả một giọt nước cũng không đọng lại trên lá sen. Tương tự như thế, Đức Phật là Bạc Đạo Sư sống giữa thế giới rối rắm của nhục dục mà Ngài vượt lên khỏi nhục dục.

Ngài ở trong thế giới này nhưng ngay cả một ham muốn nhỏ nhất cũng không ảnh hưởng đến tâm trí Ngài. Đây là biểu tượng của hoa sen. Những bông hoa đẹp khác nhắc nhở tín đồ về những đức tính sáng ngời và tốt đẹp của Đức Phật.

Ánh sáng được cúng dường trong trường hợp này là biểu tượng cho Giáo pháp luôn thắp sáng những vùng tối tăm của tâm thức và đem giác ngộ thay thế vô minh. Tăng già (của Bạc

Giác ngộ) được biểu tượng bằng hương, bởi vì sự thành tựu giới đức của các vị ấy tỏa rộng mọi hành động của thân, khẩu, ý.

Sau khi đã nói về ý nghĩa của lòng tôn kính của người phật tử, bây giờ chúng ta diễn tả rõ ý nghĩa của từng ngôi báu. Tuy nhiên, cần phải nhấn mạnh trước rằng ba ngôi báu liên hệ nhau không thể tách rời ra được về mặt tu tập và chứng đắc. Vậy nên không thể có Pháp bảo và Tăng bảo nếu như không có một Đức Phật xuất hiện trước ở đời. Sự tương tục của Pháp tùy thuộc vào Tăng, nhân tố truyền bá Pháp.

Tăng thì tương tục nếu vẫn còn có những vị tu tập và chứng đắc Pháp. Không thể nói rõ rằng Phật bảo tùy thuộc Pháp bảo như thế nào. Sở dĩ như thế là vì chư Phật có xuất hiện ở đời hay không xuất hiện ở đời, Pháp bảo vẫn là mãi mãi chân thật. Thông thường, Pháp bảo được diễn tả là "phi thời gian", không có một lúc nào là lần đầu tiên Pháp trở nên thật (như trong trường hợp các tôn giáo mắc phải) và cũng không có một lúc nào trong tương lai Pháp không còn là thật nữa. Khi nào còn có đời sống hữu tình thì Giáo pháp này hẳn cần thiết chứa đựng sự thật liên quan đến kinh nghiệm về cuộc đời (và không dính dáng gì tới những lý thuyết hay giáo điều).

Quả thực rằng pháp có thể có lúc bị tạm thời quên đi trong những khoảng thời gian cách quãng giữa những chứng đắc, nhưng ngay cả khi bị quên lãng, Pháp vẫn còn là thật và chờ đợi được phát hiện.

Người đã phát hiện ra tuệ giác cổ xưa, với tính viên mãn và sáng sủa của nó được gọi là một vị Phật, một chứng đắc tâm linh vượt lên tất cả mọi chứng đắc tâm linh. Như vậy quá dễ hiểu lời dạy của những hiền triết Phật giáo về sau này, những người đã nhận cách hóa tinh hoa của Pháp như là sự toàn hảo của trí tuệ mà gọi Pháp là Mệ của chư Phật.

(1) Trong Phật giáo, không có việc "thờ thần tượng". Hình tượng Đức Phật trong các ngôi chùa gọi cho các Phật tử một số đức tính của Bạc Đạo Sư và Giáo pháp; hình tượng ấy làm cho họ tưởng niệm đến những đức tính như thế và do đó phát triển chứng trong chính họ. Hình tượng Đức Phật cũng hỗ trợ rất nhiều trong thiền định và có thể được sử dụng để làm an tịnh tâm vào lúc chết.

Lại nữa, không có sự cầu xin trong các tu viện Phật giáo. Người ta không cầu xin một Bạc Đạo Sư đã đạt cứu cánh Niết Bàn hơn 2500 năm rồi; người ta kính ngưỡng và tôn quý Ngài. Sự cầu xin phước lạc cho người ta hoàn toàn xa lạ đối với tư tưởng Phật giáo, tư tưởng Phật giáo vẫn nhằm thực hiện vô ngã.



ĐOẢN KHÚC THU

*bàn tay của cây phong
đã bắt đầu chạm
trên thân thể mùa thu
gió đang thuyết giảng về mùa thu
những con ve bịt tai
chỉ có hàng cây nghiêng ngả
những viên sỏi già nua
lặng nghe tiếng khóc trẻ thơ
của con suối tái sinh
hai bàn chân thức dậy
thì thắm trong chần
mùa thu tới
sáng nay mưa
mặt trời rũ những sợi tóc lấp lánh
rơi trên vai núi
người đàn bà trước gương
nhặt được vết chân chim
mùa thu trên đuôi mắt.*

thơ TRẦN MỘNG TÚ

Giới thiệu thi phẩm "Theo Dòng Thời Gian"

HẠNH NGUYỄN ANH QUẢNG PHƯỚC

*Phụ Yên có vị họ Huỳnh,
Pháp danh Quảng Phước tên Huỳnh Tấn Lê.
Vợ là Diệu Đức trọn bề,
Hiếu trung đầy đủ chẳng chê chỗ nào.
Phụ chồng công tác Phật trao,
Giấy tờ bảo trợ biết bao nhiêu vì,
Có công lo giúp Tăng ni,
Nhiều đêm thức suốt không hề kể công,
Cũng không phân biệt tông môn,
Vị nào tu học, hết lòng lo toan.
Còn lo giúp đỡ nhiều đường,...
Như là túng thiếu, tìm phương đỡ đần,
Về việc Giáo hội hết lòng,
Vừa lo giấy phép, vừa trông việc làm,...
Nào là Phật Đản, Vu Lan,
Nào là tu học, hết lòng dang tay.
Lại không một tiếng van nài,
Nhiều khi bị mắng, bị rầy thật oan.
Thật là Bồ tát tái sinh,
Tâm không phân biệt là mình hay ta.
Miễn sao trên thuận dưới hòa,
Kính trên nhường dưới thật là ấm êm.
Nguyên cầu Tam Bảo ghi tên,
Một mai hầu Phật, ngồi bên Di Đà.*

THẦY TÍN NGHĨA

Mạnh Xuân Giáp ngo - 2014

DIỆU ĐỨC—NGUYỄN KIM LOAN

Theo Dòng Thời Gian



BÍNH THÂN — 2016

LỜI GIỚI THIỆU

Nhận được tập thơ qua dạng email, tôi lần đọc từng bài. Từ bài đầu tiên "Mẹ là Biển," cho đến hết tập thơ là bài "Tùy Duyên." Tổng cộng tất cả là 146 bài dưới nhiều loại: thơ tám chữ, thơ bảy chữ, thơ lục bát, thơ ngũ ngôn tứ tuyệt, thơ tứ cú... Phải nói là tác giả đã sâu sắc có cái nhìn thẩm thấu vào đời sống hằng ngày, bằng một tâm tình nhạy cảm, chân thật mang nhiều ước lệ của tình người. Tác giả đã nói về tình Mẹ, đã cảm xúc về tình Cha, đã lặng lẽ kín đáo về tình chồng và âm thầm phụng hiến cho tình Đạo. Hình như tác giả trải nghiệm rất nhiều qua các thứ tình ấy, để chính bản thân mình chìm sâu trong những lời thơ: một ân tình quê hương, một tự tình gia đình, một niềm tin yêu Tam Bảo. Tất cả như là chất liệu để dệt thành những trang thơ đầy tình người và đức tin để trao tặng cho người đọc một cảm quan thư thái, như bài "Thơ tôi":

*"Mẹ Cha là ánh mặt trời
Hương về Tam Bảo cho đời nhẹ tênh
Thơ tôi mộc mạc chân tình
Như hoa sen trắng vươn mình lên cao
Hương thơm tỏa ngát thanh tao
Lời thơ không đủ nói sao cho vừa.*

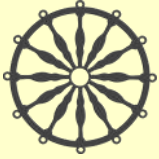
Mặc dù lời thơ mộc mạc, không văn chương, mượt mà nhưng tha thiết chân tình, mang tính thật trong hương thơ để nhắc nhở trọn cả tấm lòng như bài thơ: "Viết cho ông Quảng Phước":

*"... Bốn mươi lăm năm nhiều kỷ niệm
Đến bây giờ lời nguyện sắt son
Tình tôi luôn mãi vuông tròn
Thủy chung tôi giữ, vẫn còn như xưa..."*

*"... Ông là người có lòng quảng đại
Giúp Tăng Ni không ngại điều chi
Tôi đây không biết nói gì,
Cầu xin ơn Phật gia bì tâm an."*

Lời giới thiệu đến với quý độc giả để cùng chia sẻ những tâm tình được tồn trữ, gói ghém nơi đây được xem như là một tác phẩm thi ca trên nền văn học Việt Nam Hải Ngoại. Từng lời thơ âm hưởng âm thầm đi vào lòng người và sống liên tục ở nơi đó.

San Diego, ngày 8 tháng 10 năm 2016
Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH – EXECUTIVE COUNCIL
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC – STANDING OFFICE

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704 Tel: (714) 571-0473

TÂM THƯ

VỀ VIỆC MUA NHÀ HÀNG REGENT WEST
4717 W. FIRST STREET, SANTA ANA, CA 92704 LÀM CHÙA MỚI

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính thưa quý Đồng hương Phật tử!

Chùa Bát Nhã tại 803 S. Sullivan Street có mặt tại Orange County từ năm 1993. Trong suốt quá trình hơn 23 năm, Tăng Ni Phật tử đã và đang phục vụ cộng đồng trên phương diện Tôn giáo cũng như giáo dục và từ thiện xã hội bằng tất cả thiện tâm và bốn phần của người con Phật.

Chùa đã mua thêm lô đất bên cạnh từ năm 2009 và đã tiến hành xin phép xây cất chùa mới từ năm 2010. Đến tháng 5/2016 chùa có giấy phép chính thức xây cất với kinh phí lúc đầu dự trù 4,5 triệu USD nhưng vì kéo dài thời gian hơn 5 năm nên kinh phí xây cất hiện tại đã lên hơn 7 triệu USD.

Sau đó, Chùa thuê lại nhà hàng Regent West để tiến hành xây cất chùa cũ và may mắn tại đây, chủ nhân quyết định bán nhà hàng Regent West cho chùa để làm chùa mới. Chùa Bát Nhã mới tọa lạc tại 4717 W. First Street, góc đường New Hope. Thành phố Santa Ana cũng đã tiến hành cho phép lập Chùa Bát Nhã tại địa điểm mới này. Đây là một cơ sở khang trang, tọa lạc trên mặt tiền đường First (tức đường Bolsa nổi dài) với diện tích 1.8 Acre, Parking rộng rãi, gần vùng Little Saigon và tiện việc xe Bus cũng như đi lại. Chánh điện có sức chứa đến 500 người, nhà bếp đầy đủ tiện nghi, phòng ăn sạch sẽ.

Vừa rồi, vào ngày 19 tháng 6, Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, chùa tổ chức Ngày Nhập Tụ tạm thời, Tăng Ni Phật tử tất cả đều hoan hỷ.

Ngày 19/9/2016, chùa đã hoàn thành thủ tục mua chùa mới và sang lại chùa cũ, và nay đã chính thức sinh hoạt tu học tại cơ sở mới này. Đến thời điểm này, chúng tôi rất vui mừng vì đã phần nào thực hiện được tâm nguyện xây dựng ngôi Già Lam, làm nơi sinh hoạt tu học theo giáo lý Phật đà cho thế hệ con em chúng ta trên đất Mỹ này.

Tuy nhiên, điều trần trở của Chùa hiện nay là **Chùa còn nợ lại 2,5 triệu USD** có lãi suất và chỉ cho vay thời hạn ngắn. Trước đó, chùa đã thử vay từ nhiều ngân hàng nhưng chưa có nơi nào chấp nhận. Kính mong quý Đồng hương Phật tử hoan hỷ phát tâm hộ trì Tam Bảo cúng dường, hay cho chùa mượn không lấy lời, hoặc quý Phật tử cúng dường mỗi tác đất \$200 (để có sự tin tưởng, mọi đóng góp và cúng dường đều có Receipt để khai thuế).

Kính mong quý Phật tử hoan hỷ tận tâm ủng hộ cho Chùa có đủ tài chánh để sớm hoàn lại số nợ đó và Chùa sẽ gởi hoàn lại số tiền mà quý vị đã cho mượn trong thời gian sớm nhất.

Sự phát tâm cúng dường của quý Phật tử sẽ góp phần vào công tác Phật sự to lớn này được thành tựu viên mãn. Cầu nguyện mười phương chư Phật thù từ gia hộ cho quý Phật tử và bửu quyền thân tâm luôn an lạc và vạn sự cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Nay kính,

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

Viện Chủ Chùa Bát Nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Mọi sự phát tâm cúng dường xin gửi về:

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

Bát Nhã Buddhist Temple

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703

Phone: 1(714)548-4148 Tel:(714)571-0473

Bank Account #: 325063638819

Routing #: 026009593

BANK OF AMERICA



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

EDWIN ARNOLD (1832-1904)

Edwind Arnold sinh ngày 10 tháng 7 năm 1832 tại Gravesend, quận Kent (đông nam nước Anh), con thứ hai của ông Robert Coles Arnold và bà Sarah Pizzey ở Framfield, quận Sussex (vùng đông nam Anh Quốc).

Thân phụ của Arnold sanh năm 1797 là con út của một gia đình gồm có 12 anh em. Edwin Arnold thuở nhỏ sống với cha và gia đình ở nông trại Southchurch Wick tại quận Essex (đông nam nước Anh). Những núi đồi, đồng cỏ xanh bát ngát nơi thôn quê đã ảnh hưởng nhiều đến tuổi trẻ của ông. Arnold yêu thiên nhiên và biển cả. Ông rất dốt toán, nhưng giỏi môn học cổ điển (classics), lại có tâm hồn thi sĩ, thích làm thơ. Năm 17 tuổi, giữa mùa thu năm 1849, Arnold được cấp học bổng và chiếm giải thưởng về các bài văn xuôi, văn vần bằng Anh văn và cổ ngữ La tinh. Ông cũng có khiếu về ngôn ngữ học và biết ít nhất là 19 thứ tiếng.

Về đời sống tinh thần, Arnold chịu ảnh hưởng sâu đậm Phật Giáo sau khi tìm đọc một số sách Phật của các học giả Phật tử bấy giờ. Từ ngày hiểu đạo, Arnold bắt đầu chấm dứt việc đi săn bắn các loài vật, chim muông, vốn là thú vui của ông lúc tuổi còn thanh niên.

Sau khi hoàn tất chương trình tiểu học tại trường King ở Rochester, quận Kent (miền đông nam nước Anh), Arnold vào học đại học London (thành lập năm 1836), tại đây ông được cấp học bổng nhận vào đại học College (thành lập năm 1249) ở Oxford (trung nam Anh quốc). Thời gian này, ông sống chung cùng phòng với nữ thi hào Anh, bà M.W. Shelley (1797-1851). Bài thơ đầu tiên Arnold sáng tác mang tựa đề: "The Feast of the Belshaz-

zar" (Buổi tiệc của Belshazzar) đã chiếm được giải thưởng văn chương Newdigate vào năm 1852.

Năm 22 tuổi, Arnold lập gia đình với Catharine Elizabeth Biddulph, chị của một sinh viên bạn ông. Sau khi tốt nghiệp đại học, Arnold được mời làm giáo sư dạy ở trường King Edward VI tại Birmingham (miền trung Anh quốc), đến năm 25 tuổi ông xin nghỉ dạy. Tháng 11 năm 1857, Arnold sang Ấn Độ nhận giữ chức viên trưởng đại học Deccan ở Poona (tiểu bang Maharashtra, miền tây Ấn Độ). Cùng đi với ông có cô vợ Catherine và bé trai đầu lòng Lester.



**H.T. THÍCH TRÍ CHƠN
(1933—2011)**

Sùng Kính Các Tôn Giáo Đông Phương

Theo tài liệu trong tập "The Cabinet Portrait Gallery" xuất bản năm 1893 cho biết thời gian Arnold sống tại Ấn Độ "đã giúp ông rất nhiều trong sự phát triển tinh thần, văn chương cũng như lòng tôn kính các đạo giáo Đông Phương mà chúng đã ảnh hưởng sâu xa đến văn nghiệp sau này của ông".

Làm Báo Và Khảo Cổ

Năm 1861, Arnold trở lại Anh quốc và được mời cộng tác viết bài cho tờ "Điện Tín Hằng Ngày" (*The Daily Telegraph*) tại Luân Đôn (London). Sau đó, ông nhận làm chủ bút cho nhật báo này trong suốt 40 năm liền. Năm 1893, ông qua Constantinople nhận làm chuyên viên kỹ thuật cho hoàng đế Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) để khám phá khai quật các thành phố xưa bị chôn vùi ở thị trấn Assyria (một vương quốc cổ nằm trong vùng tây nam A châu). Công tác này của Arnold đã mở đầu một trang sử mới cho Anh Quốc trong việc khảo cứu lịch sử của một nền văn minh nhân loại thời xa xưa.

Đi Nhiều, Học Nhiều

Có thể nói Arnold là con người đa dạng, có nhiều tài ba và tích cực hoạt động, ham đi, thích viết, như Lester, con trai của ông đã kể trong một câu chuyện về ông như sau: “Arnold đi khắp nơi, học các thứ tiếng, đọc mọi điều và viết đủ loại; hôm nay là ký giả thuần túy, ngày mai là tư tưởng gia, bữa nọ lại trở thành nhà thơ v.v...”

Nghiên Cứu Triết Lý, Chính Trị, Khoa Học

Arnold cũng thích nghiên cứu về khoa học, chính trị v.v... Nhiều nhà khoa học, chính trị, triết gia người Anh nổi tiếng bây giờ là bạn thân của ông và ông thường liên lạc qua thư từ để thảo luận với họ về các vấn đề trên. Một số quý vị trong đó là nhà văn vật học Thomas H. Huxley (1825-1895), triết gia Herbert Spencer (1820-1903), nhà bác vật học Charles R. Darwin (1809-1882), chính trị gia John Stuart Mill (1806-1873) và nhà hóa học William Crookes (1832-1919). Ông còn thích tìm hiểu về thuyết duy linh và là hội viên của Hội Nghiên Cứu Tâm Thần Học (*Society for Psychical Research*), đã từng kết bạn với các đại thi hào Anh quốc Lord Tennyson (1809-1892); nhà tâm lý học kiêm triết gia Mỹ William James (1842-1910) và Andrew Lang (1844-1912) nhà văn kiêm học giả Tô Cách Lan (Scotland).

Những Đóng Góp Cho Phật Giáo Của Edwin Arnold

- Sáng tác thi phẩm “The Light of Asia” (Ánh Sáng của Á Châu)

Arnold đã viết tác phẩm này phần lớn tại Hamlet House, gần Southend thuộc quận Essex (miền đông nam nước Anh). Vào thời điểm hậu bán thế kỷ 19, Phật Giáo còn quá xa lạ với người Âu Mỹ vì kinh sách Phật Giáo bằng Anh văn và các ngôn ngữ Châu Âu khác còn khan hiếm, thi phẩm “Ánh Sáng Á Châu” của Arnold xuất bản đầu tiên năm 1879 là món quà pháp bảo quý báu đã góp phần to lớn cho sự truyền bá Phật Giáo tại các nước Tây Phương.

Bằng những vần thơ linh động, trong sáng đầy tình cảm diễn tả cuộc đời của đức Phật từ lúc đản sinh đến khi Ngài nhập Niết bàn đã thu hút sự chú ý say mê của độc giả từ đầu tới cuối. Cuốn sách dày 177 trang, không kể lời nói đầu của tác giả và bài giới thiệu của ông E. Denison Ross, giám đốc trường Luân đôn Nghiên cứu Đông Phương (London School of Oriental Studies); với tổng cộng khoảng 5.300 dòng và 41.000 chữ. Tác phẩm được chia ra làm 8 chương như sau:

Chương 1: Diễn tả sự ra đời và giai đoạn ấu niên của thái tử Cồ Đàm (Gotama).

Chương 2: Cuộc sống của thái tử từ lúc 18 tuổi đến khi Ngài kết hôn với công chúa Da Du Đà La.

Chương 3: Thời gian thái tử sống trong cung điện hưởng mọi thú vui bên cạnh công

chúa Da Du Đà La đến lúc Ngài dạo chơi ra ngoài thành tiếp xúc với bốn cảnh sanh, già, bệnh, chết và giải thoát của vị Sa Môn.

Chương 4: Thái tử nhìn vợ con lần cuối, nửa đêm vượt thành xuất gia tầm đạo giải thoát để cứu độ chúng sanh.

Chương 5: Thái tử tu khổ hạnh trong rừng với các tu sĩ ngoại đạo khác.

Chương 6: Sau khi dùng bát cháo sữa dâng cúng của nàng Tu Già Đa (Sujata), thái tử đã chiến thắng Ma Vương, thành Đạo dưới cội Bồ đề.

Chương 7: Cảnh buồn khổ của vua cha Tịnh Phạn; vợ, công chúa Da Du Đà La; và con, La Hầu La, sau bảy năm vắng bóng thái tử Tất Đạt Đa.

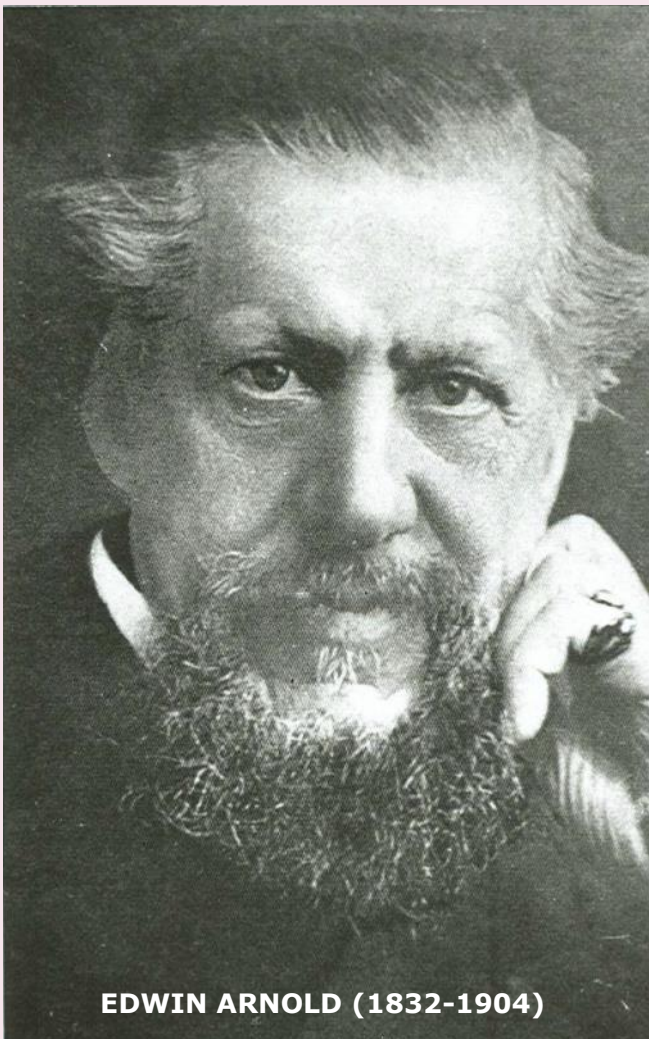
Chương 8: Đức Phật thành lập đoàn thể Tăng Già và truyền bá chánh pháp cho dân chúng.

Đây là cuốn sách được phát hành phổ biến rộng rãi nhất so với các tác phẩm Phật Giáo khác bấy giờ, với sự hưởng ứng tìm đọc của hầu hết độc giả Phật tử khắp nơi trên thế giới. Ấn bản đầu tiên năm 1879 đã thu được kết quả rực rỡ ngoài sức tưởng tượng, và chỉ trong vòng một năm đã tái bản lần hai. Sau 5 năm, thi phẩm được Arnold sửa chữa lại và ông cho nhà xuất bản Trubner tại Luân Đôn (Anh quốc) giữ bản quyền, đã phát hành được hơn 30 ấn bản từ năm 1885 đến nay.

Tại Hoa Kỳ, các nhà xuất bản đã cho in lại, phát hành trong nhiều năm nguyên bản đầu tiên (chưa sửa chữa) của tác phẩm này. Tại Anh đến năm 1970, cuốn sách đã in đến lần thứ 60 và tại Mỹ, số người đọc thi phẩm nhiều gấp bội, đã xuất bản đến ấn bản thứ 80. Hiện nay, tác phẩm vẫn còn được các nhà xuất bản tại Hoa Kỳ và Anh quốc giữ bản quyền và tiếp tục cho in lại nhiều lần, con số sách bán ra đến hàng triệu cuốn.

Thực vậy, giá trị vĩnh cửu của tác phẩm đã được bày tỏ một phần qua lời nói đầu của chính tác giả: “*Những vần thơ sau đây bằng óc tưởng tượng của một Phật tử nhiệt thành, tôi đã diễn tả cuộc đời, nhân cách và triết lý của một đấng siêu nhân và cách mạng tuyệt luân của thái tử Cồ Đàm (Gautama) của Ấn Độ, người đã sáng lập nên Phật Giáo. Thế hệ trước đây, rất ít và không ai ở Châu Âu biết đến tôn giáo vĩ đại này của Ấn Độ, mặc dù nó đã tồn tại 24 thế kỷ qua... Bốn trăm bảy mươi triệu tín đồ đã sống và chết trong giáo lý của đức Phật, và ảnh hưởng tinh thần của vị giáo chủ xa xưa này đến nay vẫn còn lan rộng từ Nepal, Tích Lạn đến Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Tạng, Trung Á, Xi-bê-ri (Siberia) và cả Thụy điển v.. v.. Cho nên, hơn phần ba nhân loại đã tiếp nhận những ý tưởng đạo đức từ vị thái tử siêu việt này...*”

Và trong phần giới thiệu về tác phẩm, Denison Ross cũng đã viết: “*Ánh Sáng Á Châu... với những tên gọi, danh từ Phạn ngữ mới lạ đã đạt được thành quả nhanh chóng, là một bằng chứng cho thấy câu chuyện do tác*



EDWIN ARNOLD (1832-1904)

già kể khá hấp dẫn và cuốn sách rõ ràng là có giá trị. Những lời dạy luân lý của đức Phật rất quen thuộc với Tây Phương, song những cảnh trí và biểu tượng của Ấn Độ thì quá mới lạ với mọi người; trong khi cuộc sống thực tế của thái tử Cồ Đàm đã trình bày một tấm gương đạo đức toàn hảo đối trước hàng ngàn độc giả... Tác phẩm, tôi nghĩ... chứa đựng những vần thơ trong sáng, đẹp đẽ cũng như sự diễn tả đầy đủ nhất bằng ngôn ngữ của chúng ta về cuộc đời đức Phật... Đối với một số người, thực vậy, cuốn sách đã gây nên sự ngạc nhiên lớn lao về cái điều là 5 thế kỷ trước Chúa Giê-Su (Christ) ra đời, đức Thế Tôn đã dạy tất cả những lời khuyên đạo đức căn bản của Thiên Chúa Giáo..."

Thi phẩm "Ánh sáng Á Châu" sau 8 năm ra đời, lần đầu tiên được bác sĩ Arthur Pfungst, một sinh viên Phật Giáo, dịch ra tiếng Đức từ ấn bản thứ 24 của tiếng Anh; và dịch bản này đã phát hành tại Leipzig (trung nam Đông Đức) vào năm 1887 với sự hưởng ứng tìm đọc của đa số dân chúng bấy giờ. Năm 1891, bản dịch Đức ngữ thứ hai do Konrad Wernicke thực hiện, có thêm lời chú thích. Cuốn sách đã được Albrecht Schaeffer dịch ra tiếng Đức lần thứ ba mang tựa đề: "Das Kleinod in Lotos", xuất bản năm 1923. Thi phẩm này cũng đã được dịch ra tiếng Hòa Lan năm 1895, tiếng Pháp năm

1899, tiếng Tiệp Khắc năm 1906, tiếng Ý năm 1909, và sau đó là tiếng Thụy Điển và thể giới ngữ (Esperanto).

Tác phẩm "Ánh sáng Á Châu" đã được quay thành phim tại Ấn Độ với sự giúp đỡ cung cấp các vật dụng cần dùng cho việc đóng phim như y phục, voi, lừa và ngựa của vị Đại Vương thị trấn Jaipur, thủ phủ của tiểu bang Rajasthan, miền tây bắc Ấn. Cuốn phim đã được chiếu tại Boston (Hoa Kỳ) năm 1929. Cuốn sách cũng đã được bà G. Jones Walton ở Mỹ viết thành kịch và lần đầu tiên năm 1918 được trình diễn tại California, kéo dài liên tiếp trong 35 đêm. Ngoài ra, thi phẩm cũng đã được phổ thành nhạc. Tất cả những phim kịch bản và nhạc khúc này đã được chuyển âm, dịch ra hơn 7 thứ tiếng Châu Âu, nhờ vậy mà Phật Giáo ngày càng được nhiều người biết đến ở Tây Phương. Năm 1879, vua Thái Lan Rama V (Chulalongkorn, trị vì: 1868-1910) đã viết thư cảm ơn và tán dương công đức đóng góp truyền bá Phật Giáo của Arnold qua tác phẩm "Ánh Sáng Á Châu" (*The Light of Asia*), và đức vua đã cấp thưởng cho ông một huân chương "Bạch Tượng" (*White Elephant*).

Những Nhà Phê Bình Về Tác Phẩm "Ánh Sáng Á Châu"

Một thời gian sau khi cuốn "Ánh Sáng Á Châu" (*The Light of Asia*) của Arnold ra đời, ảnh hưởng của nó thật to lớn, nhiều nhà bình luận đương thời đã lên tiếng khen lẫn chê về tác phẩm này.

Trước hết, nhà văn Mỹ Oliver Wendell Holmes (1809-1894), giáo sư dạy đại học Harvard (Hoa Kỳ) đã đề cao giá trị của tác phẩm như cuốn Tân Ước Kinh (*New Testament*) của Thiên Chúa Giáo. Richard Henry Stoddard đã so sánh thơ của Arnold với các thi hào Anh quốc như C.G. Rossetti (1830-1894) và A. C. Swinburne (1837- 1909) v.. v..

Người đã tận công mạnh nhất xem cuốn "Ánh sáng Á Châu" như một tài liệu chống đạo Thiên Chúa (*antichrist*) là W.C. Wilkinson. Trong tập sách "Edwin Arnold as Poetizer and Paganizer" (Arnold, nhà thơ và kẻ theo tà đạo), ông viết: "Sự xuất bản tác phẩm của Arnold đã xảy ra cùng lúc với việc phát triển, cả tại Hoa Kỳ và Châu Âu, về tánh hiếu kỳ và lòng ham thích muốn tìm hiểu các tôn giáo vô thần, đặc biệt nhất là Phật Giáo. Ánh Sáng Á Châu đã đáp ứng tốt đẹp khát vọng nhất thời này của người Tây Phương. Vì thế, tôi nghĩ rằng cuốn sách sẽ được nhanh chóng phổ biến cho người Mỹ tìm đọc. Và ông Arnold hẳn nhiên, do bởi thiên tài hoặc may mắn, đã vượt trội hơn những tác giả khác, trong phương cách mở rộng sự thu hút các độc giả Hoa Kỳ chuẩn bị tiếp nhận đầy thiện cảm giáo lý của đức Phật..."

[*\(Xem tiếp trang 69\)*](#)

VĂN MINH CỦA THIỀN

Thích Phước Sơn

Đạo Phật đã có mặt trên đất nước ta gần 2000 năm lịch sử. Trải qua bao cuộc thăng trầm, Phật giáo vẫn luôn luôn hiện hữu như một thực tế đồng hành với dòng chảy tiến về phía trước của dân tộc Việt Nam. Làm sao Phật giáo có được cái khả năng dung nhiếp và thích ứng tài tình như thế? Phải chăng đó là nét đẹp, là nếp sống văn minh từng tiềm tàng nơi chốn thiền môn?

Chúng ta đều biết có một nếp sinh hoạt của Phật giáo rất gần gũi và gần bó với mọi người, đó là tiếng chuông chùa. Vì chuông chùa không phải là thứ chuông bình thường mà là hồng chung hay đại hồng chung, nghĩa là loại chuông lớn. Vì tiếng kêu của nó vang khắp pháp giới, thậm chí ở những cõi địa ngục xa xôi tối tăm nhất cũng có thể nghe được (*Nguyện thủ chung thanh siêu pháp giới; Thiết vi u ám tất giai văn*). Do đó, nhà chùa không gọi một cách sỗ sàng trích thượng là đánh chuông, mà là thỉnh chuông, nghĩa là người làm nhiệm vụ ấy phải có thái độ trân trọng, cung kính, ăn mặc tươm tất, đến bên chuông cầm dùi thức chuông, mỗi tiếng chuông ấy bay theo không gian khắp đến mọi nhà để đánh thức những ai đang còn chìm trong cơn mộng mị:

“Pháp cổ chuyển hồi phù thể mộng.
Phạn chung chàng phá đại gia lung.”
Nghĩa là:

*Trống pháp vang lên tan mộng mị
Chuông chùa lay tỉnh khắp nơi.*

Thế nên, dù cho những kẻ lãng tử phiêu bạt nơi đâu, mỗi khi nghe tiếng chuông cũng phải giật mình:



*Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giạt mình trong giấc mộng.*

Cũng như chuông, đối với trống chúng ta cũng phải có thái độ kính cẩn, vì đó là trống pháp (pháp cổ) chứ chẳng phải loại trống bình thường; và tiếng ấy được gọi là tiếng trống Bát nhã. Bởi lẽ, nó có khả năng làm cho người nghe phát huy được trí tuệ của chính mình. Thế nên ngày xưa, một số ngôi chùa thường có lệ đánh trống vào mỗi buổi sớm mai, gọi là *Chuyển trống*, như câu thơ trên đã mô tả.

Không những chuông, trống của nhà thiền thường mang một ý nghĩa cao quý được gọi là pháp khí, tức là dụng cụ để truyền đạt chánh pháp, mà các khái niệm khác như lòng tử bi cũng được thặng hoa trở thành *Thuyền tử*:

Thuyền tử một lá chơi vui.

Bể trần chở biết mấy người trầm luân.

Vì nó có công năng chuyên chở chúng sinh đến bến bờ an lạc.

Thế nhưng, khái niệm ấy đôi khi cũng được gọi là *cửa tử bi*:

Lần tràng hạt niệm Nam mô Phật

Cửa tử bi công đức biết là bao.

Đức tính tử bi đã vậy, nhưng đức tính trí tuệ hay Bát nhã cũng là một đức tính rất phổ biến, và cách vận dụng nó cũng thiên hình vạn trạng. Khi nói đến trống, đến thuyền, thì gọi là trống Bát nhã, thuyền Bát nhã; nhưng khi nói về đuốc, người ta gọi là *đuốc tuệ*:

Thắp đuốc tuệ trên đường mê tăm tối

Dong thuyền tử trong bể khổ trầm luân.

Và đôi khi nó cũng được gọi là *kiếm trí tuệ*:

Buồng lửa giác ngộ, đốt hoại thầy rừng tà ngày trước

Cầm kiếm trí tuệ, quét cho xong tính thức thọ nay.

Ngoài ra, cách gọi tên của nhà thiền cũng mang một sắc thái đặc biệt; chẳng hạn các vị xuất gia thường tự gọi mình bằng những danh hiệu khiêm hạ, từ tốn như: *bần đạo*, *bần tăng*, nghĩa là người tu hành nghèo nàn, hoặc gọi là *nap tăng*, ông thầy mặc áo vá.

Thế nhưng, cái nghèo ấy không phải khổ đốn, vất vả, mà lại tự tại thanh cao, đó là cái nghèo mà Thiền sư Huyền Giác đã thổ lộ:

Cùng Thích tử, khẩu xưng bần

Thật thị thân bần, đạo bất bần

Bần tắc thân thường phi lũ hạt,

Đạo tắc tâm tàng vô giá trân.

Nghĩa là:

*Cùng Thích tử, miệng xưng nghèo.
Kỳ thực thân nghèo, đạo chẳng nghèo.
Nghèo mới thân thường mặc áo vá.
Nhưng tâm tiềm ẩn hạt minh châu.*

Cũng vì tự nhận mình là *bần tăng* cho nên mới chọn một đời sống khắc thực, làm kẻ khắc sĩ đi du hóa đó đây, xin vật thực của thiên tín để nuôi thân xác qua ngày. Nhưng việc nuôi sống sắc thân giả hợp phù du chỉ là thứ yếu, là phương tiện, còn mục đích chính là khắc cầu Thánh giáo để nuôi lớn pháp thân tuệ mạng. Cái tuệ mạng mà Thiền Sư Huyền Giác gọi là vô giá trân, một thứ châu báu cực kỳ quý giá. Chính vì mục đích khắc cầu cho được bảo vật này mà Đức Đạo sư của chúng ta đã từ bỏ ngôi vị của một bậc nhân vương để chọn lấy ngôi vị của một đấng Pháp vương. Và khi đã được ngôi vị Chánh giác thì Ngài sống một nếp sống bình thường, dung dị:

Nhất bát thiên gia phạm,
Cô thân vạn lý du.

Kỳ vị sinh tử sự,
Giáo hóa độ xuân thu.

Nghĩa là:

*Một bát xin ngàn nhà,
Độc hành vạn dặm xa.
Vì việc lớn sinh tử,
Đưa người vượt Ta-bà.*

Thế nên, việc khắc thực không phải mang tính chất vị kỷ – vì cơm áo cho chính mình – mà vì mục đích vị tha, nhằm tạo cơ hội cho chúng sinh có thiện tâm kết duyên lành với Phật pháp, khiến họ bỏ ra một ít tài vật bé nhỏ làm chất xúc tác để vun bón hạt giống trí tuệ đâm chồi nảy lộc. Một khi mầm trí tuệ phát triển thì ta mới có cơ may đạt đến cảnh giới Tịnh độ; cõi Tịnh độ theo cách trình bày của sơ Tổ Trúc Lâm:

*Tịnh độ là lòng trong sạch,
Đâu còn ngờ hỏi đến Tây phương,
Di Đà là tính sáng soi,
Chi phải nhọc tìm về Cực lạc.*

Hơn nữa, thí chủ dâng cho các vị khắc sĩ những phẩm vật không phải bằng cử chỉ khinh suất, như ban phát một ân huệ, mà trái lại bằng cử chỉ cung kính, lễ độ, được gọi là *cúng dường*. Thực ra cúng dường có nghĩa là cung cấp phẩm vật để nuôi dưỡng, nhưng ở đây nó được thăng hoa lên một tầng cao hơn để tương xứng với ý nghĩa và vị trí của kẻ mang ân huệ, còn người nhận mới đích thực là người ban ân huệ. Đó quả là một chuyện nghịch thường. Thế nhưng, mọi người Phật tử đều quán triệt ý nghĩa cúng dường, họ thực hiện việc cúng dường này một cách thành tâm, và đầy cung kính. Điều đó nói lên tính chất văn minh của nhà Phật. Bởi lẽ, trên thế gian này có nhiều người tuy vàng bạc châu báu chất đầy nhà, nhưng thực sự họ đang rất nghèo nàn, rất thiếu thốn. Những gì họ đang thiếu là trí tuệ, là Thánh pháp, một thứ giá trị chân thực bất hư mà Đức Vô thượng Chánh



giác muốn trao truyền cho những ai khát ngưỡng. Do vậy, khi Đức Phật thuyết pháp thì gọi là *Chuyển pháp luân*: vận chuyển bánh xe Chánh pháp, hay là *Pháp vũ*: rưới xuống một trận mưa pháp. Vì người thuyết pháp với một thái độ vô tư, bình đẳng; và những hạt mưa pháp cũng mang tính chất bình đẳng đối với muôn loài, không phân biệt nghèo giàu, lớn nhỏ, không từ chối bất cứ một ai. Trái lại, người tiếp thu thánh pháp thì gọi là mang ơn pháp vũ hay mang ơn pháp nhũ, nghĩa là được thấm nhuần trận mưa pháp, hay được uống dòng sữa pháp. Chất sữa pháp này có thể làm cho người ta tươi tỉnh, an lạc, với bớt nỗi phiền trong chốn trần lao:

Lạ chi vừa bén mùi thiền

Mà trăm nỗi với ngàn phiền sạch không.

Thức uống có một công dụng thần hiệu như vậy, thế còn thức ăn thì sao? - Người xuất gia khi ăn uống không giống như người thường, cho nên gọi việc ăn là *Thọ trai*. Nghĩa là dùng những thức chay lạt, thanh đạm để tạm thời duy trì sắc thân huyền hóa mà hành đạo. Do đó, đôi khi gọi thức ăn là *Dược thực*, tức là xem nó có giá trị như một thứ thuốc dùng để chữa trị căn bệnh đói khát mà vượt qua hiểm lộ trần gian đến nơi an lạc. Thế nên, người tu thường quan niệm *ăn để sống*, chứ không phải *sống để ăn*.

Tất cả chúng ta đều biết rằng sinh, lão, bệnh, tử là một quy luật chung cho tất cả mọi loài. Khi sinh ra đời, mỗi người đều mang một nghiệp dĩ mà mình phải chấp nhận, không có quyền lựa chọn. Trái lại, Đức Phật xuất hiện trên cõi đời, về phương diện sinh thể thì giống như mọi người, nhưng về mục đích thì lại khác. Cho nên sự chào đời của Đức Phật không gọi là *Sinh* một cách bình thường mà được gọi là *Đản sinh*, hay *Khánh đản*. Nghĩa là Ngài đem đến một tin mừng, một điềm tốt lành cho mọi chúng sinh trên cõi Ta bà này. Vì Ngài có một sứ mệnh dùng ánh sáng chân lý soi tỏ trần gian, dắt dìu chúng sinh vượt qua sông mê bể khổ. Đó là một sự kiện hy hữu mấy nghìn năm mới xuất hiện một lần, cho nên sự đản sinh của Phật được ẩn dụ bằng hình ảnh *đám bát hoa khai* - đóa hoa sen nở. Bởi lẽ, đóa sen mọc từ trong chỗ bùn nhơ nhưng lại vượt lên khỏi bùn, tỏa hương thơm ngát. Cũng thế, Đức Phật ra đời trong cõi trần lao khổ lụy, nhưng Ngài

đã đạt được quả vị Vô thượng Bồ-đề.

Có sinh ắt có tử, đó là lẽ đương nhiên. Khái niệm tử (chết) là một khái niệm có nhiều tên gọi nhất trong ngôn ngữ Phật giáo.

Điều thú vị là khi nói đến cái chết, người Phật tử không hề tỏ ra nao núng, sợ hãi mà rất thanh thản, tự nhiên, thậm chí còn nói với một ý nghĩa ngược lại. Chẳng hạn một Phật tử qua đời, người ta không gọi là tử trần, tạ thế v.v... mà gọi là *vãng sinh*, hay *siêu sinh*, nghĩa là được sinh về một cảnh giới khác, hay sinh lên một cảnh giới cao cả hơn. Đó là nói về trường hợp người Phật tử; thế còn chư Tăng lúc qua đời thì gọi là *tịch*, *tịch diệt* hay *viên tịch*, tức là đã đạt được sự vắng lặng, đã chấm dứt hết mọi khổ lụy, đã hoàn toàn yên tĩnh trong cõi vĩnh hằng. Vì thế mà Thiền sư Từ Minh phát biểu về khái niệm sinh tử một cách rất nên thơ: *Sinh như đắp chăn đông, tử như cởi áo hạ*. Thử hỏi trời lạnh mà được đắp chăn bông, mùa hạ nóng bức mà được cởi áo trần thì còn gì thú vị hơn!

Hơn nữa, đôi khi sự chết còn được gọi là *liễu*, *liễu đạo*, *nhập Niết-bàn*. Nghĩa là đã kết thúc dòng sinh diệt, đạo quả đã viên mãn, đã trở về cõi an tịnh - dứt sạch ba độc tham, sân, si. Cũng có lúc gọi là *hóa* hay *tọa hóa*, nghĩa là đã được hóa sinh, hay ngồi an nhiên mà siêu thoát. Rồi từ đó được cụ thể hóa như *đám hoa lạc khứ* - hoa sen đã rơi rụng và trôi đi; hay *chích lý Tây quy* - quày một chiếc dép trở về cõi trời Tây. Sự tích này nhằm nhắc lại truyền thuyết Tổ Đạt Ma sau khi viên tịch, người ta gặp Ngài quày một chiếc dép trở về Thiên Trúc.

Cuối cùng xin nói về khái niệm Vô Thường, Vô ngã vốn là những khái niệm mang đậm đà bản sắc Phật giáo. Tuy có một số người ngộ nhận cho rằng đạo Phật nhìn đời với một thái độ bi quan, thấy cái gì cũng vô thường, vô ngã; nhưng kỳ thực Phật giáo chẳng những không bi quan mà cũng chẳng lạc quan, mà chỉ là *chân thật quan*, nghĩa là nhìn vạn pháp đúng như sự thực của nó. Cũng vì thấu đạt chân tướng của vạn pháp vốn hư ảo, cho nên các Thiền sư rất bình thản, tự tại, dám quên mình làm việc lợi ích cho chúng sinh với một tâm nguyện Đại bi, như bài tựa Kinh Lăng già phổ diễn:

Thế gian ly sinh diệt,
Do như hư không hoa.
Trí bất đắc hữu vô,
Nhi hưng đại bi tâm.
Nghĩa là:

*Đời chia lìa sinh diệt
Như hoa đốm không trung
Vì chẳng thấy có không,
Mà khởi tâm đại bi.*

(trích Tính Chất Trí Tuệ và Nhân Bản của Đạo Phật của Thích Phước Sơn)

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

PHAN TÂN HẢI
(dịch sang Anh ngữ)

VÌ NHAU

*Tại nửa vầng trăng khuyết
Nên bài thơ đi tìm
Tại bài thơ tứ tuyệt
Nửa vầng trăng như nguyên*

FOR EACH OTHER

Because of the half crescent moon
the poem starts searching
Because of the four-lined poem
the half moon stays unmoving

SẮC ĐÊM

*Sắc lạnh rơi vào đêm
Soi trần cơn mộng寐
Tan màu ánh trăng im
Thinh không bàng bạc lệ*

THE COLOR OF NIGHT

The cold color falls into night
beams through the maze of dreams
scatters the silent moonlight
and sprinkles shimmering tears into the sky.



VỀ NGUỒN RỰC RỠ SẮC THU PHONG

HỘI ỨC VỀ NGÀY VỀ NGUỒN 10 TẠI TU VIỆN PHỔ ĐÀ SƠN, CANADA 2016

HUỲNH KIM QUANG



Tu Viện Phổ Đà Sơn đối với người viết không phải là nơi xa lạ. Đã nhiều lần người viết đến đây tham dự các Khóa Tu Học Phật Pháp hằng năm của Hội Thân Hữu Già Lam do Hòa Thượng Viện Chủ Thích Bốn Đạt bảo trợ tổ chức từ nhiều năm nay.

Tu Viện nằm trong vùng rừng núi bạt ngàn nơi có mật độ cư dân rất thưa thớt nên vắng vẻ và yên tĩnh. Tu Viện tọa lạc ở một địa thế rất hấp phong thủy, lưng dựa vào núi, mặt trông ra hồ nước rộng lớn. Người viết thích nhất là phong cảnh mùa thu ở đây, cũng vào những ngày đầu tháng mười này. Cả rừng phong nhuộm màu vàng úa và đỏ thắm, trông đẹp tựa một bức tranh. Nhắc đến phong cảnh đẹp ở Phổ Đà Sơn, người viết sức nhớ mấy năm trước, trong một Khóa Tu Học Phật Pháp, đã có dịp đắm mình dưới ánh trăng rằm vắng vặc treo giữa bầu trời bao la đầy thơ mộng và huyền ảo vào đêm khuya thanh vắng nơi núi rừng tịch mịch Phổ Đà Sơn này.

Năm nay người viết đến để tham dự Đại Hội Giáo Dục và Hoằng Pháp do các Tổng Vụ Giáo Dục và Hoằng Pháp thuộc 4 Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, GHPGVNTNHN/Canada, GHPGVNTN Hoa Kỳ và GHPGVNTN Âu Châu trong Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu tổ chức, và Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 10.

Xuống phi trường Ottawa vào trưa Thứ Sáu, ngày 7 tháng 10, cùng chuyển bay với Đại Đức Thích Hạnh Tuệ ở Chùa Phật Đà, San Diego, Hoa Kỳ, và được quý Phật tử đón chờ về Tu Viện. Thầy Hạnh Tuệ là MC chính trong chương trình Ngày Về Nguồn năm nay. Từ phi trường Ottawa về Tu Viện mất khoảng hơn 40 phút lái xe. Xe chạy xuyên qua các đường phố của Thủ Đô Ottawa, với nhiều kiến trúc cổ kính theo kiểu Âu Châu thời xưa, như Nhà Quốc Hội Canada. Khi về tới Tu Viện thì gặp ngay Hòa Thượng Viện Chủ Thích Bốn Đạt, cũng là Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN/Canada, Chánh Văn Phòng Điều Hợp Liên Châu, kiêm Trưởng Ban Tổ Chức Đại Hội và Ngày Về Nguồn lần thứ 10, đang bận rộn dặn dò công việc cho quý Phật tử ở ngoài sân. Đánh lễ Hòa Thượng và được Ban Tổ Chức sắp xếp cho chỗ ở xong người viết vội vàng ra Hội Trường để dự Đại Hội.

Bên trong Hội Trường lúc đó đang diễn ra phiên khoảng đại thứ nhất của Đại Hội Giáo Dục & Hoằng Pháp. Trên bàn chủ tọa có Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN, và Hòa Thượng Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan. Thư ký đoàn có Thượng Tọa Thích Nguyên Lộc, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa và Nghi Lễ GHPGVNTN Âu Châu, TT Thích Giác Tín, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, và





Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Truyền Thông kiêm Phụ Tá Tổng Thư Ký HĐĐH GHPGVNTNKH, Chủ Bút Nguyệt San Chánh Pháp. Phần thuyết trình và hội thảo do HT Thích Nguyên Hạnh, Viện Chủ Chùa Việt Nam tại Houston, Texas và HT Thích Thái Siêu, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục GHPGVNTNKH làm diễn giả. Buổi thuyết trình và hội thảo về Giáo Dục diễn ra trọn buổi sáng. Đến trưa thì nghỉ để thọ trai và chỉ tịnh.

Buổi chiều, lúc 2 giờ, bắt đầu vô khoảng đại thứ 2, thuyết trình và hội thảo về Hoảng Pháp. Chủ tọa gồm HT Thích Bảo Lạc, Hội Chủ GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, và HT Thích Tánh Thiệt, Chủ Tịch GHPGVNTN Âu Châu. Thư ký đoàn gồm TT Thích Nguyên Tạng, Phó Tổng Thư Ký HĐĐH/GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, TT Thích Tâm Minh, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Hoảng Pháp GHPGVNTNHN tại Canada, và Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào. Phần thuyết trình do HT Thích Minh Hiếu, Tổng Vụ Trưởng, Tổng Vụ Hoảng Pháp GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan, TT Thích Đồng Trí, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoảng Pháp GHPGVNTNKH, và TT Thích Tâm Hòa, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Hoảng Pháp GHPGVNTNHN tại Canada phụ trách.

Dù chỉ diễn ra trong một ngày, Đại Hội Giáo Dục và Hoảng Pháp kỳ này cũng là cơ hội hiếm quý để chư tôn đức Tăng, Ni khắp các châu lục ngồi lại và thảo luận một số vấn đề

quan trọng và cần thiết đối với công cuộc giáo dục và hoảng pháp của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại. Nội dung các buổi thuyết trình và các phát biểu của cử tọa trong hai thời khoảng đại đã nói lên được nhiều ưu tư và nêu ra được một số đề nghị cụ thể cho công tác giáo dục và hoảng pháp. Vấn đề khuyến khích và hỗ trợ cho chư Tăng, Ni trẻ trau dồi Anh ngữ chuyên môn để có thể tiếp cận và đem Phật Pháp đến giới trẻ Việt-Mỹ và người bản xứ đã được Đại Hội quan tâm và thảo luận nhiều. Vấn đề mở các trường trung tiểu học dạy văn hóa cho thế hệ trẻ chính thức được chính quyền công nhận cũng đã được trình bày. Buổi chiều, kết thúc hai phiên khoảng đại là bản Quyết Nghị với tám điểm có nội dung như sau:

1/Giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của nền Phật Việt, đồng thời tiếp thụ và chắt lọc tinh hoa của các nền văn hóa để áp dụng vào sinh hoạt thường nhật, sao cho giáo lý Phật được thấm nhuần và phổ cập nơi người bản xứ và lớp trẻ Việt Nam sinh trưởng tại hải ngoại;

2/Nghiên cứu việc mở các trường học Phật giáo nhằm ươm mầm mến đạo, học đạo cho tương lai tuổi trẻ Phật Giáo Việt Nam;

3/Kêu gọi chư tôn đức tiền bối hết lòng nâng đỡ, quan tâm bảo bọc thành phần Tăng Ni trẻ và Tăng Ni mới xuất gia về nơi cư trú và tu học ổn định để chuẩn bị cho các thế hệ kế thừa gánh vác trọng nhiệm hoảng pháp của hàng Sư giả Như Lai nơi xứ người;



4/Mỗi người con Phật phải tự tô bồi năng lực của chính mình bằng sự tu trì và phát huy Giới, Định, Huệ để có thể đảm nhận việc hoằng pháp một cách hiệu quả, mang lại lợi lạc an vui cho người trong đạo, lẫn người ngoài đạo;

5/Khuyến khích chư vị Tăng Ni trẻ giới ngoại ngữ dẫn thân vào việc hoằng pháp để giới thiệu và hướng dẫn tuổi trẻ Việt Nam cùng dân bản xứ học hỏi và thực hành giáo lý Phật-đà;

6/Xúc tiến việc thành lập Ban Giáo Dục và Hoằng Pháp của 4 GHPGVNTN nhằm phối hợp Phật-sự hoằng pháp tại các châu lục và quốc gia;

7/Đề nghị Ban Giáo Dục & Hoằng Pháp của 4 GHPGVNTN cùng soạn thảo tài liệu và cẩm nang Hoằng Pháp để sử dụng trong việc giảng dạy, truyền bá Chánh Pháp;

8/Tổng vụ Hoằng Pháp của mỗi giáo hội tiến hành thành lập Ban Giảng Sư nhằm cung ứng giảng sư đến từng đơn vị cơ sở khi có nhu cầu."

Năm giờ sáng Thứ Bảy, ngày 8 tháng 10, chuông báo thức. Năm giờ rưỡi vân tập lên Chánh Điện làm lễ công phu và sau đó chư tôn đức Tăng, Ni bố tát.

Sáng Thứ Bảy, trời âm u rồi đổ mưa nên nhiệt độ xuống thấp, khí trời trở lạnh hơn nhiều so với hôm trước. Lá phong rơi lả tả khắp nơi theo từng cơn gió thu se sắt! Ai nấy đều choàng thêm áo khoác dày và quần khăn cổ.

Sau thời điểm tâm sáng là vào chương trình khai mạc Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 10. Đoàn cung nghinh chư tôn đức Giáo Phẩm các châu lục từ Đài Địa Tạng vào Hội Trường trong cơn mưa lất phất nhẹ như sương, với những chiếc y vàng rực rỡ trong bước đi nhàn tịnh khoan thai của chư Tăng Ni. Chẳng thể mà lúc đại diện chư tôn đức Giáo Phẩm lãnh đạo các châu lục ban đạo từ trong lễ khai mạc, Hòa Thượng Thích Bảo Lạc, Hội Chủ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan, nói rằng ngài cảm nhận cơn mưa đó như là chư thiên rải hoa cúng dường chư Phật và Đại Tăng trong Ngày Về Nguồn. Có lẽ Tu Viện Phổ Đà Sơn chưa bao giờ chứng kiến hình ảnh rực rỡ tuyệt đẹp như thế này, khi màu Tăng bào hòa quyện với màu lá rừng thu phong.

Trong lời chào mừng chư tôn đức Tăng, Ni và quý thiện nam tín nữ Phật tử, Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức Thích Bổn Đạt nói rằng, "Cách nay tròn 9 năm, cũng trên đất nước Canada thân yêu này, Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư lần thứ nhất đã được tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Chùa Pháp Vân.

"Nhìn lại chín năm trôi qua, với bao nhiêu biến động đảo điên của thời cuộc và thăng trầm vinh nhục của vận mệnh Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại, nhưng cộng đồng Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại vẫn kiên trì gìn giữ và phát huy ngời sáng bản thể thanh tịnh và hòa hợp của Tăng Già qua tinh thần Ngày Về Nguồn



Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư. Nhờ vậy mà, sóng gió thị phi đã lắng xuống, phong ba cuồng vọng tham si cũng qua đi, ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam vẫn sừng sững uy nghiêm giữa phương trời hải ngoại."

Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thăng Hoan, Trưởng Ban Điều Hợp Tăng Ni Việt Nam Hải Ngoại, vì niên cao lập trường không thể thân lâm đến dự nhưng đã có gửi Diễn Văn Khai Mạc do HT Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Thanh Niên GHPGVNTNHNK, tuyên đọc. Trong đó có đoạn Ngài bộc bạch tâm niệm thiết tha chân thành:

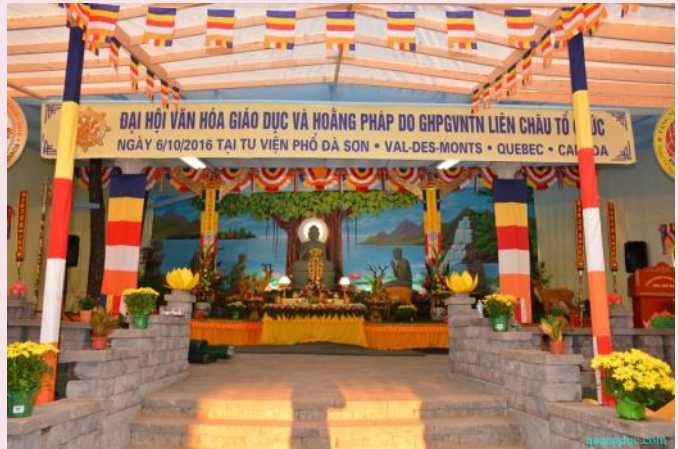
"Còn gì hạnh phúc bằng, Tăng Già và Thiên Tín hằng năm hội tụ nhớ về hạnh nguyện Bồ tát của chư lịch đại Tổ sư trải qua bao nhiêu thế kỷ quên mình để hoằng truyền Phật đạo. Nhớ về quá khứ cũng có nghĩa là khẳng định cho hiện tại. Gần năm mươi năm có mặt của Tăng Già Việt nam nơi các Châu lục, chúng ta không ngừng nghỉ theo tiếng gọi của lịch đại tổ sư, trong ấy có các vị đạo sư rực sáng vừa từ già hội chúng như Hòa Thượng Minh Tâm, Hòa Thượng Như Huệ cùng chư tôn đức khác. Những gì Phật giáo Việt nam thành tựu nơi các Châu lục, dù trong giới hạn hay khiêm tốn, nó vẫn xác lập hạnh nguyện hoằng truyền giáo pháp của Tăng già."

Sau lễ khai mạc, vào lúc 2 giờ chiều là phần thuyết trình và hội thảo đầu tiên với chủ đề "Cuộc Đời Và Sự Cống Hiến Cho Phật Giáo Của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu Đệ Tam Tăng Thống GHPGVNTN," do Hòa Thượng Thích Bảo Lạc và Hòa Thượng Thích Tánh Thiết phụ trách. Chủ tọa đoàn gồm HT Thích Nguyên An, Đệ Nhất Phó Chủ Tịch Ngoại Vụ kiêm Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sư GHPGVNTNHNK, và HT Thích Quảng Ba, Phó Hội Chủ GHPGVNTNHN tại Úc Đại Lợi-Tân Tây Lan. Thư ký đoàn do TT Thích Hải Thông, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTNHNK, và TT Thích Nhật Châu, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNHNK phụ trách. Nhị vị Hòa Thượng diễn giả đã lướt qua tiểu sử, những đóng góp lớn lao của Cố Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu cho PGVN nói chung và GHPGVNTN nói riêng. Diễn giả cũng đã nêu bật phong cách xuất trần và lập trường kiên định đối với Đạo Pháp và Dân Tộc của Đức Đệ Tam

Tăng Thống trước và sau năm 1975. Các diễn giả cũng đã trích dẫn nhiều tài liệu khả tín nhằm soi sáng một số ngộ nhận về cá nhân của Đức Đệ Tam Tăng Thống. Trong phần phát biểu dành cho cử tọa, Hòa Thượng Thích Minh Tâm, Thành Viên Hội Đồng Tăng Gia Chứng Minh Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Trên Thế Giới, đã kể lại lời dạy của Cố Hòa Thượng Thích Đôn Hậu khi nói về việc nhà nước vận động Ngài tham gia vào Phật Giáo Yêu Nước thì Ngài đã từ chối và nói rằng không lẽ xưa nay Phật Giáo mình không yêu nước hay sao mà bây giờ phải theo người ta để yêu nước.

Sau khi giải lao 15 phút, khoảng 4 giờ là phần thuyết trình về Sự Hành Hoạt của GHPGVNTN. Chủ tọa cho buổi thuyết trình này gồm HT Thích Phước Thuận, Thành Viên Hội Đồng Giám Phẩm GHPGVNTNKH, và HT Thích Thông Hải, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTNKH. Thư ký đoàn gồm Ni Sư Thích Nữ Tiến Liên, Tổng Vụ Phó kiêm Thư Ký Tổng Vụ Ni Bộ GHPGVNTNKH, và Ni Sư Thích Nữ Giới Định, Thành Viên Tổng Vụ Văn Hóa GHPGVNTNKH. Phần thuyết trình do HT Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNKH, và HT Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH/GHPGVNTNKH phụ trách. Nhị vị Hòa Thượng diễn giả đã lược qua quá trình lịch sử của cuộc vận động cho quyền bình đẳng tôn giáo năm 1963, sự hình thành và hành hoạt của GHPGVNTN trong suốt trên 50 năm qua, với bao nhiêu thành quả to lớn từ văn hóa, giáo dục, tôn giáo, xã hội đến công cuộc dẫn đạo ý thức dân tộc về tự do, dân chủ và nhân quyền trải qua mấy chế độ tự do và cộng sản.

Trong phần phát biểu của cử tọa, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Đức Chơn, Thượng Thủ Hội Đồng Tăng Già Chứng Minh Ban Hướng Dẫn GDPTVN Trên Thế Giới, lần đầu tiên từ 38 năm đã kể lại sự kiện Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo, Cố Vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, đã bị bức bách và sát hại như thế nào vào năm 1978. Hòa Thượng kể rằng trước lúc bị sát hại, HT Thích Thiện Minh về ở tại Tu Viện Quảng Hương Già Lam tại Quận Gò Vấp, Sài Gòn. Lúc



HT Thiện Minh ở Già Lam, mỗi đêm công an đều đến chùa vào nửa đêm tập trung tất cả tăng chúng xuống phòng khách để lục soát kiểm tra hộ khẩu. Chuyện như vậy diễn ra hàng mấy tháng. HT Thiện Minh vì thấy tăng chúng bị sách nhiễu nên không đành lòng, Ngài mới xin rời khỏi Chùa Già Lam qua ở bên Chùa Pháp Vân. Sau khi qua ở Chùa Pháp Vân được một thời gian thì hôm đó HT Thiện Minh vì bệnh nên phải đi Bình Dương để đến thầy thuốc bắt mạch cho thuốc uống. Trên đường đi Bình Dương thì HT Thiện Minh bị công an bắt và đem về giam tại nhà tù Phan Đăng Lưu. Nhưng một thời gian sau, vào một ngày trong tháng 10 năm 1978, chính quyền cộng sản Việt Nam thông báo cho Hòa Thượng Thích Trí Thủ là HT Thiện Minh đã chết tại nhà tù Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. HT Thích Trí Thủ và HT Thích Đức Chơn đích thân ra Hàm Tân để xin đưa nhục thân HT Thiện Minh về làm tang lễ. HT Đức Chơn kể rằng khi đến nơi thì họ cho vào xem. Nhục thân HT Thiện Minh đã quàng trong quan tài, phần dước thân thì quấn kín, phần đầu thì để trống, thấy mặt bị bầm. HT Trí Thủ xin đem về làm tang lễ thì bị từ chối, kể cả xin tụng một thời kinh cũng không cho. Chính quyền đem chôn HT Thiện Minh tại mảnh đất gần nhà tù, mộ thì đắp đất và cắm lên đó một tấm ván có ghi tên Đỗ Xuân Hàn, là thế danh của HT Thiện Minh. Mấy năm sau, HT Đức Chơn và 3 vị khác đích thân ra tận nơi để bốc mộ HT Thiện Minh đem về thờ ở Chùa. Khi đến nơi, ngay tại mộ, còn tấm ván ghi tên HT Thiện Minh. Quý Thầy đào xuống khoảng 2 thước đất mà không thấy quan tài ở đâu. Rồi quý Thầy đào ra xung quanh hơn một thước nữa mới gặp quan tài. Quý Thầy tin đó là quan tài chôn HT Thiện Minh, nên bốc lên và thiêu tại chỗ, chỉ đem tro cốt về chùa thờ. HT Thích Thiện Minh sinh năm 1922 tại Quảng Trị là đệ tử của Đức Đệ Nhị Tăng Thống Thích Giác Nhiên. Ngài là một trong những nhà lãnh đạo hàng đầu của Phật Giáo Việt Nam lãnh đạo phong trào đấu tranh chống chế độ kỳ thị Phật Giáo của nhà Ngô và sáng lập GHPGVNTN. HT Đức Chơn nói chính quyền cộng sản phải giết HT Thiện Minh để thực hiện công cuộc thống nhất Phật Giáo năm

dưới sự kiểm soát của nhà nước, vì nếu còn HT Thiện Minh thì việc này không làm được.

Buổi tối Thứ Bảy, chư tôn đức lãnh đạo 4 Giáo Hội họp để bàn và quyết định về việc tổ chức Ngày Về Nguồn Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 11. Kết quả cuộc họp đã được cho biết là từ nay cách 2 năm một lần tổ chức Ngày Về Nguồn, và Ngày Về Nguồn lần thứ 11 kế tiếp sẽ diễn ra vào cuối tháng 9 năm 2018 tại Chùa Khánh Anh, Paris, Pháp Quốc do TT Thích Quảng Đạo làm trú trì và do GHPTGNTN Âu Châu bảo trợ tổ chức.

5 giờ sáng Chủ Nhật thức chúng và 6 giờ là Lễ Thủ Ân. Sau thời điểm tâm là phần đúc kết các buổi thuyết trình do HT Thích Nguyên Siêu phụ trách.

10 giờ là chính thức Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Lần Thứ 10, Lễ Bế Mạc và tiếp theo là Lễ Động Thổ xây Chánh Điện Tu Viện Phổ Đà Sơn.

Chủ Nhật trời không mưa thỉnh thoảng có chút ánh sáng mặt trời le lói, nhưng cái lạnh thì dường như không chịu bay xa theo những đám mây. Không khí tại Tu Viện sáng Chủ Nhật thật khác xa những ngày trước. Rất nhiều người, hàng trăm người, cùng về dự lễ. Người viết chưa bao giờ thấy Tu Viện có đông người như thế. Quý Phật tử này thật là có lòng với Tu Viện, vì muốn đến đây thì ít nhất họ phải mất hơn 40 phút lái xe bởi vì người Việt hầu hết đều ở dưới vùng Thủ Đô Ottawa. Có nhiều Phật tử Chùa Pháp Vân ở Toronto và các Phật tử ở những chùa khác từ Montreal đến nữa, nghĩa là họ phải mất mấy giờ đồng hồ lái xe mới tới, hay đã tới đây mấy ngày ở ngoài các khách sạn để tiện việc tham dự các khóa lễ và hội thảo.

Đi dự Ngày Về Nguồn lần này người viết có cơ duyên gặp lại một số Thầy đã lâu lắm chưa gặp, như HT Thích Thái Hòa là người mà người viết gặp lại lần đầu sau hơn 30 năm xa xứ. Còn có TT Thích Nguyên Tạng, TT Thích Giác Tín từ Úc qua cũng đã lâu lắm, năm bảy năm rồi bây giờ người viết mới gặp lại. Thời gian qua mau, cuộc đời vô thường, một lần gặp là một lần mừng vui vô hạn vì không biết mình còn có cơ duyên để gặp lại chăng.

Mấy ngày ở Tu Viện thật vui và ấm áp tình pháp hữu, tình đạo bạn, tình thân. Chắc chắn không phải chỉ riêng người viết mới có cảm nghĩ đó mà tất cả chư vị tôn túc Giáo Phẩm, chư Tăng, Ni và Phật tử về đây đều có cùng một tâm trạng như thế. Đó cũng là một trong những động cơ và mục đích ra đời của Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư Ngày Về Nguồn.

Bởi thế, lợi lạc lớn lao khi đi dự Ngày Về Nguồn không chỉ là được trực tiếp tham dự để lắng nghe, tiếp nhận và học hỏi những vấn đề cần thiết và quan trọng của Phật Pháp, của lịch sử, của Phật Giáo qua các buổi thuyết trình và hội thảo, mà còn là cơ duyên quý báu để xông ướp đạo tình làm chất liệu nuôi dưỡng đạo tâm trên suốt cuộc hành trình dài sau đó.

Huỳnh Kim Quang

VỤC XOÁY THỜI GIAN

*bước ra từ quá khứ
dậm chân bờ tương lai
khúc quanh dòng vọng tưởng
có hai mà không hai*

*là bài thơ cuộc sống
tịch tĩnh hiền như mơ
vào ra nghe sóng vỗ
trăng non mọc cuối bờ*

*em say vẫn lục bát
ta ghiền câu ca dao
nửa đêm bình tĩnh giác
bờ xưa rung âm vang*

*bóng tối nào dập tắt
ngọn đèn treo hương đêm
ngụp sâu màn ảo giác
trục đời xoay miên man*

*đường cái quan rộng mở
thênh thang đến vô cùng
bộn bề cơn gió chướng
ào ào cơn mưa tuôn*

*vất khô dòng thác lũ
bên vực xoáy thời gian
ta - chân trần du tử
nhận đủ tình nhân gian!*

thơ **LÊ PHƯƠNG CHÂU**



CHUYỂN HÓA CẢM THỌ

Ni sư Thích Nữ Trí Hải

Hạnh phúc hay đau khổ là vấn đề cảm thọ, và cảm thọ tùy thuộc chính yếu vào tâm ta, người và ngoại cảnh chỉ là phụ thuộc. Do đó trong truyện Kiều có câu: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ." Thông thường, suốt ngày ta sống phần nhiều với cảm thọ trung tính nghĩa là không vui không khổ. Khi gặp nghịch cảnh không toại ý là khổ thọ, khi gặp cảnh thuận, thỏa lòng, là lạc thọ. Nhưng sự phân biệt này rất chủ quan, có thể thay đổi tùy bản chất và trình độ tu tập của mỗi người. Có người bản chất ít tham sân, nhiều trí tuệ, nên dù gặp cảnh ngộ éo le, đau khổ đến mấy cũng giữ được tâm hồn bình thản, an vui. Nhưng cũng có người nặng dục vọng, không biết đủ, thì không hoàn cảnh nào làm cho họ vừa lòng.

Trong kinh Di Giáo Phật dạy, người biết đủ dù nằm trên đất cũng thấy sung sướng, người không biết đủ thì dù ở trên trời cũng không vừa ý. Phật dạy ba loại cảm thọ hàng ngày là khổ, vui, và trung tính đều có thể làm cái nhân cho con người tăng trưởng vô minh nếu không tu tập. Gặp thuận cảnh sung sướng dễ sinh tham lam, gặp nghịch cảnh đau khổ dễ sinh phần nộ oán hận, còn khi không vui không khổ thì con người sinh ra lười dờ biếng nhác. Bởi vậy muốn sống an vui ta phải chuyển các cảm giác này theo chiều hướng thuận lợi cho một đời sống an vui.

1. Chuyển hóa lạc thọ thành pháp tu

Thông thường, khi gặp vận may, đời lên hương, ta dễ mất chính niệm, không tự cảnh giác, nên dễ tạo ra lỗi lầm. Hàng ngày ta thấy nhan nhản những mẫu tin các cô cậu con nhà giàu ăn chơi bị sa lưới pháp luật vì gia nhập băng đảng hút xách, trộm cướp. Sự may mắn nếu không được trí tuệ soi sáng thường đưa đến tai họa. Bởi vậy, Phật dạy gặp thuận cảnh cần tu thân, nghĩa là nên biết đủ để không sa đọa.

2. Chuyển hóa cảm thọ trung tính thành ra lạc thọ:

Trong 24 giờ mỗi ngày, ta sống với cảm thọ trung tính nhiều nhất. Nếu không chuyển hóa nó thành lạc thọ, thì nó sẽ tự biến thành khổ thọ, hoặc đời ta trở thành đáng chán vô cùng. Muốn khởi động năng lượng lạc thọ, ta nên nghĩ đến những điều may mắn của mình trong hiện tại: được làm người, được nghe Phật pháp, được



nghe giáo lý đại thừa, thân thể còn đang khỏe mạnh, giác quan đầy đủ, có trí tuệ để hiểu ý nghĩa vi diệu, được gặp thầy lành bạn tốt trên đường tu. Phật dạy tự tâm ta vốn trong sáng như hư không, không thể nào nhiễm ô được. Dù ta có lăn lóc bao nhiêu trong luân hồi sinh tử, tâm ấy vẫn như viên kim cương bất hoại dù có bị rớt xuống bùn dơ. Cốt lõi tâm ấy vốn là Phật. Đây là tin lành lớn nhất mà Phật đã mang lại cho ta. Nghĩ như thế, tâm ta sẽ trào dâng một niềm vui, đó là lạc thọ. Khi tâm hồn cổ được niềm vui ấy, thì mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, đều phát sinh một niềm vui bất tận, và cảnh ngoài cũng nhờ vậy mà được chuyển hóa.

Kinh Lăng Già có đoạn nói Phật đi đến nơi nào thì cây cối ở đấy trở nên xanh tươi hơn, nước sông trong hơn, con người ở đấy trở nên hiền thiện hơn. Đây là do năng lượng tử bị của Phật tỏa ra ảnh hưởng đến môi trường. Bồ tát sơ địa luôn luôn sống với niềm vui ấy nên gọi là "hoan hỉ địa." Nếu hàng ngày chúng ta tập nghĩ như trên, nghĩa là nhớ đến thân người quý báu, tâm mình vốn là Phật, thì cũng tạo được niềm vui trong tâm, dù bên ngoài ta không có thêm một vật gì. Niềm vui ấy sẽ ảnh hưởng đến thân xác, giúp ta tránh được bệnh và làm việc không biết mỏi mệt. Nó cũng giúp ta nhìn mọi người với ánh mắt từ bi. Khi thấy được Phật tính nơi chính mình, ta sẽ thấy mọi người cũng như mình, đều là những vị Phật đang bị đọa, và do vậy không thể coi thường ai, kể cả những người đang làm ác. Ngài Thường Bất Khinh Bồ tát trong kinh Pháp Hoa là một ví dụ. Ngài đi khắp nơi, gặp ai cũng vui vẻ ca tụng "Tôi không dám coi thường ngài, vì ngài sẽ thành một vị Phật."

Trên đây là cách tốt nhất để chuyển hóa tâm trạng bình thường thành lạc thọ bất tận. Nếu không làm được vậy, ta nên theo các đoàn đi thăm người bệnh, người già tàn tật trong các trại tế bần. Đừng nghĩ là mình đi cứu trợ ủy lạo hay làm từ thiện xã hội, mà chỉ đi “thực nghiệm” để chuyển hóa tâm trạng không vui không khổ thành ra lạc thọ. Hãy nhìn một người bệnh ung thư hay bại liệt với niềm cảm thông, hòa tan tâm mình vào tâm họ, để thấy khổ để đang ở trước mắt. Đặt câu hỏi, nếu người ấy là anh, là chị, là cha hay mẹ của ta, hoặc là chính bản thân ta thì sao? Khi ấy tâm ta tràn ngập bi mẫn, và ta cảm thấy cần phải làm cái gì có ý nghĩa, vì trước sau gì cũng có ngày ta phải đối diện với cái chết, như người đang ở trước mặt ta. Trước cảnh khổ đau chết chóc, ta càng thấy rõ cuộc đời thực vô nghĩa nếu không tu tập. Nhờ thấy vô thường, khổ, ta còn thấy được vô ngã hay tánh Không, và phát sinh lạc thọ nhờ cái thấy đúng. Như thế nào? Như thế khi ta đang đánh một ván cờ sắp thua, bỗng một trận gió thổi bay tất cả những quân cờ, không còn phân định được ai thắng ai bại. Cái thấy về tánh Không cũng thế, làm tâm ta giải tán được mọi cảm xúc mâu thuẫn như thiện ác, được mất, thành phàm...

3. Chuyển khổ thọ thành an vui:

Khổ thọ hay những cảnh ngộ khó chịu, trái ý, nói chung gồm hai loại: có thể sửa đổi và không thể sửa đổi. Những khổ do phiền não, tham lam giận dữ và nghiệp - những thói quen xấu - thuộc loại có thể sửa đổi, còn những khổ do quả báo như bệnh tật tai nạn chết chóc, những định nghiệp không thể tránh, thuộc loại không thể sửa đổi. Nguyên tắc chung là, cái gì có thể đổi bỏ, ta nên đổi bỏ để được an vui. Cái gì không thể đổi bỏ được, ta nên vui vẻ chịu đựng, hoan hỉ đón nhận như đón một người thân, rồi dần dần ta sẽ thấy nó quý báu thực. Biết bao nhiêu người sau một tai nạn, đối diện với một bệnh nan y, mới bắt đầu tỉnh ngộ cuộc đời giả dối, bắt đầu buông xả và cảm thấy nhẹ nhàng?

a. Những nỗi khổ có thể bỏ được:

Thông thường chín mươi phần trăm đau khổ trên đời là do tự mình rước lấy, nên có thể đổi bỏ được, nếu ta thực sự muốn bỏ. Nếu thực tình muốn giải trừ đau khổ, ta phải diệt tận gốc nguồn gốc hay nguyên nhân của khổ đau. Nguyên nhân ấy là ham muốn hay dục vọng. Khi có ham muốn mãnh liệt với một đối tượng nào, ví dụ một người (trai gái mê nhau) hay một vật (một chỗ ở, một chiếc xe honda) thì ta thường đánh giá đối tượng ấy một cách sai lạc do tưởng tượng thêm thắt. Ta trở nên u mê ám chướng, quên khuấy một sự thực hiển nhiên là, suốt đời ta đã chạy theo nhiều ham muốn đủ thứ, có khi được, có khi không, nhưng rốt cuộc đời ta vẫn chẳng khá hơn chút nào. Vẫn đau khổ, chán chường, luôn luôn khao khát một cái



gì để rồi lại thất vọng vì không có được đối tượng, hoặc chán nản vì đối tượng đã đạt được không còn làm ta thỏa mãn. Khi đam mê, ta quên mất định luật vô thường: đối tượng ta ham muốn đã luôn luôn thay đổi, mà cả chính tâm ta cũng không ngừng đổi thay. Vậy ta phải quay về tự tâm để thấy rõ theo đuổi ham muốn chính là đau khổ. Vấn đề ở ngay trong tự tâm ta chứ không phải do đối tượng ở ngoài. Khi chán nản một người hay một vật mà ta đã có được, ta thường nghĩ rằng tại vì người hay vật ấy có những khuyết điểm này nọ, làm ta đâm chán, mà không bao giờ nghĩ chính tại cái tâm ta ưa thay đổi.

Chính vì đặc tính con người là nhiều ham muốn nên Phật gọi cõi đời này là cõi dục. Cũng do dục mà ta đã sinh ra đời, rồi dục vọng lại chi phối ta suốt cả đời cho đến khi xuống huyệt. Vậy nói đến chuyện diệt dục là điên rồ, phản tự nhiên. Ngược lại, rất cần tìm hiểu kỹ về dục để tận dụng nó, như ngày nay người ta tận dụng sức gió, năng lượng mặt trời, năng lực thác nước v.v... Phật giáo tóm gọn trong một chữ CHUYỂN, chuyển sinh tử thành Niết bàn, chuyển phiền não thành Bồ đề.

Khi đã thấy được đời ta luôn luôn chạy đuổi theo ham muốn các đối tượng giác quan và không bao giờ thỏa mãn, ta mới thấy lỗi là ở tự tâm, không phải ở ngoài. Do tâm đam mê, ta không nhìn sự vật đúng như thực trạng của nó (nghĩa là thổi phồng quá cỡ thọ mộc, như vẻ sắc đẹp thì chim sa cá lặn, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh...) Do tâm chấp ngã, ta muốn vợ về cho mình cái mà ta cho là hấp dẫn, đáng ưa muốn. Hiểu được như vậy, thì năng lượng dục vọng biến thành năng lượng trí tuệ. Dục càng lớn, tuệ càng sáng và sắc bén như kim cương. Ta bắt đầu thấy được tất cả tùy thuộc tâm ta, nên không còn chạy theo ngoại cảnh. Đây gọi là sự từ bỏ, hay Giới, bước đầu của ba vô lậu học. Lời nguyện quy y của Phật tử là:

“Con xin quay về nương tựa Pháp lìa dục đáng tôn quý.” (Quy y Pháp lìa dục tôn).

b. Những khổ do định nghiệp đời trước

Danh từ Phật giáo gọi là "báo chướng", như bị bệnh nan y, oan gia đối đầu, và các nỗi khổ chịu khác đã xảy đến hoặc đang xảy đến mà ta không làm gì để đổi bỏ được. Đối với loại khổ này, người có trình độ tu cao cũng có thể chuyển hóa thành an vui, khi đã chuyển được các cảm thọ lưng chừng và lạc thọ để hướng chúng vào con đường tu tập. Sau đây là một vài phương pháp:

Nghĩ đến luật nhân quả: Ta không gặt một quả gì mà ta đã không gieo nhân cho nó. Vậy càng trả quả sớm càng tốt, nên lợi dụng thời gian trả quả để tu tập vượt ra ngoài vòng vay trả trả vay.

Khi trả quả, vui vẻ nghĩ rằng nhờ bị vố này, ta bớt được một món nợ, mau sạch nợ. Người Tây Tạng có tục ngữ: "Những sự khó chịu ta gặp phải cũng như cái chổi quét sạch ác nghiệp của ta."

Xem những điều khó chịu, người khó chịu như những bài học về nhân nhục mà chư Phật Bồ tát đã ra cho ta thực tập. Bồ tát tu cao thực sự còn cảm ơn nghịch cảnh vì nhờ nghịch cảnh và kẻ ác mà các Ngài chóng thành đạo quả Vô thượng Bồ đề. Ví dụ khi Bồ thí thì Bồ tát cảm ơn người đến xin, vì nhờ có người xin tài sản, máu thịt mà Bồ tát thành tựu hạnh Bồ thí ba la mật. Trong kinh Pháp Hoa, Phật cũng dạy rằng Devadatta chính là bạn lành đã giúp ngài đạt giác ngộ nhanh chóng.

Tập thói quen chỉ chú ý đến những ưu điểm nơi người và hoàn cảnh đáng chán ghét, để cảm thấy may mắn thay vì bất hạnh.

Trái lòng bi mẫn lên khắp chúng sinh cùng đau khổ như mình, rộng ra nữa là tất cả chúng sinh đang còn may mắn, vì chính họ cũng sẽ phải trải qua những khổ căn bản về sinh già bệnh chết.

KẾT LUẬN

Trên đây là những pháp chuyển hóa sơ đẳng trong Mật tông dành cho tất cả mọi người. Mật tông chính hiệu về chuyển hóa thì bao hàm sáu pháp thiền hay du già, đó là du già nội hỏa, du già thân huyền, du già mộng, du già quang tượng, du già trung ấm và du già biến hóa. Mỗi pháp du già gồm rất nhiều pháp thiền quán sâu xa đưa đến giác ngộ giải thoát ngay trong một đời người, và tái sinh tùy ý muốn nhờ muốn nhờ thuận thực pháp du già trung ấm. Căn bản của Mật tông là tâm Bồ đề, nên hành giả Mật tông cao cấp thường chọn nơi tái sinh thích hợp để lợi lạc tối đa hữu tình, như nhiều vị sư Tây Tạng hiện nay được cho là đã tái sinh tại nhiều quốc gia Tây phương mà báo chí gần đây thường đăng tải.

(Trích Đường Về của Cổ Ni sư TN Trí Hải)

LỮ KHÁCH VÀ CHIẾC CHĂN BÔNG

*Khi mùa đông giá lạnh
Ta và chiếc chăn bông
Đêm đông dài hiu quạnh
Cùng sưởi ấm cõi lòng*

*Chiếc chăn sẽ chẳng ấm
Nếu chỉ đứng một mình
Thân người chắc lạnh cóng
Khi đông về lặng thinh*

*Ta là người lữ khách
Bạn là chiếc chăn bông
Đường đời bao khổ lụy
Dù nhau qua mùa đông*

*Đông qua xuân lại tới
Hạ hết thu cũng đi
Lẽ tuàn hoàn biến đổi
Bạn lòng chi thị phi?*

*Duyên sanh duyên sẽ diệt
Duyên hợp duyên lìa tan
Gặp nhau rồi từ biệt
Ta về cõi thên thang...*

thơ

HÀN LONG ẨN



ĂN NÓI PHẢI THỜI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Ngày xưa, dân ta có truyền thuyết rằng tất cả thú vật và con người đều có thể thông hiểu ngôn ngữ của nhau.

Tâm hồn chúng sanh thanh thoát nhẹ nhàng, ham vui làm việc thiện lành tốt đẹp. Trong kho tàng truyện cổ nước ta có câu chuyện khuyên người nên “ăn nói phải thời.”

Chuyện kể lại: Một hôm đến ngày kị cơm vợ, sau khi đi chợ sắm sửa thức ăn, nấu nướng cúng kiến đã xong, chuột nhớ vợ mũi lòng muốn khóc, các con thì còn nhỏ chưa cảm biết hiểu được nỗi thương lòng của cha. Chuột cha lại quá nghiêm, nên chả đứa nào bạo gan dám lên tiếng chia xẻ. Bỗng chuột nhìn xuống bờ hồ thấy bác cóc đang thông dong thả bộ. Chuột bèn chạy tuốt xuống gốc cau (nhà chủ chuột trên ngọn cau cao), đến bờ hồ cung kính vái chào bác cóc vàng cùng tỏ lời mời bác cóc về nhà dùng chút rượu cho vui.

Vốn cách xa đã lâu, lòng vẫn thấy nhớ thương thế nào, nhất là chú chuột vóc dáng thân thể thấy có ốm om gầy, phờ phạc hơn dạo trước, cóc hoan hỉ nhận lời.

Khi đến gốc cau, cóc lắc đầu quây quây “Xin lỗi, cảm ơn bác, có điều trèo cây nào phải nghề của tôi, xin để cho dịp khác.” Chuột phân trần: “Bác đừng ngại, cứ ngậm chặt đuôi tôi, khi tôi vào trong nhà, bác đã tựa vững chắc, hồi đó mới nhả đuôi tôi, chúng ta tha hồ đánh chén, khi về thì bác ngồi trên lưng tôi, ôm chặt lấy mình tôi, xuống đến gốc cau thì chúng ta già tử.” Cóc suy ngẫm: “Âu đây cũng là chuyện du hành kỳ thú.”

Khi lên vừa đến nhà, bốn chú chuột con thấy khách, nhớ lời cha dặn, bèn kéo nhau ra cửa vòng tay cúi đầu chào bác cóc. Cóc thấy xấp nhỏ con chuột lễ phép, bèn nói lời khen tặng, nhưng mới há miệng bác đã rơi xuống gốc

cau, xương sống bác đùn lại, da thịt bác lại nhô lên, máu mũi tươm ra, bác phải ngồi xồm suốt đời, không còn khoan thai đi lại như trước đây, mỗi khi trời trở mưa, bác thấy toàn thân đau buốt, bác phải kêu khóc rên rỉ cho vơi bớt nỗi nhức nhối trong thân.

Bác Cóc thấy con bạn ngoan nên khen là đúng, nhưng chỉ vì nói chưa phải lúc mà họa tai còn đến, suýt làm mất mạng.

Cho nên giờ nào thì việc nấy, chớ bao giờ nò đùa phá phách hoặc lén lút đùa giỡn trong lớp học, trong lúc làm việc. Tai họa sẽ đến lớn hơn nhiều. Xin anh chị em, các cháu ghi nhớ ăn nói phải ngay thực và đúng thời là cần thiết vậy.

(trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*
của Htr. Thị Nguyên Nguyễn
Đình Khôi)





Ý NGHĨA MÀU LAM

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT do **Nhóm Áo Lam** thực hiện)

Để tạo sự đồng nhất của một tổ chức, người ta thường đòi hỏi các thành viên phải mặc áo quần đồng phục.

Tùy theo mục đích của tổ chức, đồng phục cũng được chọn lựa để biểu lộ tinh thần của tổ chức đó. Gia Đình Phật Tử Việt Nam cũng không ngoại lệ, và màu lam được chọn lựa cho màu áo của tổ chức.

Màu Lam của Gia Đình Phật Tử với những ý nghĩa sau:

1. Bình đẳng: Tổ chức GDPT gồm đủ mọi thành phần, từ một em bé lên năm đến một cụ già bảy tám mươi tuổi; từ một người lao động tay chân đến những người học rộng tài cao; từ một em học sinh vỡ lòng đến một vị giáo sư kinh nghiệm. Tất cả đều đến với nhau trong tinh thần bình đẳng, san sẻ từ cái vui đến cái khổ mà không bao giờ phân bì hơn thua cao thấp.

2. Hòa đồng: Màu lam là màu hòa hợp với thiên nhiên và màu sắc. Màu lam có thể đứng chung với bất cứ màu nào mà không quá nổi bật hoặc chìm

đắm. Nếu một màu sắc sỡ như đen hoặc đỏ, thì màu lam là một màu nhu hòa. Nếu một buổi trời nắng chang chang, màu lam là một màu dịu mát. Nếu một buổi sáng mùa đông lạnh lẽo, thì màu lam là màu mang theo hơi ấm. Tất cả đó là mục đích của Tổ Chức là luôn đem vui cứu khổ đến cho muôn loài.

3. Tinh tấn và nhẫn nhục: Màu lam là một màu dễ cảm mến. Người mặc áo màu lam vào mình cũng không thể nóng nảy, hoặc ụ buồn mà phải luôn luôn nhẫn nhục và tinh tấn trên đường tu học và giúp ích mọi loài.

Màu lam là một màu dễ dơ nhưng khó thấy, biểu lộ cho một tinh thần của Phật Giáo. Phật tánh hay ma tánh cũng tại tâm ta. Nếu chúng ta vẫn mãi chạy theo tham dục thì Phật tánh cứ mãi che khuất. Nếu chúng ta biết xa dần dục vọng thì Phật tánh lại càng ngày càng tăng trưởng trong tâm chúng ta.

Chiếc áo Lam của tổ



chức mang một ý nghĩa thật cao quý. Chúng ta nên cố gắng giữ gìn chiếc áo cũng như giữ gìn thân tâm của chúng ta phải luôn trong sạch. Không làm hện ố nó. Có như vậy mới xứng đáng là một đoàn sinh của Tổ Chức.

(*tài liệu của Bạc Trung Thiện - Ngành Thiếu, GDPTVN*)





LÝ NHÂN DUYÊN SANH

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới



I. Định nghĩa:

Nhân : Những gì có năng lực phát sanh. Yếu tố chính của sự phát sanh.

Duyên: Những sự giúp đỡ phụ thuộc cho nhân phát sanh.

II. Định lý Nhân Duyên:

Mọi vật hình thành do kết quả của sự tác dụng giữa nhân và duyên. Ví dụ:

1. Cái bàn thì được tạo thành do gỗ là yếu tố chính (Nhân) và công làm là yếu tố phụ (Duyên).

2. Ngôi chùa được tạo thành do gạch, xi-măng, gỗ, đinh v.v... là yếu tố chính (Nhân) và công xây cất là yếu tố phụ (Duyên).

III. Những đặc điểm của Lý Nhân Duyên:

1. Tất cả sự hiện hữu trong vũ trụ đều có thể giải thích trong Lý Nhân Duyên.

2. Lý Nhân Duyên chi phối tất cả: Tất cả các sự vật khác nhau (hình tướng, tánh tướng, thể tính, khí tính, v.v...) đều do nhiều Nhân-Duyên khác nhau mà hình thành. Không một vật gì hình thành ngoài sự hội hợp của Nhân Duyên.

3. Lý Nhân Duyên là một sự thật. Đức Phật chỉ là người nêu ra sự thật ấy.

IV. Áp dụng Lý Nhân Duyên vào đời sống hàng ngày:

1. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi sự vật đều do nhân duyên tụ hội mà thành. Khi nhân duyên thay đổi thì sự vật ấy cũng thay

đổi; cho nên chúng ta đừng quá nâng chiều sự vật ấy vì một ngày nào đó nó cũng sẽ thay đổi khi nhân duyên tan rã. Không nên quá vui khi có nó và cũng đừng buồn khi mất nó. Đừng để sự vui buồn của chúng ta lệ thuộc vào những thứ tạm có đó.

2. Lý Nhân Duyên cho chúng ta rõ mọi vật khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tạo thành. Không nên buồn khi gặp những gì mình không thích và cũng đừng quá vui khi gặp những gì vừa ý. Vì làm như thế, dù trước hay sau mình cũng phải có một lần buồn vì được nó hoặc mất nó.

3. Lý Nhân Duyên cho chúng ta hiểu rằng mình hãy bình thản sống với những gì mình có. Đừng vì đua đòi những thứ tạm có ấy để rồi làm khổ cuộc đời mình.

4. Lý Nhân Duyên cho chúng ta thấy rằng: Không có một vật gì tự nhiên mà có, và không một nhân nào có thể phát sanh khi không có những duyên phụ. Vì thế, con người và các sự vật có đều do nhiều nhân duyên tạo thành chứ không phải do một vị Thượng Đế nào sáng tạo ra.

5. Lý Nhân Duyên cũng cho chúng ta thấy rằng tương lai của chúng ta nằm trong tay chúng ta. Chúng ta muốn đẹp hay xấu, giàu hay nghèo, vui hay buồn đều do những nhân duyên tự bản thân ta tạo ra.

V. Kết Luận

Mọi sự vật hình thành khác nhau đều do nhiều nhân duyên khác nhau tụ hợp mà sanh ra.

Chính vì nhân duyên biến đổi không ngừng nên không có vật gì có thể tồn tại mãi mãi được. Hiểu được như vậy, chúng ta không nên quá vui hoặc quá buồn khi được nó cũng như khi mất nó. Trái lại, hiểu được như vậy sẽ giúp bản thân chúng ta sống an vui, hạnh phúc.



TẠI SAO TA KHỔ?

Ta đau khổ bởi vì “ta” lớn “ngã”
Muốn mọi điều theo như ý của “ta”
Nhưng cuộc đời đâu có mãi thuận hòa
Trong chín người đã có ra mười ý

Ta đau khổ bởi vì “ta” suy nghĩ
Ham muốn nhiều để phục vụ cho “ta”
Đâu biết rằng đó mới chính thực là
Đầy khổ lụy bởi quá nhiều tham dục

Ta đau khổ bởi vì “ta” vô phúc
Tham sân si đang lớn mạnh trong lòng
“Bản ngã” * lớn phải chịu nổi long đong
Vì mọi người đang lặn lội xa lánh

Ta đau khổ bởi vì “ta” kiêu hãnh
Không khiêm cung tương lớn giỏi hơn người
Tôn phước đức mất hết những tốt tươi
Cùng Phật tánh “mạn, nghi” làm mờ ám

Ta đau khổ khi không ai đồng cảm
Muốn mọi người phải lệ thuộc tung hô
Ai không phục liền trừ dập mưu đồ!
Hãm hại thấy những người không vừa ý

Ta đau khổ bởi biệt phân đồ kỵ
Đối đãi nhau bằng những chuyện thị phi
Giận hờn ganh những việc chẳng ra gì
Oán tắng hội thấy người hơn không thích

Ta đau khổ bởi vì không tu tĩnh
Mãi lo toan tính toán chuyện bên ngoài
Luật nhân quả luôn chi phối sáng soi
Quán chiếu tâm chính là bốn phận sự

Hết đau khổ khi bao dung tha thứ
Chuyện hơn thua không dính mắc, thông dong
Lìa ngũ dục là nhẹ nhõm cõi lòng
Đường giải thoát hanh thông bày trước mặt

Khi “vô ngã” khổ đau lìa tức khắc
Bởi có thân có khổ có luân hồi
Giác ngộ rồi mau tu tĩnh đi thôi!
Không “ngã chấp”** vị tha điều lý tưởng.

Chùa Pháp Hoa – Nam Úc, Mạnh Đông – Bình
Thân (11/2016)



thơ

THÍCH VIÊN THÀNH

* **Bản ngã**: Bản ngã là sống với cái tôi của mình. Phát triển cái tôi đó lớn lên, nhằm tạo ra sự khẳng định mình, khẳng định cái tôi của mình. Muốn chứng tỏ mình hơn mọi người, mình là trung tâm của vũ trụ, mình là đứng là trên hết, nên mọi người phải phục tùng, dưới quyền điều khiển của mình. Triết lý nhà phật cho rằng, một khi cái tôi đó càng lớn lên thì tham – sân – si lớn theo, từ đây con người càng gây tạo nhiều nghiệp chướng, sai lầm và KHỔ. Cho nên tự mình bào mòn bản ngã và nhắc nhau hạ ngã là nhiệm vụ chính của người Tu là HẾT KHỔ. HT. Thích Thiên Siêu có viết cuốn sách “Vô Ngã Là Niết Bàn” như vậy “Hữu ngã là địa ngục”!

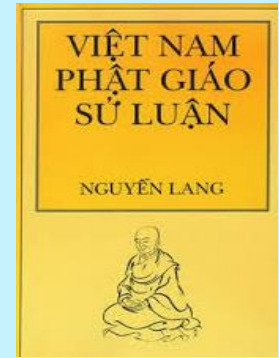
** **Ngã chấp**: Chấp ngã luôn đề cao cá nhân, vì quyền lợi cá nhân mà sẵn sàng bỏ qua lợi ích tập thể. Vì lợi riêng thì khó mấy cũng làm, vì lợi chung thì dễ mấy cũng chối. Lỗi mình thì to mấy cũng bỏ qua, lỗi người thì nhỏ mấy cũng soi cho kỹ.

THIỆN SƯ HUYỀN QUANG

(1254-1334)

(Chương XIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



(tiếp theo kỳ trước)

TƯ TƯỞNG CỦA HUYỀN QUANG

Tiểu rằng ta không còn đọc được những sáng tác của ông về Phật học để được biết qua tư tưởng Thiền học của ông. Trong bài thơ chùa Diên Hựu, Huyền Quang có viết những câu sau đây có thể nói là tư duy của ông về vấn đề đạt đạo:

*Thành ngăn tục lụy trần không vướng
Cửa mở vô ưu mắt rộng
tâm*

*Thấy được thị phi cùng một
hướng*

*Ma cung, Phật quốc cũng
ngồi chung*

**(Vạn duyên bất nhiễu,
thành già tục**

**Bán điểm vô ưu, nhãn
phóng khoan**

**Tham thấu thị phi bình
đẳng tướng**

**Ma cung Phật quốc hảo
sinh quan).**

Giới và Định là những bức thành để ngăn giữ không cho phiền não thâm nhập. Giữ tâm hồn thanh thoát không lo lắng thì tâm mắt có thể nhìn xa thấy rộng, khi tham khảo đạt được đến nền tảng chung của những cặp đối lập như thị-phi, mê-ngộ, thì cái nhìn " nhị kiến' không còn, lúc ấy không còn sự đối lập " Ma-Phật" nữa, và cảnh nào cũng là cảnh Phật, Ma cung cũng trở thành Phật quốc.

Trong bài kệ bằng chữ Nôm viết ở cuối bài *Phú Vịnh Chùa Hoa Yên*, Huyền Quang có hai dòng sau đây:

Biết được tính ta nên Bụt thật

Ngại chi non nước cảnh đường xa.

Ông muốn nói: nếu ý thức được tự tính giác ngộ sẵn có nơi mình thì sẽ không còn thấy con đường tu trước mắt xa thẳm nữa. Thiết tưởng từng đó cũng cho ta thấy được quan điểm Thiền học của Huyền Quang. Qua những câu trao đổi giữa Huyền Quang và Pháp Loa bên giường bệnh của Pháp Loa, ta có thể thấy

những nét chính của tư tưởng Huyền Quang về vấn đề tu chứng:

1- Sống và chết chẳng qua là hai phương diện cùng một thực tại, cái mà thiền sư Lâm Tế gọi là chân nhân vô vị (con người thực không có vị trí trong không gian và thời gian). Thực tại này không vì sinh mà có, không vì diệt mà mất.

2- Nếu ai thực chứng được thực tại bất sinh bất diệt ấy nơi bản thân thì người ấy sẽ đạt đạo và thoát khỏi sinh tử, hoàn toàn tự do.

3- Chưa thực chứng được những lời tuyên bố về thực tại chỉ có tác dụng làm cho kẻ khác lầm lạc. Bản chất của Phật Giáo là sự thực chứng mà không phải là kiến thức thu thập được từ giáo điển và thầy tổ.

VĂN NÔM CỦA HUYỀN QUANG

Văn Nôm của Huyền Quang thế nào? Sau đây ta hãy đọc vài đoạn đầu trong bài phú *Vịnh Chùa Hoa Yên*:

Buông niềm trần tục

Nấu tới Hoa Yên

Chim thụy đôi tiếng ca chim thụy

Gió tiên đưa đôi bước thần tiên

Bầu đùng đỉnh giang hòa thế giới

Giày thông thả dạo khắp sơn xuyên

*Đất phúc địa nhận xem luống kể - Kể bao
nhiều dư trăm phúc địa.*

*Trời thiên nhiên hiệp thân thừa lạ - Lạ hơn
ba mươi sáu thiên thiên*

Thấy đây:

Đất tựa vàng lên

Cảnh bằng ngọc đúc

Mây năm thức che phủ đền Nghiêu

Non nghìn tầng quanh co đường Thục

*La đá tảng thể dốc, một hòn ôm vịn một
hòn*

*Dòng nước chảy làn sâu, đòi khúc những
dò đòi khúc*

Cỏ chiều gió lướt dặm vui vui

Non tạnh mưa dầm màu thục thục

Ngàn cây phi Cánh Phượng, vườn
 thượng uyển đóa tốt rờn rờn
 Hang nước tưới Hàm Rồng nhà li châu
 hột san mục mục
 Nhựa đông hồ phách, sáng khắp rừng
 thông
 Da điểm đồi mồi, đồng hòa vườn trúc
 Góc vẽ tiếng bồ lao thốc, gió vật
 đoành đoành
 Điện ngọc phiến bồi điệp che, mưa
 tuôn túc túc
 Cảnh tốt hòa lành
 Đồ tựa vẽ tranh
 Chín ấy Trời thiêng mở khéo
 Nhèn chi vua Bụt tua hành
 Hồ sen tương tán lục
 Suối trúc bầm đàn tranh
 Ngự sử mai hai hàng châu rập
 Trượng phu từng mấy chạnh phò oanh
 Phi thúy sắp hai hàng loan phượng
 Tử vi bày liệt vị công khanh
 Chim óc bạn cần hoa nâng cúng
 Vượn bông con kê cửa nghe kinh
 Nương am vắng Bụt hiện từ bi, gió hiu
 hiu mây nhẹ nhẹ
 Kế song thưa thầy ngồi thiền định,
 trắng vắng vắng, núi xanh xanh...

THỜI KỲ HƯNG THỊNH CHẤM DỨT

Phật Giáo Trúc Lâm, sau Huyền Quang, không còn hưng thịnh nữa. Đây có phải lỗi của Huyền Quang không? Nếu có, thì đó là lỗi gì? Phải chăng Huyền Quang đã không tìm được người xứng đáng để kế vị gánh vác việc lãnh đạo giáo hội? Tại sao không có ai nói tới đệ tử tổ Trúc Lâm trong khi truyền thống Trúc Lâm tiếp tục từ An Tâm xuống Phù Vân, từ Phù Vân xuống Vô Trước và cứ thế truyền mãi tới về sau?

Một điều ta có thể ghi nhận là Huyền Quang nhận trách vụ lãnh đạo giáo hội lúc ông đã 77 tuổi. Ông đã chán việc ngoài đời, không ưa giao du liên lạc với vua quan trong triều nữa. Ông ở yên trong núi Côn Sơn. Có lẽ ông đã ủy thác mọi việc cho quốc sư An Tâm. An Tâm đã bất lực trong công việc lãnh đạo giáo hội chăng? Điều này ta không thể trả lời được. Dù An Tâm có tài có sức nhưng khó mà duy trì được sự hưng thịnh của Phật Giáo Trúc Lâm khi mà xã hội bắt đầu phân hóa chia rẽ vì lý do tranh chấp ý thức hệ, khi mà các nhà lãnh đạo quốc gia không có khả năng đoán đúng người, khi mà nho thần nghĩ rằng chỉ có Nho Giáo mới lãnh đạo Thánh, còn Phật Giáo là tín ngưỡng có hại cho quốc gia. Hơn nữa, một giáo hội dựa quá nhiều trên thế lực triều đình để phát triển mà không biết quay về tìm thế đứng trong dân gian, thì một khi sự ủng hộ triều đình không còn, giáo hội ấy hẳn nhiên sẽ thiếu lương tựa và hiện tượng suy đồi là chuyện hiển nhiên phải tới.



SAU-LŨ-LÀ

trẻ miền Trung vượt lũ bằng bè chuối
 khi biết đau nước mắt đã chìm
 chiếc bè là mảnh tim thoi thóp
 trong xa vời thảng năm
 người ta đang cứu vừng lũ
 hay tâm đau cứu trợ những tâm hồn
 mẹ già mình quên quên nhớ nhớ
 vì giẫm thắt lòng mắc nợ phù du
 sau lũ lại thêm nhiều bão lũ
 tiềm thức phận người xác bọt bèo trôi
 lục bình tím chân trời bóng nước
 đưa con xa chớp bể quên về
 - ta đặt gì trên chiếc bè cứu trợ
 mà điệp trùng dang dở
 lặng im...

thơ LỮ THỊ MAI

TẬP THIỀN CHẠY BỘ

Nguyễn Giác

Chạy bộ dĩ nhiên là tốt cho sức khỏe. Nhưng chạy bộ cho phù hợp với lời khuyên của bác sĩ sẽ tốt nhiều thêm cho sức khỏe — hơn là khi chạy chỉ là chạy. Và khi chạy cho phù hợp với thiền chánh niệm sẽ còn tốt thêm cả trăm đường...

Thực ra không có gì mới, vì ngày xưa các thiền sư đã dạy rằng tập thiền là cả đi đứng nằm ngồi. Tuy nhiên, phần lớn nhà chùa ưa nói về thiền ngồi và thiền đi bộ... Không mấy khi, và không mấy ai nói về thiền chạy bộ. Hiển nhiên, chạy phải cần nhiều phương tiện hơn, như giày, vớ, áo lạnh, và đường chạy an toàn.

Trước tiên, với y khoa, hể chạy là tốt, vì chạy là một dạng thể dục có lợi. Tác giả Daniel Pendick viết trên tạp chí *Harvard Health Publications* ngày 30/7/2014 rằng một cuộc nghiên cứu phổ biến trước đó một tuần trên tạp chí *Journal of the American College of Cardiology* cho thấy rằng ngay cả chạy mức độ chậm (low-intensity running) từ 5 tới 10 phút mỗi ngày cũng đủ để tăng tuổi thọ nhiều năm, so với không chạy chút nào.

Đối với Đại sư Tây Tạng Sakyong Mipham Rinpoche, chạy nhất định phải là thiền, bởi vì không nên thuần chạy là chạy. Đó là lý do Đại sư soạn ra tác phẩm "*Running with the Mind of Meditation*" (Chạy Bộ Với Tâm Thiền). Thầy còn làm một bản ghi âm hướng dẫn, đọc khoảng 15 phút để những người chạy bộ nghe và giữ đúng hướng dẫn, gọi là vừa chạy, vừa thư giãn, vừa chánh niệm chú tâm vào giây phút hiện tiền xuyên qua hòa hợp đồng bộ tâm và thân.

Tạp chí *Chatelaine Magazine* trong một bài viết ngày 30/10/2012, ghi lại cuộc phỏng vấn Đại sư Sakyong Mipham Rinpoche về chạy bộ trong chánh niệm. Đại sư cũng là một lực sĩ chạy đã hoàn tất 9 cuộc thi trường lực (marathon: cuộc thi chạy đường xa, độ dài chính thức mỗi cuộc thi là 42.195 kilometres).

Đại sư nói rằng ban đầu chỉ nghĩ là chạy để giữ sức khỏe, nhưng dần dà chạy trở thành niềm vui lớn và là cuộc thư giãn — một cách để nối kết thân, tâm và thiên nhiên chung quanh cùng một lúc.

Đại sư kể rằng đại sư tập thiền từ thời rất nhỏ, nên đã thấy việc luyện tâm xuyên qua thiền tập cũng đưa ra những phẩm chất hệt như, nếu không phải thâm sâu hơn, như

luyện thân xuyên qua thể dục.

Đại sư nói, "Tôi thấy liên hệ giữa chạy bộ và thiền tập là một khám phá tự nhiên. Xuyên qua thiền tập, chúng tôi học giữ chánh niệm trong mọi hoạt động đời thường — dù là chạy bộ, đi bộ, hay ngay cả khi gặp gỡ bạn hữu và gia đình. Trong một vài ý nghĩa, chúng ta luôn luôn thiền tập trên một chuyện gì đấy. Bạn có thể thiền tập về chuyện bạn muốn ăn món gì cho bữa trưa, hay về cuộc nói chuyện điện thoại bạn trải qua trước đó trong ngày. Và trong sách của tôi, '*Running with the Mind of Meditation*', tôi đề nghị rằng bạn nên biến tất cả mọi chuyển động như một thiền tập."

Đại sư nói rằng tác phẩm của nhà sư giúp chuyển sự tập trung chỉ nơi hơi thở sang hiện diện tinh thức trên mọi hoạt động trong ngày. Nghĩa là tinh thức về mọi chuyển động của toàn thân.

Đại sư nói, ngay cả khi chạy bộ trong tâm thiền chỉ 15 phút, cũng sẽ khám phá ra niềm vui đồng bộ hòa hợp thân và tâm.

Nhà văn Hoa Kỳ Amy Chavez, người đã ở Nhật Bản trong hai thập niên, trong bài viết "*The influence of sports on meditation*" (Ảnh hưởng thể thao trên thiền tập) trên nhật báo *The Japan Times* ngày 19/7/2013 kể rằng Thiền chạy bộ là một tự nhiên.

Bà đã quan sát rằng các nhà sư phái Tendai-shu (Thiền Thai Tông) trên Núi Hiei ở Kyoto thường tập Thiền đi bộ, gọi trong tiếng Nhật là jogyozanmai. Và đó là một chuyện tự nhiên, vì khi đã có Thiền đi bộ, tất nhiên sẽ có Thiền chạy bộ.

Nhà văn này thấy rằng người ta chạy vì nhiều lý do, nhưng một trong các lý do là để "nhẹ đầu." Như là chạy sau khi rời sở làm, hay khi gặp căng thẳng trong đời, hay khi đi trong gió và cần chạy cho ấm người.

Bà viết rằng hành động chạy rất gần với thiền tập, vì "trong thiền tập chân thực, hành giả trên nguyên tắc là làm cho tâm trống rỗng, xa lìa mọi tưởng nhớ và chiêm nghiệm" (In true meditation one is supposed to empty the mind of any reflections and contemplations.) Có lẽ, nhà văn này định nghĩa như



thể là viết theo Thiền Nhật Bản.

Nhà văn này nói rằng có rất nhiều tương tự giữa thiền tập và chạy bộ. Thiền tập là một phương pháp để tâm lặng lẽ. Và chạy bộ cũng thế.

Khi chạy bộ, người chạy phải chánh niệm, phải cực kỳ tinh thức. Phải chú ý vào hơi thở, phải chú ý xem chạy lên dốc hay xuống dốc, phải xem có cần tới lúc cho nghỉ chân chưa.

Dù vậy, vẫn có những dị biệt giữa thiền tập và chạy bộ. Và bất kỳ ai cũng từng kinh nghiệm về các dị biệt này.

Trước tiên, ngồi thiền an toàn hơn. Bởi vì thống kê cho biết 80% những người chạy bộ sẽ bị thương một lúc nào đó trong cuộc đời chạy bộ của họ. Hoặc đau mắt cá chân, hoặc treo gân, hoặc tai nạn trượt chân, hoặc gặp nạn xe cộ...

Nhưng ngồi thiền, hể đau chân hay mỏi lưng thì cứ việc duỗi chân ra, hay ngả lưng nằm. Bạn hãy an tâm, vì sách Thanh Tịnh Đạo cũng viết rằng có những căn cơ thích nghi với nằm thiền, tuy rằng lời khuyên là hãy luôn luôn giữ tâm lặng lẽ tinh thức trong mọi thời. Với Bắc Tông, Thiền không chỉ giữ tâm tinh thức lặng lẽ, mà còn phải là cái nhìn vào hiện thể rỗng rang vô tướng của tất cả các pháp.

Dị biệt nữa: nếu bạn đang ngồi thiền, hơi thở sẽ ngày càng vi tế hơn; nếu bạn chạy bộ, hơi thở sẽ ngày càng nặng nề hơn. Vì có ai chạy mà không mệt, và có ai khi thân thể mệt nhọc mà hơi thở không nặng nề hơn?

Nếu bạn đang ngồi thiền, không thể nào có chuyện toát mồ hôi được. Nhưng khi chạy bộ, dù chạy trong thiền tâm hay không, mồ hôi sẽ ngấm ướt áo. Làm sao bây giờ. Khi bạn ngồi thiền, bạn có thể nhắm mắt lại, khi thấy mỏi mắt. Nhưng khi chạy bộ, dù là chạy thiền, hể nhắm mắt là có chuyện tức khắc. Bởi vậy, Thiền chạy bộ đòi hỏi bạn cảnh giác nhiều vô cùng tận. Như thế, có phải Thiền chạy bộ sẽ thích nghi cho các chiến binh nơi các chiến trường biên giới, vì là nơi cần nhiều cảnh giác cao độ? Ứng dụng của Thiền là nhiều vô cùng tận. Nhưng hãy nhìn về hành động chạy, cũng hệt như hành động ăn, như một pháp tử lâu đã thịnh hành là "ăn trong chánh niệm" (mindful eating) – một phương pháp được Thầy Nhật Hạnh ưa nói tới.

Thực ra, nếu chúng ta nhớ tới bài học chạy bộ từ thầy giáo môn thể dục thể thao thời trung học, sẽ thấy lời khuyên cũng gần với thiền tập. Nhưng cũng khác, dĩ nhiên, vì khi chạy bộ cần ưu tiên an toàn, nhất là khi chạy trong hàng nhiều người, hay khi chạy thi với học sinh khác. Khác xa nhất là tốc độ: vì ngồi thiền làm gì có tốc độ.

Khi chạy, lời khuyên của thầy hướng dẫn là, cần thở sâu, hít hơi từ mũi và thở ra bằng miệng, nên đều theo bước chạy. Khi cánh tay này đánh ra trước, cánh tay kia lùi ra sau, trong khi 2 bàn tay thư giãn, đừng nắm chặt.

TƯỞNG NHỚ MẸ



Nhà quàn.

*Không gian mờ ảo... Tịnh tâm
Tiếng chuông nhịp mõ thì thầm kinh đêm
MẸ nằm như ngủ bình yên
Thời kinh siêu thoát, mùi thiền thoảng bay.*

Phòng hỏa tang.

*Lửa thiêng tỏa khói từ bi
Để thân xác MẸ nương về Tây Phương
Chỉ còn tro cốt cúng dường
Chỉ còn kỷ niệm dư âm kiếp người.*

Và mãi mãi...

*Mỗi ngày mỗi nén tâm hương
Con thương nhớ MẸ cuối đường hư vô
MẸ đi thoang thoang giấc mơ
Âm dương phù ảo bến bờ diệu không.*

thơ

BÙI VĨNH HÙNG

Giày, vớ phải thoải mái. Bàn chân phải được cảm nhận khi chạy, trong khi mắt nhìn tầm gần và tầm xa, để khỏi vấp té. Nếu đang Thiền chạy bộ thì nhớ là đừng tranh thắng, nên tự tìm tốc độ và nhịp độ riêng, để tâm thư giãn, đừng gắng sức quá độ.

Và vì là Thiền chạy bộ, nên quan sát tâm mình trong cả ba thời: trước khi chạy, trong khi chạy, và sau khi chạy.

Thí dụ, trước khi chạy, trong lòng còn băn khoăn, lo lắng vì việc mới làm xong ở sở còn vương vất trong đầu.

Trong khi chạy, hãy nhìn xem tâm chuyển biến, khi quãng bỏ hết mọi thứ ở cõi này theo bước chạy.

Khi mệt, ngừng chạy, hãy nhìn xem tâm có an lạc chẳng, có phải đã là "tất cả chuyển động toàn thân đã đồng bộ một thể với tâm thiền định hay chưa"?

Hãy nhớ rằng, tu một phút là an lạc một phút. Do vậy hể chạy 15 phút là sẽ thấy an lạc 15 phút, nghĩa là đúng rồi vậy. Và sẽ nhìn thấy vô số bệnh biến mất, kể cả bệnh tâm và bệnh thân...

Bàn tay phải của Đức Phật A Di Đà

HUỆ TRẦN

Chiêm ngưỡng tôn tượng mỗi Chư Phật, Chư Bồ Tát, Phật tử đều có thể thấy phần nào hạnh nguyện của Quý Ngài.

Bồ Tát Quán Thế Âm với nhành dương liễu và bình tịnh thủy trên tay, nghe tiếng kêu thương nơi đâu, Ngài liền đến cứu khổ. Nhành dương liễu phẩy sạch bụi uế trước, nước Cam Lộ rưới mát khổ đau:

*"Lòng Bi như sấm động
Y Từ tựa đường mây
Xối mưa pháp Cam Lộ
Lửa não phiền dứt ngay"*

Vị Bồ tát phát đại nguyện "Địa ngục vị không thệ bất thành Phật" là Ngài Địa Tạng Vương thì oai nghi với cây tích trượng:

"Trong tay đã sẵn gậy vàng

Động tan cửa ngục cứu toàn chúng sanh

Tay cầm châu sáng tròn vìn

Hào quang soi khắp ba nghìn đại thiên"

Hai vị Bồ Tát tiêu biểu cho lòng đại từ đại bi như trên đều có trong tay những pháp khí để xử dụng trên đường ban vui cứu khổ. Riêng Đức Phật A Di Đà, chỉ hiện thân một nhân dáng chói lòa, uy nghiêm và an lạc với bàn tay phải buông thõng.

Mỗi biểu hiện, mỗi cử chỉ, lời nói, dù rất nhỏ, rất ngắn, của Chư Phật, Chư Bồ Tát, đều chẳng phải tình cờ mà là ẩn dụ những hàm ý thâm sâu.

Tại sao Đức Phật A Di Đà không dùng một pháp khí nào khi cứu nhân độ thế? Vậy thì, bàn tay phải buông thõng của Ngài có phải là một lời nhắn nhủ gì không?

Tùy theo cảm quan, mỗi người cảm nhận được lời



khuyến tấn của Ngài theo lòng ước vọng riêng.

Với những bước đầu sơ cơ học đạo, tôi chiêm ngưỡng bàn tay phải của Ngài như dấu mốc tuyệt hảo cho người cầu đạo vươn tới:

"Này các con, tay ta luôn mở rộng, đợi chờ. Các con hãy cố gắng bước tới, nắm lấy đi. Các con phải tu, phải học, phải kiên tâm hành trì giáo pháp, tạo cho mình đủ nội lực, tự giác thì năng lượng giác tha của ta mới có thể độ thoát. Phải đủ sức và quyết tâm bước tới, nắm lấy tay ta, ta mới dắt các con đi được..."

Đó là cảm nhận của riêng tôi vì tôi thấy ý nghĩa này phù hợp với tấm lòng từ mẫn vô biên trong Kinh A Di Đà: "...
Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nơn, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nơn lâm mạng chung thời

A Di Đà Phật dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền, thị nơn chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ ..."

Đọc đoạn kinh trên, ta tưởng như lời khuyến dụ thiết tha mà chỉ những bậc cha mẹ yêu thương con vô cùng vô tận mới có đủ kiên nhẫn rí rả như vậy: "Các con ráng niệm bấy ngày đi! Không được hả? Vậy sâu ngày, hay năm ngày nhé! Cũng khó quá ư? Thôi thì ba ngày, hai ngày, có được không hả con? Cũng không nổi ư? Thôi, thế này vậy nhé, con cố niệm một ngày cũng được, một ngày chuyên tâm, vững tin và an lạc, ta cũng sẽ đến với con..."

Đó là tấm lòng trời biển của Chư Phật, Chư Bồ Tát đối với chúng sanh. Tùy theo hoàn cảnh và môi trường, có những vị chỉ cho, cho ngay, cho không, khi chúng sanh gặp cơn nguy khốn. Nhưng có những vị muốn vun bồi cho chúng sanh phần vốn liếng trí tuệ thì các Ngài phải chiêu dụ chúng sanh tu tập.

Bàn tay phải của Đức Phật A Di Đà là một "giải thưởng treo cao" cho các học sinh gắng học để đạt tới, dẫu đang ở cõi này hay đang lang thang ba đường sáu nẻo!

Một lần, trong Trai Đàn Chấn Tế Tam Thời Hệ Niệm, tôi đã cảm nhận bàn tay Từ Bi đó vẫy gọi những hương linh được thân nhân mời về cùng dự khóa tu. Âm thanh tán tụng của quý Thầy, Cô, quỳện vào tiếng trống, tiếng chuông, mõ, khánh, của ban pháp khí và lòng thành của toàn thể đồng đạo đại chúng đã chuyển tải luồng năng lượng cực kỳ đồng

mãnh, thể hiện rõ rệt câu kệ "Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn"; nên giữa thời kinh, trong đạo tràng đã vang lên những tiếng nức xúc động, những giọng lệ lạng lẽ tuôn rơi...

Và tôi nghe trong tôi, nghẹn ngào thắm gọi: "Ông bà ơi! Cha ơi! Mẹ ơi! Bàn tay phải của Đức Phật A Di Đà đang chờ ông bà, cha mẹ đó! Nếu còn bơ vơ sáu nẻo ba đường, xin hãy cố gắng đến gần! Hãy nắm lấy cho được, bàn tay Đức Phật để Ngài dẫn về Cực Lạc quốc độ! Ngài đang hiện diện nơi đây cho tất cả mọi oan hồn uổng tử, xin ông bà, cha mẹ hãy bước thật nhanh, tới gần Ngài đi, nắm lấy bàn tay đó đi! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật! A Di Đà Phật!"

Cứ thế, tôi khóc nức nở, không gì có thể kìm hãm khi tôi cảm nhận ông bà, cha mẹ đang phảng phất đâu đây. Và, trong mơ hồ cực kỳ mâu nhiệm, tôi tưởng như vừa chạm tới bàn tay phải của Đấng Từ Bi. Trong tôi đang có ông bà, cha mẹ; nên tôi nắm lấy Bàn-Tay-Cứu-Độ là nắm lấy cho ông bà cha mẹ. Trên bàn linh, nụ cười mẹ tôi rạng rỡ. Rồi cha tôi và ông bà tôi cũng cười nữa. Và đạo tràng lấp lánh như muôn ánh sao trong đêm rằm.

Nghịch cảnh thời thế đã búng tôi ra khỏi vòng tay Cha Mẹ. Nơi xứ người, tôi từng ngàn lần tạ lỗi Mẹ, tạ lỗi Cha, vì khi Cha Mẹ khuất núi, tôi đều không thể có mặt để tụng những thời kinh A Di Đà như khi xưa tôi thường vừa thỉnh chuông mõ, vừa dẫn kinh để Cha Mẹ tụng theo.

Niềm ân hận lớn lao đó theo tôi đủ bốn mùa, nên sau mỗi thời công phu chiều, tôi thường tĩnh tọa, lắng tâm, và thắm lặng kính cẩn đặt vào Bàn Tay Phải Của Đức Phật A Di Đà, chút công đức nhỏ nhoi, hồi hướng tới song thân đã khuất.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT

Huệ Trân
(Gotama Temple, Biển Dài)

The Story of the Brahmin who had been the 'Father of the Buddha'

Dhammapada, Verse 225

While residing at the Anjana wood, near Saketa, the Buddha uttered Verse (225) of this book, with reference to a brahmin, who claimed that the Buddha was his son.

Once, the Buddha accompanied by some Bhikkhus entered the town of Saketa for alms- food. The old brahmin, seeing the Buddha, went to him and said, "O son, why have you not allowed us to see you all this long time? Come with me and let your mother also see you." So saying, he invited the Buddha to his house. On reaching the house, the wife of the brahmin said the same things to the Buddha and introduced the Buddha as "Your big brother" to her children, and made them pay obeisance to him. From that day, the couple offered alms-food to the Buddha every day, and having heard the religious discourses, both the brahmin and his wife attained anagami Fruition in due course.

The Bhikkhus were puzzled, why the brahmin couple said the Buddha was their son; so they asked the Buddha. The Buddha then replied, "Bhikkhus, they called me son because I was a son or a nephew to each of them for one thousand five hundred existences in the past."

The Buddha continued to stay there, near the brahmin couple for three more months and during that time, both the brahmin and his wife attained Arahatsip, and then realized pari-Nibbana.

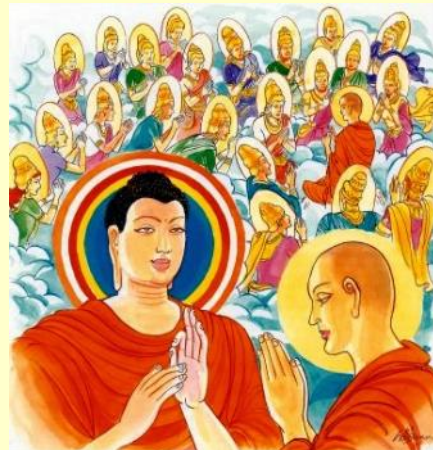
The Bhikkhus, not knowing that the brahmin couple had already become Arahats, asked the Buddha where they were reborn. To them the Buddha answered:

"Those who have become Arahats are not reborn any where; they have realized Nibbana."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 225: *The Arahats, who do not harm others and are always restrained in their actions, go to the deathless Nibbana, where there is no sorrow.*

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.





NGUYỄN THỊ MINH THỦY

MÙA VUI

*có phải em vừa say rượu thánh?
vì anh, đôi mắt tỏ nghìn câu
có phải tiên thiên đang chớp cánh?
tháng chạp huy hoàng rợp ánh sao*

*em nghe nhã nhạc vọng vang vang
vì anh mang lời ca nồng nàn
anh là lửa âm vui bếp sưởi
em đón mùa sang ngập rộn ràng!*

SÁNG TRĂNG

*vào đêm, hạnh phúc là trăng sáng
chảy mênh mang gợn gợn thịt da
trời say mây thiếp nằm mê dại
ngọn cỏ đầu cây đắm ánh ngà.*

NHÁNH LÁ XÔN XAO

*chẳng do mưa, chẳng vì thu
mỗi ngày lại một mối sầu vô duyên
giữa hè nhưng nhớ tháng giêng
vào đông hoài tưởng một miền biển xanh
về thôn, ngại, tiếc thị thành
đang êm đềm hội chạnh lòng xót quê*

*chưa xa, tim nhói biệt ly
chưa gần, thoáng sợ chán chê trụi trần
đêm trăng, ước thuở thanh bình
đêm sao, thềm uống lời tình tựa xưa*

*đã đành gió đánh cành đưa
vì chùng lá mỏng nên thừa xôn xao
gió muốn thu, gió xạc xào
lá, lia cây, vẫn liệng chao dậm đời.*

SÁNG BÌNH YÊN

*vườn sáng tĩnh trong như nắng sớm
con chim gì nhỉ hót thanh tao
chùm phong linh đung đưa nô giỡn
khẽ khàng ngân gửi gió câu chào*

*tháng năm dịu dịu mùi thiên lý
bước bên con, nhỏ nhẹ đến trường
ôi ước chi đời luôn như thế
hương yêu thương quện ngọt con đường!*

*nhà yên, con cái đi học hết
thắp nhang, rắc bột cho cá ăn
soạn tử lạnh, dọn đồ nấu bếp
ngon miệng người thân – vui giản đơn*

*hí hoáy viết dăm dòng gửi bạn
tặng tâm hình chung, Tết vừa qua
lời linh khát lân e ân hận
lỡ ngày mai đáp chuyến tàu xa*

*thư viết xong, lằng lằng, quên gửi
ý chuyển dân, thư hóa thành thơ
ừ nhỉ, sao không, bài thơ mới
cảm ơn đời – tặng vật không chờ*

*người đem ngọc cát trong chéo áo
cuộc đời cát ngọc tựa trò chơi
mài miệt truy cầu, càng hút dẫu
hạnh phúc là đây – dung dị thôi!*



THẮNG – BẠI TRONG ĐỜI

Lê Bích Sơn

Thưở nhỏ, tôi thường cùng chúng bạn đi xem những trận 'đá gà cá độ' do người lớn tổ chức. Những chú gà chọi được trang bị những cái móng sắt để có thể hạ gục đối phương bằng cách đấu đấm nhất. Người ta chia ra thành hai nhóm để cổ vũ cho hai chú gà chọi nhau, người ta vui sướng hò hét khi hai chú gà tung ra những đòn quyết tử cày xới da thịt nhau (dù rằng những chú gà không hề thù hận gì nhau)... Và cuối cùng, một trong hai chú gà thua trận, có khi tả tơi lông lá, có khi gục chết bên vũng máu của mình, đó cũng là lúc thiên hạ kết thúc một trận hạ hê...

Sử sách truyền rằng, sau khi chinh phạt Kalinga bằng cuộc chiến đẫm máu và hung tàn nhất trong thời gian trị vì của mình, khi khói lửa cuộc chiến chưa tan, tiếng gươm đao vừa dứt; Asoka cõi ngựa

đạo quanh một vòng chiến trường để tận mắt chứng kiến chiến công oanh liệt của mình, và trong mắt ông Kalinga bây giờ chỉ còn là những căn nhà cháy rụi, xác người vương vãi khắp nơi, cô nhi quả phụ khóc than đi tìm xác người thân vừa mất, chiến tướng binh mã gục đầu bên những xác chết, tử khí oan hồn bao quanh chiến địa, v.v... Asoka đau đớn thốt lên rằng "Ta đã làm gì thế này!", rồi thề vứt bỏ đao kiếm, sám hối những bạo tàn do chính mình gây ra. Asoka giã từ chinh chiến với nỗi thống khổ của người thắng trận trong phút giây bi hùng như vậy! Cũng kể từ đó, Asoka từ một bạo chúa (Chandashoka) dần chuyển hóa trở thành vị minh quân hộ pháp (Dharmashoka) trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ.

Dường như tôi và bạn đã đôi lần biến thành những chú



'gà chọi', hay trở thành những 'chiến binh' trong những cuộc chơi của kẻ khác? Khi đã lâm vào cái vòng lẩn quẩn hơn - thua, dù thắng hay bại, cả hai đều mang thương tích trên người hay đau đó trong tâm hồn. Kẻ thắng bị oán ghét - người thua ôm hận thù, đã là chuyện của muôn đời. Vậy tại sao chúng ta không tỉnh thức thoát khỏi thân phận những con 'gà chọi' đang mua vui cho kẻ khác? Tại sao chúng ta không dừng lại trước khi tiếp tục làm tổn thương cho nhau? Và tại sao chúng ta không tự làm một Asoka cho chính cuộc đời mình?

Mến tặng những người bạn của tôi câu Pháp cú 201 thay cho lời khuyên 'Hãy dừng lại!':

"Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau.
Sống tịch tịnh an lạc,
Bỏ thắng bại phía sau..."

(Jayam veram pasavati
dukkham seti parajito
upasanto sukham seti
hitva jayaparajayam.)

North Carolina, những
ngày cuối Thu 2016
LÊ BÍCH SƠN

269 BC: Rise of Emperor Ashoka – the greatest of Indian kings



Fights a nasty war with Kalinga. The colossal destruction moves him & becomes a pacifist. He spread Buddhism throughout Asia (including China and Sri Lanka).

Gave India its current emblem & the wheel in the flag.



NÉM SỎI XUỐNG GIẾNG

Phật và đệ tử một ngày
Thong dong tản bộ cạnh ngay cánh đồng
Chợt đâu thấy một đám đông
Quây quần làm lễ vô cùng nghiêm trang
Tiễn đưa một kẻ họ hàng
Mới vừa tạ thế trong làng tuần qua.
Bà con thương tiếc xót xa
Mời nhiều tu sĩ về nhà tụng kinh,
Ra đồng làm lễ linh đình
Mong người quá cố vãng sinh an lành.
Thân nhân cầu khẩn tâm thành
Mong cho siêu thoát vong linh người nhà
Tây phương cực lạc chóng qua,
Tiếng kinh cầu nguyện vang xa trên đồng.
Có người thắc mắc trong lòng
Cúi xin hỏi Phật, cầu mong tỏ tường:
"Thưa Thế Tôn, theo lệ thường
Đọc kinh khi có người thương qua đời
Để mong siêu độ cho người
Đưa phần hồn họ lên nơi Niết Bàn
Mong họ giải thoát dễ dàng
Chẳng hay tác dụng có mang lại gì?"

*

Phật cười, dáng điệu từ bi
Dắt đoàn đệ tử cùng đi bằng đồng
Tới ven bờ giếng nước trong
Ngài cầm hòn sỏi ném lòng giếng sâu
Sỏi kia chìm xuống thật mau
Ngài truyền đệ tử cùng nhau quây quần
Đứng quanh miệng giếng thật gần
Phật bèn hỏi: "Nếu thành tâm nguyện cầu
Kinh vãng sinh đọc dài lâu
Sỏi kia có nổi lên mau không nào?"
Cả đoàn đệ tử xôn xao
Ngạc nhiên tự hỏi chuyện sao lạ kỳ
Cùng thưa: "Kính đức Từ Bi
Trên đời đâu có kinh gì giúp ta

Dù tâm thành, dù thiết tha
Dạt dào chú nguyện, chan hòa lòng tin
Đem kinh kệ tụng liên miên
Chẳng làm cho sỏi nổi lên được nào!"

*

Nghiêm trang Phật dạy: "Đúng sao!
Ai khi sống chẳng hướng vào cõi trên
Nơi cực lạc, chốn bình yên
Nơi vùng thanh tịnh, nơi miền sạch trong
Thì khi chết thật khó lòng
Dùng lời kinh kệ mà mong giúp mình
Đưa về 'tịnh thổ' an bình,
Phải nên nhắc nhở chúng sinh xa gần
Kệ kinh chỉ giúp một phần
Chính mình phải giúp bản thân của mình
Khi còn sống phải tu hành
Trái tim hướng nẻo đất lành đừng quên,
Bản thân mình chớ nhận chìm
Xuống lòng nước thẳm, xuống miền giếng sâu
Gắng công tu tập đạo mẫu
Giữ tâm cho kỹ trước sau nhiệt tình
Mới mong có phước vãng sinh
Vào miền 'tịnh thổ' đất lành cực vui!"

(phỏng theo tập truyện văn xuôi
NHỮNG HẠT ĐẬU BIẾT NHẢY
của Lâm Thanh Huyền, Phạm Huệ dịch)



BẦU CỬ, HẬU BẦU CỬ TẠI MỸ VÀ THIỀN ĐỊNH VỀ TÂM TỬ BI

Sharon Salzberg | *La Sơn Phúc Cường* dịch



Sharon Salzberg (1952) là một trong những nữ thiền sư Phật giáo người Mỹ trứ danh. Bà tham học dưới sự hướng đạo của các bậc thầy như: Dipa Ma, Angarika Munindra, Sayadaw Upandita. Trong hơn 40 năm qua, bà đã sáng lập nhiều trung tâm thiền Phật giáo theo truyền

thống Theravada tại các nước phương Tây và hướng dẫn cho hàng ngàn môn sinh về thiền Minh sát, thiền tử bi tâm. Trong bài viết của mình, bà đã chia sẻ quan điểm của mình về bầu cử tại Mỹ và hành thiền sau bầu cử.

Bầu cử là một cách thể hiện cam kết của mình với bản thân, với cộng đồng và thế giới

Sau khi đăng tải quan điểm của mình "Bầu cử là một cách thể hiện cam kết của mình với bản thân, với cộng đồng và thế giới," tôi đã nhận được nhiều phản ứng khác nhau. Với tôi, đơn giản đó chỉ là một cách chia sẻ với mọi người sự quan tâm của mình tới bầu cử. Nhiều phản ứng làm tôi ngạc nhiên. Một số người đã lập luận phản đối những gì tôi viết, và cho rằng lựa chọn từ chối bầu cử mới là khôn ngoan và giúp ta không bị chi phối bởi những quan điểm của các đảng chính trị. Một số lại cho rằng chính trị là "bẩn" và sự nhấn mạnh của tôi về ý nghĩa của bầu cử đi ngược lại giáo lý về tâm tử bi và chính niệm.

Không thể phủ nhận, những căng thẳng rất cao độ trong suốt kỳ bầu cử này. Đã có nhiều sự tấn công qua lại giữa cá nhân các ứng cử viên, các đảng chính trị, phương tiện thông tin đại chúng và cả cử tri. Tôi không phủ nhận vẫn còn nhiều vấn đề bất cập và đáng thất vọng trong bầu cử ở Mỹ. Nhưng tôi muốn làm rõ lại ý định của mình khuyến

khích mọi người đi bầu cử.

Tôi tin tưởng rằng bầu cử là một quyền lợi mang lại lợi ích to lớn và sự tham gia của người dân có thể là một hình thức của sự thực hành chính niệm và tử bi tâm. Trên thực tế, bầu cử bắt nguồn từ một trong những tri kiến nền tảng về tình thương yêu, đó là: "tất cả mọi người chúng ta đều rất quan trọng, tất cả mọi người đều có giá trị và tất cả chúng ta đều xứng đáng có hạnh phúc, bình an và niềm hy vọng." Tất nhiên, có những sai sót khủng khiếp trong hệ thống, những mảnh khóc khủng khiếp trên sân khấu chính trị v.v... Nhưng việc lựa chọn đi bầu cử cũng không nhất thiết phải đi cùng với cảm giác chấp nhận hệ thống. Hãy suy nghĩ về thực tế là có rất ít địa điểm bỏ phiếu có sẵn trong các khu phố nghèo hay ở nơi sinh sống chủ yếu của người da màu. Rất nhiều hành động vô nhân đạo đã xảy ra thường xuyên hàng ngày tại những nơi chốn này. Chúng ta có thể chọn để đi bầu cử khi giữ trong tâm rằng những con người này đang bị bỏ rơi bởi các chính sách của hệ thống. Một trong những động cơ để ta đi bầu cử chính là mong nguyện góp phần giúp họ vượt qua đi những khổ đau này.

Dù cho đôi khi chúng ta có cảm thấy mình bị tách rời hay bị bỏ rơi bởi các chính sách xa vời nhưng trên thực tế thì không phải như vậy. Những người được bầu lên và các chính sách thiết lập nên vẫn hàng ngày tác động trực tiếp tới mọi người. Chúng ta có thể không cảm thấy tác động trực tiếp, nhưng nó thực sự hiện diện ở khắp mọi nơi. Tôi đã có thể học đại học vì nhận được học bổng tại bang New York. Năm vừa qua, một người bạn của tôi đã chia sẻ rằng, cuộc sống của cô đã được cứu bởi những thay đổi trong chính sách y tế cho phép công ty bảo hiểm bồi hoàn viện phí điều trị bệnh tâm thần cho con trai cô. Ngay mới hôm trước, tôi đã nhận được tin rằng người bạn của một học viên của tôi được công ty bảo hiểm chi trả phẫu thuật cho ông. Nó đã giúp ông cứu mạng mình.

Không cần phải tiến hành một phân tích sâu rộng để hiểu được rằng có rất nhiều người chịu ảnh hưởng bởi các chính sách và những người tạo xây dựng nên các chính sách này. Những ví dụ tôi đưa ra chỉ là vài trường

hợp trong hàng triệu người và chúng mang lại những thay đổi to lớn ở mức độ cá nhân, đối với tôi, với bạn tôi, con của bạn và với học viên của tôi.

Hệ thống này không hoàn hảo và sẽ không trở nên hoàn hảo sau một đêm. Nhưng nếu chúng ta nỗ lực suy nghĩ về những trường hợp cụ thể về những sinh viên đang mong muốn được tới trường, những cá nhân đang phải chịu tật bệnh cần chi trả viện phí, chúng ta có thể đi bầu cử nhân danh quyền lợi của những con người này.

Tôi hiểu sự thận trọng ở đây. Tôi cho là không có bất kỳ ai được quyền áp đặt những phán xét giá trị đạo đức lên quan điểm chính trị của người khác, đặc biệt trong mối quan hệ với tâm linh. Nhưng với bản thân mình, tôi tin tưởng rằng có sự kết nối sâu sắc giữa tâm linh và bầu cử.

Bầu cử thể hiện trách nhiệm của bản thân với tư cách là một công dân, một con người, với chính mình, với mọi người và thế giới. Tôi không nói chúng ta nên bầu cho ai trong kỳ bầu cử này hay bất kỳ cuộc bầu cử nào khác. Trong chia sẻ của mình, tôi không đứng trên quan điểm đảng phái nào mà chỉ có ý khuyến khích mọi người nên đi bầu cử. Lựa chọn đi, bầu cử chúng ta học cách nhìn nhận cuộc sống của mình có mối liên hệ, tương quan với mọi người xung quanh, nếu như ta cho phép mình nhìn nhận bầu cử theo cách đó. Nhiều người nói rằng, họ muốn và sẽ rời bỏ đất nước này. Điều đó có nghĩa là họ đang rời bỏ những con người đang rất cần sự hiện diện của họ tại đây.

Fritz Perls, nhà trị liệu tâm lý đã nói: "Buồn chán là biểu hiện của sự vô cảm." Và cho dù quý vị có bị phiền muộn với bầu cử hay đang tránh né nó bởi vì lo âu hay thất vọng thì hãy để tâm tới giải pháp. Chúng ta có thể để tâm tới các lợi ích của quyền lợi đi bầu cử. Chúng ta có thể để tâm tới các chính sách đang bị đe dọa. Chúng ta cũng có thể để tâm tới những nhóm người mà đời sống của họ bị ảnh hưởng nhiều nhất sau kết quả của bầu cử. Chúng ta có thể để tâm tới những gì ở phía trước mình mỗi thời điểm, thế giới mà ta đang sống và tất cả những người mà đời sống của họ đang có liên hệ mật thiết với mình.

Tất cả mọi người, không phân biệt địa vị, màu da, chủng tộc, thẳng lợi hay thất bại, đều mong cầu hạnh phúc đích thực

Sau khi kết quả bầu cử tại Mỹ được công bố, rất nhiều quan điểm cho rằng, một thời đại mới bắt định hơn sẽ tới không chỉ ở nước Mỹ mà rộng ra trên khắp thế giới. Nhiều người đã tới gặp tôi với nhiều tâm trạng, cảm xúc khác nhau, họ nói về các khó khăn, thách thức mà mình có thể phải đối mặt trong tương lai. Rất nhiều người bày tỏ sự thất vọng vô cùng với gia đình, bạn bè, người thân. Có rất nhiều quan điểm và cảm xúc khác nhau sau

bầu cử. Tôi nghĩ ở phương diện sâu xa hơn, điều này cho thấy tất cả mọi người trong tâm mình đều mong muốn làm sao để có được hạnh phúc, sự bình an thật sự cho bản thân và cộng đồng. Điều tất cả chúng ta cần làm là phải tìm ra và đánh thức được nguồn hạnh phúc đó vì lợi ích của mọi người và cộng đồng. Dù cho quý vị có đang buồn khổ hay đang vui mừng về kết quả bầu cử thì có một thứ rất rõ ràng là chúng ta cần phải cùng nhau chung tay để chữa lành những nỗi khổ đau và tiến lên phía trước. Thiên định về tâm tử bi đơn giản chỉ là giúp nhắc nhở chúng ta rằng tất cả đều là con người. Chúng ta thuộc về một cộng đồng nhân loại nói chung. Mỗi người chúng ta là một phần của cộng đồng, có liên hệ tương tác và phụ thuộc lẫn nhau. Chúng ta càng xa lánh và tách rời mọi người, tách rời cộng đồng chúng ta sẽ càng khổ đau và bất hạnh. Nếu mỗi người thất vọng, mệt mỏi thì môi trường xung quanh và thế giới sẽ không có bình an, và ngược lại.

Khi cảm thấy thất vọng, mệt mỏi về kết quả của bầu cử, hãy hướng tâm tới những mục đích và mong nguyện chung của tất cả mọi người. Chúng ta có mặt ở trên đời này để tìm sự bình an, hạnh phúc cho mình, cho mọi người và rộng ra khắp thế giới. Đó là nguyên lý căn bản của đời sống và xã hội loài người. Tất cả mọi người đều mong cầu hạnh phúc, không ai muốn khổ đau và sầu muộn. Niềm hạnh phúc mà con người hướng tới không phải chỉ là sự vui mừng hay thỏa mãn thoáng chốc, mà một cảm giác sâu xa hơn, một cảm giác mình thuộc về thế giới này, một sự gần gũi, sẻ chia và không có sự tách rời với tất cả mọi người ở mọi nơi chốn trên thế giới. Chúng ta cũng chia sẻ một điểm chung khác với tất cả mọi người. Đó là sự mong manh và bất định của thế giới này. Mọi thứ trong thế giới, trong xã hội đều thay đổi nhanh chóng, bất định và khôn lường. Tất cả mọi người thuộc mọi tầng lớp, màu da, sắc tộc, địa vị xã hội, người thẳng cuộc, kẻ thất bại đều phải trải qua sự bất định và mong manh. Và nếu muốn có hạnh phúc và niềm an lạc đích thực, tất cả mọi người đều phải học cách vượt qua sự chi phối của nỗi khổ đau này.

Bằng cách học hỏi và nhận ra những khổ đau chung của con người, những mong nguyện chung của con người, chúng ta sẽ dần ít bị chi phối bởi ngoại cảnh, ít bị chi phối bởi những định kiến hơn thua và khác biệt, chúng ta sẽ dần thấy được mối liên hệ giữa mình và người, chúng ta sẽ nhận ra được mình nơi mỗi người. Sẽ không có sự xa cách giữa người với người. Giữ được tri kiến như vậy, dần chúng ta sẽ rộng mở hơn, có cái nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về bản chất của chính mình, của mọi người và thực tại. Nhiều người ngay lúc này đây cảm thấy thất vọng, buồn khổ và xa lánh mọi người, cộng đồng chỉ bởi vì họ chưa

từng biết để tâm tới những mong cầu của người khác, họ sợ hãi, lo lắng, và bất an chỉ bởi chưa từng “chạm” tới cảm xúc, mong nguyện của người khác. Họ cũng chưa thấu được những nỗi khổ đau chung mà tất cả mọi người đang phải trải qua.

Thiền từ bi tâm

Thiền định về từ bi tâm là cách thức mạnh mẽ nhất giúp chúng ta quay trở lại với thực tại, giúp chúng ta sống và hành động với trọn vẹn tâm nguyện lợi ích cho bản thân, lợi ích cộng đồng và toàn thể thế giới. Hãy ngồi thẳng lưng, mắt khép hờ và hơi nhìn xuống sống mũi. Hãy tập trung vào cảm giác về sự hiện diện của bản thân mình trên thế giới ngay tại đây, ngay tại lúc này. Rồi hãy để tâm tới từng chuyển động của cơ thể và phát khởi cảm giác trân quý sự hiện diện của mình bằng những lời như: “Mong nguyện bản thân luôn được an toàn, được bình an và hạnh phúc.” Hãy lặp lại những câu này nhiều lần với cảm giác yêu thương, sẻ chia và trân trọng bản thân. Hãy tập trung sự chú ý vào sự hiện diện của bản thân và những âm thanh, giai điệu của những lời nói này. Không cần phải cố ép buộc có được những kết quả như mong đợi, cảm giác phải chân thật. Sức mạnh pháp thiền định này chính là sự hiện diện hoàn toàn sau mỗi lời nói. Nếu tâm bị vọng tưởng bởi những mong cầu trong quá khứ hay hiện tại, thì cũng không sao, thậm chí hơi buồn ngủ một chút cũng không sao, bạn hãy đọc lại những lời mong nguyện đó và tập chú tâm vào sự hiện diện của bản thân mình trong hiện tại.

Hãy hướng tâm tới những người mà bạn từng biết, những người từng trực tiếp chăm sóc, giúp đỡ bạn hay gián tiếp khích lệ, trợ giúp bạn trong cuộc đời. Nếu như họ xuất hiện trong tâm, hãy quán tưởng họ thực sự đang hiện diện bên cạnh. Lặng lẽ đọc tên họ, và ban tặng cho họ những lời mong nguyện an lành, hạnh phúc và bình an như trên. Dù cho họ là ai, là người đang mừng vui hay thất vọng vì kết quả bầu cử thì trong bản chất sâu xa của mình, họ đều đang mong cầu có được hạnh phúc và bình an chân thật. Hạnh phúc, khổ đau, thắng lợi hay thất bại, tất cả chỉ là những hiện tượng giả tạm bên ngoài và rồi cũng sẽ nhanh chóng qua đi. Đó là bản chất của đời sống này. Bởi vậy, hãy chân



thành gửi sự sẻ chia, những mong nguyện hạnh phúc bền lâu tới họ.

Nếu có những người đang khổ đau về kết quả bầu cử, họ có thể đang cảm thấy bất an, bị bỏ rơi và lo lắng về tương lai sắp tới. Hãy quán tưởng họ đang hiện diện cùng bạn. Hãy ban tặng họ những lời mong nguyện cho họ bình an, hạnh phúc và tin tưởng rằng họ sẽ có được bình an, hạnh phúc. Nếu có những người đang phẫn khích về kết quả bầu cử như ý. Bạn cũng hãy quán tưởng họ đang hiện diện trước mặt, hãy ban tặng họ

những lời mong nguyện họ được bình an, hạnh phúc. Khổ đau hay hạnh phúc, thất vọng hay vui mừng, nếu không xuất phát từ nội tâm mà chỉ phụ thuộc vào các điều kiện hoàn cảnh bên ngoài thì chúng rất giả tạm, mong manh. Và tất cả mọi người đang hiện diện trong sự thiền quán của bạn đều đang phải trải qua một sự mong manh, giả tạm đó. Bởi vậy hãy chân thành gửi sự sẻ chia, những mong nguyện hạnh phúc bền lâu tới họ.

Thiền về tâm từ bi giúp kẻ thắng cuộc không ngã mạn, người thất bại không tuyệt vọng. Thiền định về tâm từ bi sẽ giúp tâm mỗi người rộng mở hơn, thấy được sự tương quan, phụ thuộc lẫn nhau giữa mình và người, thấy được điểm chung, sự đồng nhất trong mục đích sống, khát vọng sống của con người. Cuối cùng, hãy để tâm mình mở rộng khắp toàn thể thế giới, vũ trụ, mong nguyện hết thảy chúng sinh, bao gồm mọi người, mọi tầng lớp, mọi loài vật trên thế gian này đều có được hạnh phúc và bình an. Hãy tỉnh thức và chú tâm để quan sát xem nguồn năng lượng từ bi này hiển thị và lưu chuyển ra sao trong dòng tâm mình. Nếu cảm thấy bất an, lo lắng hay phẫn khích quá độ, bạn có thể quay lại thực hành thiền từ bi tâm và dần bạn sẽ ít bị chi phối bởi những điều kiện ngoại cảnh hơn, sẽ trải nghiệm được nguồn năng lượng yêu thương bất tận tuôn chảy trong tâm. Nguồn năng lượng đó trở thành động lực, ngọn đuốc soi đường cho mọi suy nghĩ, hành động của bản thân, giúp gắn kết giữa mình và mọi người, xua tan đi những khổ đau và đem lại niềm an lạc cho mình và mọi người.

La Sơn Phúc Cường

(Tổng hợp từ: [Sharon Salzberg.com](http://SharonSalzberg.com))

TÔI ĐI TÌM LẠI CHÍNH TÔI

Tôi đi tìm lại chính tôi
Đánh rơi mầm sống trên đời đa đoan
Tôi đi xới hạt đất hoang
Đã cần khô giữa tâm can nấu nhàu
Tôi đi hứng giọt nhiệm mầu
Tươi mầm sân hận thôi cào xé tim
Tôi đi giữa tĩnh mịch đêm
Nghe lòng lắng đọng nỗi niềm thụy miên
Tôi đi cội bỏ oan khiên
Xích xiềng tâm suốt truân chuyên tháng ngày
Tôi đi từng bước khoan thai
Trút tương tư gánh, nhẹ vai tình trần
Tôi đi về phía chuông ngân
Nghe hồn âm vọng khúc Chân Như đầy.

THIÊN

Gieo tứ đề thơ gửi ý thiên
Để tâm thôi vọng những cuồng điên
Đuổi hình, mộng kiếm bao trần tục
Bắt bóng, mơ tìm những cánh tiên
Ngày tháng đắm chìm trong bể ái
Phút giây trôi nổi tại bờ duyên
Một lần phôi sạch hồn thanh thản
Là lúc tâm về hạnh mãn viên.

GIỮA THIÊN NHIÊN

Ngã lưng trên cỏ mềm
Ngẩn lòng nghe gió hát
Ngậm tan giọt sương đêm
Ươm triển môi thơm ngát

Lừng lơ vàng trắng bạc
Soi bóng hạc ngang trời
Chú dê mèn đi lạc
Thanh thản bước rong chơi

Chiếc lá mềm buông lơ
Ru hồn đêm huyền hoặc
Long lanh mắt sao cười
Xóa tan phiền muộn mắt

Giữa bao la trời đất
Thấy vô vi cõi mình
Giữa phút này rất thật
Tan biến giòng u minh.



LỤC BÁT KHÔNG ĐỀ

I.
Thông tay buông những lụy phiền
Chậm sâu hơi thở trên triền trầm luân
Lắng lòng trong giọt tham sân
Là khi thiên vị đã gần nơi tâm

II.
Thấy trong tiền kiếp xa xăm
Là bao ngày tháng u trầm sắc không
Tử sinh ngưng lặn giữa giòng
Sắc - không - vẫn - cứ - sắc - không -
nổi - liền

III.
Từ nơi trùng khởi nhân duyên
Bước đi đi mãi về miền Chân Như
Thấy đời là cõi huyễn hư
Thấy Chân Như vẫn Chân Như đó mà

IV.
Vô minh rút lại Ta Bà
Soi trong tự tánh thấy ta lại về
Thoát ra từ vực u mê
Vô thường được mắt có hề chi đâu.

thơ **DIÊU LINH**

MỘT CÂU CHUYỆN VỀ NGHIỆP

Chân Hiền Tâm

Vào thời đức Phật, một ngoại đạo đến hỏi Tỳ kheo Samid (tu được ba năm) rằng:

- Khi một người tạo ra thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp, thì họ sẽ nhận được cảm thọ gì? (Muốn nói đến cái quả mà người đó nhận được sau hành vi hay suy nghĩ ấy).

Tôn giả Samid trả lời:

- Này hiền giả, khi một người tạo ra thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp thì họ sẽ nhận được cảm thọ khổ đau.

Ngoại đạo Pota nghe xong đứng dậy ra đi. Không tán thán cũng không phản đối.

Sau khi ngoại đạo Pota đi rồi, tôn giả Samid đến chỗ Tôn giả Anan trình bày lại cuộc đối thoại giữa mình với Pota. Tôn giả Anan nói:

- Này hiền giả. Đây là đề tài cần phải trình lại với đức Thế Tôn. Hãy đến chỗ đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn chỉ dạy thế nào, chúng ta sẽ y đó mà thọ trì.

Sau khi nghe trình bày câu chuyện, đức Thế Tôn nói với tôn giả Anan:

- Câu hỏi đáng lý phải được phân tích rõ ràng cho du sĩ ngoại đạo Pota thì lại được trả lời một cách phiến diện. Này Anan! Ta biết nếu Samid mở miệng đề cập đến vấn đề gì thì đều đề cập một cách không như lý. Này Anan! Câu hỏi của Pota thật sự khởi thủy từ ba cảm thọ. Câu trả lời ấy đáng ra phải được trả lời như vậy: "Này hiền giả Pota, nếu ai tạo khẩu nghiệp, thân nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ nhận được lạc thọ. Nếu ai tạo khẩu nghiệp, thân nghiệp và ý nghiệp có khả năng đưa đến cảm thọ không lạc không khổ, người ấy sẽ nhận được cảm thọ không lạc không khổ". Nếu trả lời như thế là Samid đã trả lời một cách chân chánh cho du sĩ ngoại đạo Pota. Những du sĩ ngoại đạo yếu kém sẽ hiểu rộng về nghiệp nhờ sự lý giải phân tích của Như Lai.

Tôn giả Anan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời. Xin Thế Tôn phân biệt rộng về nghiệp. Sau khi nghe Thế Tôn phân tích, chư Tỳ kheo sẽ thọ trì...

Đức Thế Tôn trả lời:

- Hãy lắng nghe và khéo tác ý, ta sẽ nói.

Tôn giả Anan thưa:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn.

Đức Thế Tôn bắt đầu nói:

- Này Anan có 4 loại người sau tồn tại ở thế gian. (Nghĩa là có 4 trường hợp như thế xảy ra ở thế gian này, là thực tế mà đức Thế Tôn nhìn thấy)

1/ Có người sát sinh, lấy của không cho v.v... sau khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi dữ.

2/ Có người sát sinh, lấy của không cho v.v... sau khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi lạnh.

3/ Có người từ bỏ sát sinh, từ bỏ lấy của không cho v.v... sau khi thân hoại mạng chung, sinh

vào cõi lạnh.

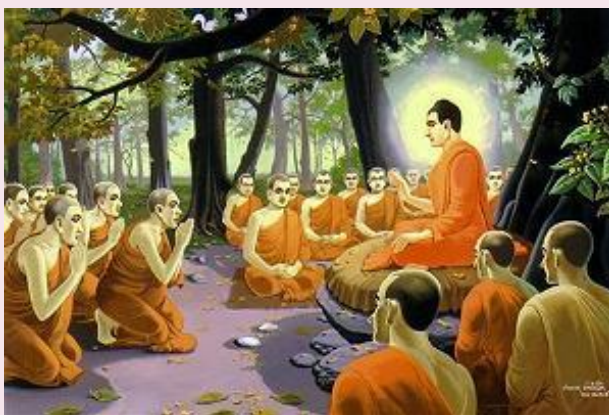
4/ Có người từ bỏ sát sinh, lấy của không cho v.v... sau khi thân hoại mạng chung sinh vào cõi dữ.

Này Anan! Có những Sa-môn, Bà-la-môn, tùy vào mức độ nhập định của mình mà thấy được một trong 4 cảnh giới đó, rồi tưởng đó là chân lý của cuộc sống. [1]

- Người thấy được cảnh giới thứ nhất cho rằng thật sự có việc "Sát sinh, trộm cắp v.v... đưa đến cõi dữ". Và nghĩ đó là chân lý. Những ai nghĩ như vậy, họ cho là người trí. Những ai không nghĩ như vậy họ cho là tà trí. Họ nắm chặt quan điểm đó và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực. Ngoài ra đều là hư vọng".

- Người thấy cảnh giới thứ hai cho rằng thật sự có việc "Sát sinh, trộm cắp v.v... đưa đến cõi lạnh". Và nghĩ đó là chân lý. Những ai nghĩ như vậy, họ cho là có trí. Những ai không nghĩ như vậy họ cho là tà trí. Họ nắm chặt quan điểm đó và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực. Ngoài ra đều là hư vọng".

- Người thấy cảnh giới thứ ba cho rằng thật sự có việc "Từ bỏ sát sinh, trộm cắp v.v... đưa



đến cõi lành". Và nghĩ đó là chân lý. Những ai nghĩ như vậy, họ cho là có trí. Những ai không nghĩ như vậy họ cho là tà trí. Họ nắm chặt quan điểm đó và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực. Ngoài ra đều là hư vọng".

- Người thấy cảnh giới thứ tư cho rằng thật sự có việc "Từ bỏ sát sinh, trộm cắp v.v... đưa đến cõi dữ". Và nghĩ đó là chân lý. Những ai nghĩ như vậy, họ cho là có trí. Những ai không nghĩ như vậy họ cho là tà trí. Họ nắm chặt quan điểm đó và tuyên bố: "Chỉ như vậy mới chân thực. Ngoài ra đều là hư vọng".

Này Anan, nếu một ai đó nói như vậy: "Chắc chắn có ác nghiệp và có quả báo của ác nghiệp", hoặc nói "Chắc chắn có thiện nghiệp và có quả báo thiện nghiệp", hoặc nói "Tôi đã thấy ở đây có người sát sinh, lấy của không cho v.v... sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy họ đọa vào cõi dữ" v.v... Ta chấp nhận việc đó. Nhưng nếu người ấy nói: "Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác nghiệp", hoặc nói "Chắc chắn tất cả những ai sát sinh, trộm cắp v.v... khi thân hoại mạng chung đều đọa vào đường dữ" v.v... thì ta không chấp nhận.

Nói chung, Đức Thế Tôn không chấp nhận những quan điểm về nghiệp rơi vào khẳng định mang tính phổ quát (cố định). Đức Thế Tôn chỉ chấp nhận cái thấy tùy duyên. Tùy duyên mà có khi sát sinh, trộm cắp v.v... đưa đến cõi dữ, có khi đưa đến cõi lành. Từ bỏ sát sinh, trộm cắp v.v... có khi đưa đến cõi lành mà cũng có khi đưa đến cõi dữ.

Vì sao?

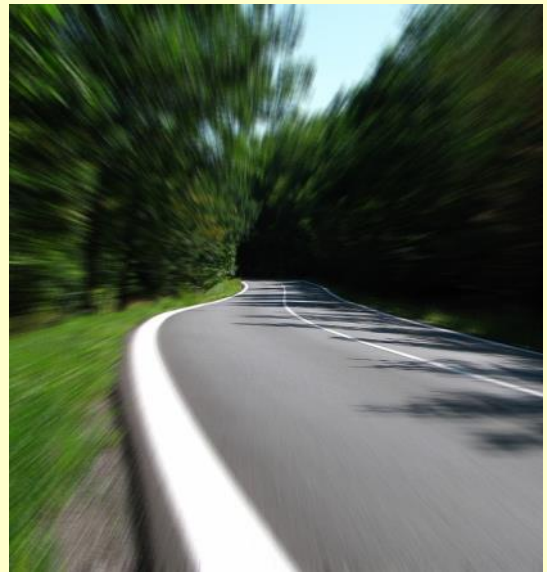
Đức Thế Tôn giải thích, là do khi mệnh chung, tâm vị ấy thọ lạc hay thọ khổ, khởi tâm tà kiến hay chánh kiến. Tức việc hành giả, sau khi mệnh chung đi vào đường lành hay đường dữ, lệ thuộc rất lớn vào cái tâm ngay khi lâm chung. Nếu khi ấy tâm an lạc hay khởi chánh kiến thì vào đường lành. Nếu tâm khổ não hay khởi tà kiến thì vào đường dữ...

(Xuất xứ: Kinh Đại nghiệp phân biệt – Kinh Trung Bộ tập III)

Ghi chú: Đây nêu bày những điều kiện nào khiến chúng ta thác sinh vào cõi lành hay cõi dữ. Chính là lúc mạng chung tâm chúng ta thế nào. Nếu khi mạng chung mà an vui và có chánh kiến thì sinh vào cõi lành. Nếu tâm sầu não và không có chánh kiến thì sinh vào cõi dữ.

Muốn tâm an vui và có chánh kiến thì bình thường, ngoài việc làm phước chúng ta cần có thời gian học hỏi tu tập để có trí tuệ nhìn thấu lẽ vô thường và định tĩnh trước những cảnh bất như ý.

Nếu chỉ làm phước mà chấp vào cái phước ấy thì khi mạng chung, chưa chắc đã được an vui để ra đi. Làm phước mà lại hưởng phước ấy từ những nghiệp bất thiện như nghề đồ tể, tham những v.v... thì khi mạng chung không



SANH SỰ SỰ SANH

*Lúc sanh sự thì sự sanh liền đến
Thế rồi nhân rồi ngã cứ bám theo
Lôi kéo mình vào tranh cãi ì xèo
Mất tất cả an bình trong tâm khảm.*

*Nếu như rõ tình thương là vô hạn
Hơn thua gì mà cứ phải ngã nhân
Cứ xem người là Đức Phật hiện thân
Dù nhắm mắt chẳng có gì hối tiếc.*

*Đừng cho mình là người luôn hiểu biết
Chẳng thám gì với núi thăm rừng sâu
Có gì đâu mà chuốc lấy khổ sầu
Sống thanh thản quên đi đường thẳng bại.*

thơ TÁNH THIÊN

13-11-2016

tránh được oan gia tới đòi mạng.

Vì thế tu mà phải biết cách tu nữa thì mới giúp mình có con đường xán lạn trước mắt.

[1] Phần câu trả lời này đã tóm tắt lấy ý chính để dễ theo dõi. Trong kinh, liệt kê từng trường hợp rõ ràng theo lối thường gặp trong các bộ kinh thuộc hệ A hàm.

TRÀ THIỀN NHẤT VỊ

Phước Nguyên

Thiền sư Sen Sōtan (千宗旦, Thiên tông đán) (1578–1658) sống ở giữa thế kỉ 16 tại Nhật, đã có một câu nói rất nổi tiếng "Chazen ichimi": Trà và thiền đều giống nhau, mà các vị Sư Trung quốc cũng có câu nói tương tự thường treo ở các "Trà đường" trong các chùa là: "茶禅一味": "Vị của trà và thiền là một" hay cũng có khi nói là: "Trà Thiền Nhất Thể" (茶禅一体), hay "Trà Phật Nhất Vị" (茶佛一味)... Những câu nói này dần dần được lưu truyền trong dân gian, dung hợp văn hóa Trà và Thiền càng ngày càng gần gũi nhau hơn...

Trong sách *Bích Nham Lục* của Thiền Tông Trung quốc có ghi câu "Trà Thiền nhất vị" được cho là câu nói nổi tiếng về Trà của thiền sư Viên Ngộ đời Tống viết chứng minh cho sự khai ngộ về Trà của Thiền tông. "Trà Thiền nhất vị" cũng được Vinh Tây, một vị học trò của Thiền sư Viên Ngộ viết, lưu truyền đến Nhật Bản, hiện nay đang được tàng trữ tại Chùa Đại Đức, Nại Lương, Nhật Bản.

"Trà Thiền nhất vị" lần kết tinh thứ hai của Trà trong Phật Giáo Thiền Tông, đối với "Trà Phật nhất vị", "trà thiền nhất thể" là một biến cố vĩ đại, nó thể hiện sự hội nhập về tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật của Phật Giáo Thiền Tông với văn hóa Đông Phương.

Còn Lần kết tinh đầu tiên giữa Trà và Phật giáo Thiền Tông có lẽ được ghi nhận qua giai thoại: "Khiết Trà Khứ" (Uống trà đi), công án thiền nổi tiếng của Ngài Triệu Châu chép ở trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục 10:

"Triệu Châu hỏi một học Tăng mới đến:

"Đã từng đến nơi này chưa?"

Vị Tăng đáp:

"Đã từng đến."

Ngài Triệu Châu nói:

"Uống trà đi".

Ngài lại hỏi vị Tăng, vị Tăng đáp:

"Chưa từng đến".

Ngài lại nói: "Uống trà đi."

Về sau này, những Thiền sư dùng trà để khởi buồn ngủ và để trí óc được sáng suốt; đó cũng là lý do mà người Nhật vẫn thường nói «Cha-zen ichimi.» Ở Nhật bản các vị Thiền sư đã làm nghệ thuật uống trà trở thành Trà Đạo, mang một màu sắc riêng của nó.



XA MONG

người trong cõi lạ về đây
chia cùng tôi những tháng ngày mông lung
người từ vạn dặm trùng dương
nụ cười xa với thanh âm mỗi mồn
mười năm vó ngựa bon bon
én xưa chiếc cánh vẫn còn như bay.

SỬ LẬT QUA TRANG

bước lên phố dựng
ngó xuống đường nghiêng
lá cờ rũ đứng
che đây nỗi niềm
bước qua thừa ruộng
lúa trầu hạt chờ
gió mùa hợp tác
lá rũ cành khô
bước vào nhà vắng
bàn thờ hương bay
nhện giăng bóng nắng
tâm sự cùng ai?
bước ra đời sống
người xếp một hàng
hai tay lỏng công
lật sử qua trang.

TUÔN

tôi ngồi phà khói cô đơn
nỗi buồn thao thức đổ dồn lên môi
tôi ngồi bủa khói lưng trời
hương bay đồng vọng nụ cười tan hoang
tôi ngồi nuốt khói trên ngàn
sầu tuôn chảy giọt con đàn tịch liêu
tôi ngồi quanh quẽ đôi chiều
mịt mù khói lấp ít nhiều hôn mê
tôi ngồi thâm nhập cà phê
rót đen hào hứng ngổ về thi ca
tôi ngồi bốc khói la đà
xuân thu mấy độ quê nhà ở đây
tôi ngồi chiêm nghiệm hai tay
hỏi rằng ngũ uẩn có hay tuôn về?
tôi ngồi vọc giỡn con mê
ô hay, tứ đại máu me vẫn còn.

GIỮA MÙA TRĂNG

Một vầng sáng giữa trời. Hoa đóm trên không
chăng? Hay biểu tượng trầm mặc của người
thơ?

Là trăng.

Trăng ư?

Thiên cô lại có trăng là Mẹ

Mẹ của nhân gian trong cơn đại mộng li bì. Của
muôn vạn con trăng nháy múa giữa mắt người
hôn trầm vạn tượng.

Mặt gương tròn lớn.

Cùng hư không giỡn cuộc tu du

Tu du phản chiếu. Bóng nước nhấp nhô.

Xây thấy cá sum la vạn tượng đều như vạn
huyền không hoa lãng xăng với cõi hư không
đáy nước trắng lông.

Hiện tiền như giữa mùa thu

Rong ruổi với vọng duyên, nổi trôi cùng giả
hợp, thoát trông thấy hiện tiền tròn đầy như thái
hư chứa đủ vạn pháp, tâm địa trần lao rơi mát
trong nụ cười giữa mùa Trăng Mẹ, và đâu nữa?

Đâu nữa nghiệp chướng oan khiến nhọc nhằn
trối buộc? Mê đó hay tỉnh đó, sắc không đều
chẳng khác.

Mười phương cát bụi sa mù vén lên

trần thức tiêu tan khi sắc không sơn hà đại địa
cùng tiêu tan trong khoảnh khắc hồi quang hội
nhập.

Cõi trăng vàng ôm những cõi trăng vàng.

Tâm sáng tỏ cánh chìm trí bật

Lòng bình nhiên thanh sắc mơ hồ

Mây bọt trong biển cả. Tia chớp ngang trời.

Trăm năm giấc mộng. Mệt mỏi đến thế sao?

Điên đảo là vậy ư?

Mùa trăng còn đó, người hãy tự còn.

Hãy là trăng vậy. Tự soi chiếu lấy bản lai thanh
tịnh. Trong trăng như có nụ cười.

Đất trời xa cách đường tơ

Nhưng hãy còn xa muôn trùng chẳng? Kiếp
người há dễ buông bỏ được? Xin cùng trần duy-
ên trôi qua cho hết cuộc phù sinh và nhìn trăng
mà qua lại giữa mùa thị phi mê tỉnh.

Ôi mùa trăng rụng, ôi mùa trăng soi.

thơ PHÙ DU

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

ĐẬU HŨ KHO THẬP CẨM

Cách làm:

1- Cho dầu vào chảo, dầu nóng cho boia rô vào phi cho thơm

2 - Cho cà rốt, su hào vào đảo đều vài phút, xong cho nấm, khổ qua và đậu đũa vào luôn, nêm tiêu, muối, bột nêm chay, nước tương, đảo đều.

3- Cho 1 lon coco rico vào, đậy nắp nồi, kho riu riu khoảng 10 phút cho rau củ thấm gia vị.

4- Sau khi rau củ mềm và đậm đà vừa ăn rồi cho đậu hũ, chả chay vào kho tiếp để đậu hũ, chả rút gia vị, khi mình ăn rau củ cũng ngon mà đậu hũ cũng thấm.

5- Cho vài trái ớt vào luôn. Kho riu riu 15 - 20 phút nữa, nêm miếng xem vừa ăn chưa rồi nêm nếm cho hợp khẩu vị gia đình mình. (Kho chay này nên kho vừa ăn, không nên kho mặn quá mất ngon và rau củ thấm vừa mềm thôi, không nhừ mới ngon.)

6- Tắt bếp múc ra đĩa rắc tiêu, ăn với cơm nóng và chén nước tương cắt vài lát ớt.

Chúc các bạn làm được nhiều món chay ngon.

KIM

(*Ấm Thực Chay*)



Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.

thơ DU TÂM LÃNG TỬ

THƯƠNG TRẺ BỤI ĐỜI Ở QUÊ NHÀ

Đời chật chội hẹp hòi không dung nổi
Trẻ mồ côi lầy lắt sống thiếu tình thương.
Ngày vất vưởng ở đầu đường xó chợ
Và đêm về trong lạnh lẽo bơ vơ
Đời hẩm hiu đầy đọa những em thơ
Tôi muốn hỏi vì đâu mà nên nỗi?
Đã không biết bao lần tim đau nhói
Thương làm sao, chẳng biết nói làm sao.
Đất thâm sâu, trời thì ở trên cao
Ta hỏi người, người chẳng hề lay động!
Tháng năm dài mãi miết sống bon chen
Sống vị kỷ, tâm địa thật nhỏ nhen.
Nhưng em ơi đời chưa từng tuyệt vọng
Đây đó còn nhiều những tâm lòng son,
Bảo trợ, cứu mang... tìm nhân hậu chứa chan
Xin đa tạ trái tim vàng nhân ái
Này em ơi niềm tin vẫn mãi còn.

MỘNG TÀN CANH

Đêm du tử giữa trời sao xán lạn
Hồn rong rêu lãng đãng tự bao giờ
Đèn vũ trụ như mơ trong mắt khách
Hồn mang mang lạc mãi cõi hoang đàng
Đêm dập dềnh theo sóng nhạc cuồng quay
Nồng nàn hơi và ấm áp vòng tay
Khí huyết rần rần những phút mê say
Tù ngục phá tan lũy thành bốc cháy
Sống ngọt ngào giữa cuộc đời chật chội
Tháng ngày qua mòn mỏi cõi trăm năm
Giữa ngàn hà ta nằm một tàn canh
Thân du tử bất cần e gió bụi
Hồn lênh đênh quên cả lối đi về.

CÔNG PHU

Bước chân trong cõi vô thường
Sa bà đồng vọng nửa đường từ sanh
Sát Na lạc trú anh lành
Điều hơi thở nhẹ thắp thành công phu

TẠ TIẾNG ĐỜI

Ngày tháng loanh quanh chuyện bạc tiền
Buộc ràng tù túng với tình duyên
Thấp cao địa vị cùng danh phận
Một kiếp nhân sinh lắm trực phiền

Trăm năm dài ngắn giữa làn hơi
Sa-Bà rong ruổi một cuộc chơi
Sao không buông xuống mình vô sự
Rồi có hôm nao tạ tiếng đời

Từ trong chốn rộn trở về đây
Hành anh nhi hạnh trẻ thơ ngây
Bước chân an lạc theo lời Phật
Đường trần sao đẹp thật đường mây

Ơn thầy con đã hiểu từ đây
Hiện tiền lạc trú lạ lùng thay
Thân tâm hoà hợp từng hơi thở
Chẳng luống đời ta giữa tháng ngày.

LỤC BÁT HAI CÂU

Vườn xuân nở đóa hoa vàng
Một trăm con bướm mừng sang rộn

Dẫu trong cuộc lữ vô thường
Áo cơm nặng nợ phải đường lo toan

Ngoại quan tuyệt phát sơ đầu
Thần hôn em hỡi nguyên màu ban sơ

Trăm năm một cuộc tình cờ
Phong lưu rất mực chưa hề hư hao



Từ nô bộc thành quốc sư

ĐỒNG THIÊN

Đã ba năm bỏ triều cống, vua Chiêm lại còn cho quân quấy nhiễu phen dầu phương Nam. Thánh Tông bèn thân chinh cầm quân thảo phạt, việc triều chính ỷ cho Nguyên Phi. Đã ba tháng ròng rã mà không hạ được thành, vua buồn bực trong lòng lắm, đứng ngồi không yên có ý muốn lui binh. Chế Củ biết quân Đại Việt nản lòng nên càng giữ thể thủ không ra đánh nhau, chiêu dụ quân binh:

"Chúng ta có thành lũy vững vàng, quân Nam đã suy kiệt rồi, cứ giữ vững thế này thì chúng phải rút lui thôi. Kê nào tự tiện xuất quân sẽ dùng quân lệnh nghiêm trị!"

Thánh Tông không biết làm sao đành hạ lệnh lui binh. Khi quân kéo về đến châu Cư Liên thì gặp sứ giả mang tấu chương từ Thăng Long đến. Vua bèn mở ra xem thì thấy tâu rằng:

"... Nguyên Phi hết lòng phò vua, giữ an nội chính tử trung cung cho đến ngoài triều, võ an đảng nghịch, huấn tập cung nhân... đều rất thuận thảo, trên dưới một lòng quy phục... Nguyên Phi ngày đêm cầu Phật-Bồ Tát gia hộ hoàng thượng chính phục Chiêm Thành xong dựng khai hoàn..."

Đọc xong tấu chương Thánh Tông ngồi thừ ra một lát rồi đứng lên cảm than:

"Nguyên Phi là đàn bà mà xử việc nước giỏi như vậy, lẽ nào ta thân nam nhi mà để thua đàn bà sao?"

Nói xong hiệu triệu ba quân, cho người tuyên đọc tấu chương rồi đốc thúc quay trở lại quyết hạ thành cho bằng được. Lòng ba quân cũng



hứng khởi và phấn chấn lên vì thẹn thua chí đàn bà. Chế Củ không ngờ quân Nam quay trở lại bất thần không kịp chần chừ quân nên thành bị hạ dễ dàng. Thánh Tông bắt sống ba vạn tù binh và cả toàn gia Chế Củ mang về Thăng Long. Vua chia tù binh cho các Vương và quan trong triều. Ngài Lý tăng lục cũng được cấp nô bộc tử số tù nhân này. Ngài tăng lục này uyên bác văn chương, thâm sâu Phật pháp và còn là một tay thi bá có tiếng của kinh thành. Một hôm ngài viết một đoàn khúc thiên thi:

"*Bách niên nhất sát-na
Bá tánh tại Sa-Bà
Vạn pháp ư nhất niệm
Tâm động nhập Phật-
ma*"

Bài thơ còn dở dang ngài để đẩy đi vào nội có việc đến khi về thì thấy ai sửa câu cuối thành:

"*Tâm lưu xuất Phật-ma
Bèn cả giận quát:
"Kê nào cả gan dám sửa
thơ ta?"*

Đám nô bộc sợ xanh mặt, riêng có một gã trung niên quỳ xuống thưa:

"Thưa chủ nhân kẻ nô bộc này có tội, vì thấy ngài viết câu cuối không hợp lẽ. Phật hay ma cũng từ một tâm mà ra, không từ ngoài vào! Vì vậy dám mạo phạm sửa lại, mong chủ nhân lượng thứ."

Ngài tăng lục hết sức ngạc nhiên:

"Người cũng biết chữ, biết Phật pháp sao?"

Y lại đáp:

"Thưa chủ nhân, nô bộc tôi cũng biết chút chút."

Tăng lục lại gạn hỏi và đưa ra nhiều thử thách nhưng y đều đáp rành mạch trôi chảy. Cuối cùng y thú nhận rằng:

"Tôi vốn là người Phương Bắc, thọ giáo thầy ở Triết Giang được ban cho pháp danh Thảo Đường. Mấy năm trước sang Chiêm Thành hoằng pháp rồi binh đao loạn lạc nên bị bắt làm tù binh cùng với quân Chiêm chứ thật tôi không phải người Chiêm."

Ngài tăng lục lập tức cho thay áo quần, tắm gội rồi bảo:

"Ngày mai tôi sẽ đưa ông vào triều ra mắt hoàng thượng."

Y quỳ tạ ơn, vị tăng lục đỡ y dậy bảo:

"Chúng tôi đều là người mộ Phật, việc ông bị bắt làm tù binh là ngoài ý muốn. Tôi hy vọng hoàng thượng sẽ lưu dụng ông."

Hôm sau tăng lục dẫn y vào triều kiến vua:

"Tâu bệ hạ, nhân trước kia bệ hạ ban cho một số nô bộc không ngờ trong ấy lại có một kẻ vốn là tăng nhân từ phương Bắc. Y kiến thức uyên bác, tinh thông Phật điển, thi tứ phong lưu... Quả thật là ngọc lẩn trong cát đá. Nay thần dẫn y

vào mong bệ hạ thẩm tra lưu dụng kẻ phi uống người tài.”

Thánh Tông cũng ngạc nhiên không kém bèn với ý lên thêm rồi tra hỏi y. Y đáp rất thành thực lại thể hiện kiến văn tuyệt vời của mình. Vua thử vấn pháp thì y đáp như lý như pháp... Thánh Tông vô cùng hoan hỷ sanh lòng yêu mến. Vua nói:

“Trẫm thật không ngờ ngài ẩn trong đám nô bộc, ầu cũng là nhân duyên gì đây. Trẫm trị quốc thương dân như con đẻ. Trẫm một lòng mộ đạo, hộ pháp hộ tăng. Hôm nay ngài lại đến đây trẫm xin bái ngài làm thầy mong ngài đừng từ chối.”

Sự thể chuyển biến nhanh và phi thường quá làm vị tăng lục cùng triều thần ngạc nhiên cao độ, nhưng niềm vui, niềm hân hoan dâng cao khiến cả triều thần tung hô và đồng thanh quỳ bái tạ.

Vua cho người đưa ngài Thảo Đường ra ở chùa Khai Quốc, một ngôi chùa quan trọng hàng đầu thành Thăng Long. Hôm sau vua đến dâng lễ bái sư và phong ngài Thảo Đường là quốc sư. Thăng Long vốn có dòng Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô Ngôn Thông, giờ lại có thêm một phái mới nữa là Thảo Đường. Ngài và dòng thiền của ngài hoằng dương vốn rất bác học, chuyên dùng thi kệ, văn chương để hoằng hoá; vì vậy đã thu hút rất nhiều các anh tinh hoa của thành Thăng Long gia nhập và cũng ảnh hưởng nhiều đến hai phái thiền vốn có trước kia. Có lần nhân ngày xuân rồi việc Thánh Tông bảo các quan:

“Năm xưa trẫm thân chinh phạt Chiêm Thành, bắt Chế Củ làm tù binh sau y dâng ba châu chuộc tội. Được đất, mở cõi về phương nam cũng là lợi lớn nhưng cái lợi lớn vô cùng mà trẫm có được ấy là quốc sư. Ngài về Đại Việt với đạo hạnh trong sáng, Phật điển uyên thâm, văn chương trác tuyệt. Đây là cái phúc của nước nhà vậy!”

Đồng Thiện
Đỗ Bàn, 9/2016

VỀ QUÊ CHĂN TRÂU

*Làm một gã mục đồng chăn trâu thả
Chạy lên đồi lội xuống suối khe xanh
Có nhiều lúc nổi khùng trâu trở chứng
Phá nương khoai ruộng lúa nát tan tành*

*Đành phải vậy ta buộc dây xỏ mũi
Dắt dẫn mà không lơỉ lỏng trâu ơi !
Rôi thuần thực chẳng buông lung gì nữa
Trâu nhìn ta ngoan ngoãn lặng vắng lời*

*Cười trâu về hát bài ca Bất Nhị
Ơi hoa ngàn cỏ nội cũng hòa âm
Đường thanh vắng ta và trâu quên hết
Giữa thiên nhiên huyền diệu khúc cung cầm*

*Tâm bình thường lia ghét thương phải quấy
Nhập cuộc chơi cùng tục để ta bà
Chơi trong sinh động không vương mắc
Vạn nẻo đường vô ngại bước vào ra.*

thơ **TÂM NHIÊN**

Về Vạn Giã, chợt nhớ xưa kia, thầy Tuệ Sỹ, từng lưu trú nơi đây một thời gian, khoảng sau năm 1975. Thầy về núi, cất chòi tranh, làm rẫy tại Suối Đê.

Hình ảnh thầy Tuệ Sỹ cười trâu ở Suối Đê, bên núi rừng Vạn Giã, năm 1977



ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA NÓI CHUYỆN VỚI THIẾU NIÊN 11 TUỔI

Tác giả: **Đức Đạt Lai Lạt Ma**

Chuyển ngữ: **Tuệ Uyển**

HỎI: Thưa Đức Thánh Thiện, cháu thấy thích thú khi cháu biết ngài là vị lãnh tụ của Tây Tạng vào lúc tuổi thiếu niên như vậy. Xin ngài cho biết thông điệp của ngài đối với thế hệ của chúng cháu về lòng ân cần tử tế trong xã hội ngày nay.

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Tôi chỉ muốn nói với cháu rằng, các cháu thật sự là thế hệ mới của thế kỷ 21 này. 11 tuổi? Nên tôi nghĩ cháu sinh ra vào lúc bắt đầu của thế kỷ này. Thế hệ của tôi thuộc vào thế kỷ trước. Thế kỷ ấy đã qua rồi. Nên chúng ta đã nói lời chào già biệt, bye bye. Thế nào đi nữa, tôi nghĩ thế hệ của tôi thuộc thế kỷ đã qua, đã cống hiến nhiều cho thế giới, nhưng cũng gây ra nhiều rắc rối cho nhân loại. Tôi muốn nói với quý vị một điều. Thế kỷ trước đã có nhiều thành tựu kỳ diệu, nhưng cũng là thế kỷ của những cuộc tắm máu. Do vậy, thế kỷ 21, một cách căn bản, logic, đừng có những cuộc tắm máu nữa. Trong khi ấy, rắc rối vẫn ở đây. Những quan điểm khác nhau, những giải pháp khác nhau. Nên chúng ta phải tạo ra những phương pháp thực tiễn để giải quyết những rắc rối. Nên tôi muốn cống hiến, tôi muốn nói với cháu, thế hệ trẻ nên xây dựng thế kỷ này, nên là thế kỷ của đối thoại. Không nên ở trong thái độ đứng đưng. Không. Phải tham dự, phải năng động. Nhưng phương pháp không nên là sức mạnh, không nên sử dụng sức mạnh. Hãy nói chuyện với nhau, thấu hiểu nhau về những vấn đề chúng ta quan tâm. Chúng ta cùng chia sẻ một thế giới. Sự quan tâm của tôi cũng là sự quan tâm của họ. Đây là thực tế. Hãy đối thoại. Hòa hiệp, hòa giải. Đây là những gì tôi muốn nói với cháu. Rồi thì, cũng là chúng ta phải cảm nhận một sự cố gắng trọn vẹn cho



đối thoại, chống lại chiến tranh. Do vậy, đây là quan điểm chủ đạo, đây là thái độ chính yếu, chí nguyện nội tại, sự giải giới nội tại phải gặp gỡ sự giải trừ quân bị ngoại tại. Không phải chỉ qua đêm. Từng bước một. Đầu tiên tôi nghĩ phải hủy bỏ vũ khí nguyên tử. Một số cuộc đàm phán đã xảy ra thật tốt đẹp. Và từng bước một, cuối cùng đi đến một nền hòa bình cho thế giới. Thế nên, đây là những gì tôi muốn nói với cháu. Rồi thì kinh nghiệm cá nhân của tôi, khi tôi ở vào tuổi của cháu, tôi không thích thú lắm với việc học tập, cỡ tuổi cháu. Ngay cả ngày nay, đôi khi tôi cảm thấy hối hận. Việc tốt nhất là học tập, học cho giỏi. Hồi ấy tôi không chú ý lắm, nên bây giờ tôi hối hận. Thời gian đã mất không bao giờ trở lại. Mất thì đã mất. Đây là những gì tôi muốn chia sẻ với cháu. Rồi thì tôi nghĩ ở vào tuổi của cháu, cũng tự nhiên khi có nhiều sự tranh đấu, đánh đấm với bạn bè. Một chút tranh đua cũng tốt thôi. Nhưng không phải là những cảm nhận ăn sâu trong tình cảm, không phải là những vụ tranh đấu lâu dài. Rõ chứ.

HỎI: Thưa Đức Thánh Thiện, ngài nói rằng chết không phải là điều gì đáng sợ hãi, giống như sự thay đổi quần áo và như vậy là có điều gì hơn thế nữa chứ?

ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA: Bây giờ, điều ấy tôi nghĩ có những sự khác nhau. Những người có tín ngưỡng và những người không tín ngưỡng. Những người tín ngưỡng vô thần và những người tín ngưỡng hữu thần. Sau khi chết, sau đời sống này, theo người Ki Tô Giáo, sau khi chết, chờ đợi, một thời gian nào đó, trong... quan tài, điều trung thực thật sự ấy như thế nào, tôi không biết. Nhưng cuối cùng sau đó, dưới sự phán xét cuối cùng, thì sẽ đi xuống địa ngục hay lên thiên đàng. Điều

đó tùy thuộc đời sống của cháu như thế nào. Cuộc sống của cháu phải đầy đủ ý nghĩa. Đầy đủ ý nghĩa có nghĩa là nếu có thể thì hãy phục vụ người khác. Nhiều anh chị em Kì Tô Giáo, hy sinh hay cống hiến đời sống của họ để phục vụ người khác. Tôi nghĩ Kì Tô Giáo, sự cống hiến lớn nhất của Kì Tô Giáo là vấn đề giáo dục, trên toàn thế giới. Đôi khi có sự đổi đạo, và điều đó thỉnh thoảng lại gây ra rắc rối. Nhưng về mặt khác đây là sự cống hiến vô cùng. Nên những người đã quá cống hiến đời sống của họ cho người khác, 100% sẽ lên thiên đàng, thiên đàng vĩnh cửu. Rồi thì đối với người tín ngưỡng vô thần, có đời sống tiếp tục với đời sống, đời này tiếp theo đời khác. Nói cho cùng, nếu kiếp sống này đã được sử dụng một cách đầy đủ ý nghĩa, thế thì sự tái sinh, 100% tôi bảo đảm sẽ là một đời sống tích cực, một con người thánh thiện. Rồi thì những người không tín ngưỡng, à. Vậy thì theo những người có tín ngưỡng, sự chết này không phải cố định, không phải thật sự chấm dứt. Nhưng sẽ tiếp tục tới kiếp sống tương lai. Và đối với những người không tín ngưỡng, xem ra cái chết là thật sự chấm dứt, chấm hết. Những hành giả như chính tôi, hành thiện hàng ngày về sự chết, nên cái chết rất gần gũi. Cũng rất lợi ích và hoàn toàn tiến bộ để nghĩ về sân giận, thù hận, về cường độ của những thứ ấy. Cũng thế, quá nhiều luyến ái, dính mắc, quá nhiều khao khát về vũ khí. Một lần nữa cháu nên nghĩ về những điều ấy. Làm dịu những thứ ấy. Rồi thì đối với những người không tín ngưỡng, tốt hơn là quên những thứ ấy đi, cứ mà hưởng thụ tối đa như có thể được. Như thế đấy. Cho nên dù là người có tín ngưỡng hay không tín ngưỡng điều rất quan trọng là chăm sóc đời sống một cách đầy đủ ý nghĩa. Thật sự quan trọng. Vào lúc sắp chết, nếu cháu đã làm những điều tổn hại cho người khác, bắt nạt người khác, bóc lột người khác, vào ngày cuối cùng cháu sẽ cảm thấy điều gì đấy không thoải mái. Và rồi điều tệ hại nhất là sau khi người ấy chết, người đáng buồn ấy chết, người ta sẽ vô tay mà nói, ô tốt làm sao người gây rắc rối ấy đã chết rồi, đã chấm dứt rồi. Điều ấy tôi nghĩ không ai thích như thế. Nếu cháu sống một đời sống, thật sự là một đời sống tử bi trắc ẩn, vào lúc ấy, nhiều người sẽ nói, ô buồn làm sao, chúng tôi cảm thấy thiếu vắng người ấy!

Thôi chào nhé! Good bye!
Thiếu niên: Cảm ơn ngài!

Nguyên tác: 11 Year Old Talks with the
 Dalai Lama

<http://www.youtube.com/watch?v=vXS-PIKLoSU&feature=related>



ĐÁNH RƠI

*Đánh rơi buổi sáng qua tay
 Để chân lạc giữa mộng ngày khó nguôi
 Đánh rơi buổi tối trên đôi
 Màng nghe tĩnh lặng bồi hồi bãi xưa
 Đánh rơi mây trắng buổi trưa
 Mảnh mê hồ hẹn đánh lừa thanh xuân
 Đánh rơi quá khứ trong ngần
 Ươm lên ngực trái nợ nần tháng năm
 Đánh rơi hiện tại xa xăm
 Câu thơ tội nghiệp mắc dằm thủy chung.*

ĐẶC ÂN

*Rời bờ thơ cũ buồn lã
 Theo triền cảm xúc lãng xãng định hình
 Mối ai chạm tóc biện mình
 Phép yêu trù cọng phương trình bậc cao*

*Chòng chành thơ lạc lối vào
 Quấn quanh chỉ thấy sương sao núi đồi
 Thơ buồn đặc quánh lên ngôi
 Công kênh khoảng lặng tài bồi vết thương*

*Thôi thì đời mãi hí trường
 Ngọt bùi cay đắng tranh đường ngang chân
 Hiến chương yêu mãi ngoài sân
 Nhật khoan dẫu bể đặc ân của trời.*

NHỮNG NGÓN TAY

*Ngồi buồn đếm ngón tay chơi
 Ngón cao ngón thấp thành thơ phơi mình
 Ngón buồn gánh hết điều linh
 Ngón cao đứng giữa đón tình thế gian
 Ngón tay nhuộm nắng ủa vàng
 Đằm chiêu lượm lật đục khàn hồn tôi.*

thơ

NGỌC TUYẾT

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



TƯỚNG CÔNG PHU

Hai vị đạo hữu bàn luận với nhiều vấn đề sau dẫn đến chuyện công phu. Họ lại không đồng ý nhau, ai cũng cho mình là đúng, tranh cãi không xong bèn kéo nhau đến xin thầy phân giải. Anh Lý bảo người có công phu phải như thế này, thầy cười:

- Anh nói phải.

Anh Sự cãi, người có công phu phải như thế kia, thầy cười:

- Anh cũng phải.

Thị giả thấy vậy bèn nói:

- Hai người ý kiến trái ngược nhau sao thầy đều cho là phải?

Thầy vẫn cười nói:

- Anh cũng phải nốt.

Trong chúng có vị du tăng dự thỉnh bước đến xá thầy rồi cười to:

- Tướng của công phu là đây!

NGỌC TRONG ĐÁ

Chàng vốn thông minh, từng học qua "Tánh Không," "Bát Nhã"... sanh lòng tự phụ bả:

- Phật tánh vốn sẵn có, học đại thừa không cần câu nệ lễ bái... Ấy là hạng chấp pháp.



Người thì biện bác không lại, người không muốn dây dưa... Thầy thương tình kêu anh ta lại:

- Con có xem Phật ngọc chưa, từ đâu ra vậy?

Anh ta thưa:

- Người ta tìm thấy khối đá có ngọc, rồi tốn bao nhiêu tiền của, công sức mấy năm mới tạc nên.

Thầy dạy:

- Ngọc vốn trong đá, nếu không tốn công sức làm sao có được Phật Ngọc.

Thầy dứt lời anh ta sụp lạy:

- Tạ ơn thầy khai thị!

XỨ NGƯỜI XỨ TA

Liên Hiệp Quốc tổ chức hội thảo: "Minh bạch và tham nhũng." Người các nơi kéo về phó hội thật đông. Xứ mình cử Mỗ tham dự. Mỗ lên đọc tham luận do thầy dùi viết sẵn:

- Xứ tôi rất minh bạch, luật pháp nghiêm nên ít tham nhũng.

Mỗ về chỗ ngồi nghe nhiều tiếng xì xào tỏ vẻ không tin. Thầy dùi thì thầm:

- Xứ người trước khi làm quan ai cũng giàu có và phát đạt!

Mỗ căng mặt lên:

- Mặc kệ bọn chúng, xứ mình thì cứ làm quan trước rồi sau đó mới giàu!

Mỗ táy máy thế nào bấm phải nút loa, thể là tiếng dịch vang khắp khán phòng. Các đại biểu đều quay nhìn Mỗ đồng thanh:

- Thảo nào xứ ông...!!!

BẤT HÒA

Họ nhà chim xưa nay vốn nhiều bất hòa, kinh chống

nhau. Các trưởng lão cố gắng giải hòa, kết nối nhưng không đi đến đâu. Bữa nọ hội họp tìm tiếng nói chung, nhiều ý kiến bàn cãi không thông. Quạ đá xéo Két (vet):

- Người ta nói: "Uốn lưỡi bảy lần trước khi nói," thảo nào anh uống liên tu" (*).

Két chẳng vừa, lền trả đũa:

- Sách có câu: "Biết ăn năn là thầy đạo," bởi vậy anh chẳng những ăn mà còn đạo nữa! (**).

Hai bên hầm hè nhau, thế là cuộc họp tan.

* Người Nam nói không phân biệt được: uốn và uống.

** Đạo này còn có nghĩa là trộm.

VỀ ĐÀU

Nhạc xập xình, đèn màu lấp loáng, người múa may dập dềnh, cave lượn lờ quanh... Vậy mà nó vẫn ngồi yên có vẻ tự lự. Nhóm bạn hỏi:

- Sao buồn vậy bạn, để kêu mấy em lại giúp vui nhe!

Nó bảo:

- Không có chi, mình muốn ngồi tí thôi mà.

Bọn bạn giãn ra, nháy tưng tưng theo nhạc. Nó ngẫm nghĩ:

- Công phu chẳng có, học đạo sơ xài vậy mà vào đây chơi thế này, liệu mình phan duyên đến đâu?

Rồi trong đầu nó nảy ra tứ thơ:

"Dở đạo dở đời mai về đâu
Cuồng quay quẩn dụ
những đêm thâu

Phan duyên ắt hẳn ngày
sau khổ

Chẳng toàn ắt sẽ đọa tam
đồ."

Quanh nó vẫn cuồng loạn sắc màu, thanh âm quyen rũ...

ĐAU LƯNG - GẠO TRẮNG GẠO ĐỎ

Bác Sĩ NGUYỄN Ý-ĐỨC

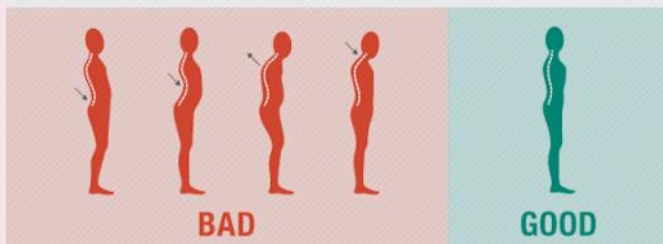


ĐAU LƯNG

Sau chứng Nhức đầu thì Đau lưng là nguyên nhân thứ nhì gây ra đau đớn cho mọi người, mọi tuổi tác, không kể giàu nghèo, sang hèn, giống tính, chủng tộc. Chăm sóc đau lưng cũng là nguồn phí tổn khá cao, có lẽ chỉ sau các bệnh về tim.

Với nhiều nhà chuyên môn y tế thì Đau lưng hầu như là một căn bệnh của đời sống gây ra do thói quen bất thường của người bệnh. Vì họ đứng, họ đi, họ nâng nhắc hoặc lôi kéo sự vật không đúng cách, đưa tới nguy cơ tổn thương cho các thành phần của lưng. Khi đã bị một lần thì đau lưng cũng có thể tái phát.

CHECK YOUR POSTURE



Nguyên nhân

Đau lưng thường thường gây ra do ba nguyên nhân chính: căng cơ bắp - dây chằng, thoái hóa đĩa đệm hoặc viêm mặt khớp xương. Ngoài ra, bị chấn thương, u bướu, viêm nhiễm cột sống cũng gây đau lưng.

Đau lưng có thể xảy ra trong các hoàn cảnh sau đây:

Khi có thai, tử cung chứa thai nhi to nặng hơn, kéo các bắp thịt, khớp xương về phía trước, xương sống vẹo về phía sau để giữ thẳng bằng cơ thể. Dáng điệu liên tục bất thường lâu ngày này sẽ gây đau lưng. Các bà thường phải chống hai tay lên hông để chống đỡ.

Khi hết kinh, kích thích tố nữ giảm, đưa đến thoái hóa xương. Khớp xương yếu không chịu đựng được sức nặng của cơ thể, gây đau.

Người có tư thế không ngay thẳng cũng hay bị đau lưng. Đây là trường hợp ngồi học, làm việc văn phòng, coi vi tính... hoặc người có dáng đi nghiêng ngả, cúi đầu về đằng trước...

Người cao tuổi ít vận động, cơ bắp yếu, các

khớp xương cứng lại đều là rủi ro gây đau lưng.

đ- Nâng, mang vật nặng mà lại dùng sức mạnh của lưng sẽ làm căng thẳng thớ thịt, gân và xương. Đây là rủi ro đưa tới đau lưng thông thường nhất. Bà nội trợ cúi xuống nhắc bao gạo, anh thợ máy nhắc ổ máy xe hơi...

Xúc động mạnh như quá nóng giận, quá vui, quá lo âu cũng làm cơ bắp căng thẳng và gây đau lưng;

h- Các bệnh u bướu, viêm khớp, lao cột sống, bệnh tim, thận, niệu tuyến, tụy tạng cũng gây đau lưng;

Người béo phì tạo sức nặng cho sự chống đỡ của cơ xương sống, lâu ngày gây thoái hóa xương, đưa tới đau lưng.

Nằm ngủ trong vị thế bất thường cũng là nguy cơ gây đau lưng.

Nệm nằm ngủ quá mềm, xương sống xệ xuống, dây chằng cơ bắp căng... lâu ngày làm lưng đau.

GẠO TRẮNG GẠO ĐỎ

Hiện nay đang có phong trào ăn gạo lức hoặc brown rice, như bà nói. Mỗi người nêu ra những lý do khác nhau, tại sao. Tuy nhiên ý kiến chung vẫn là "ăn gạo lức tôi thấy khỏe ra." Nói chung thì gạo lức có một số lợi điểm hơn là gạo trắng.

Xin nhắc lại gạo là từ thóc đã được lột bỏ lớp vỏ cứng ở ngoài là chấu. Dưới lớp trấu là một lớp màng mỏng. Việt Nam ta ngày xưa cho



thóc vào cối xay để lột lớp trấu này đi, rồi bỏ vào cối để giã (giã gạo), lấy bột màng bọc hạt gạo. Muốn gạo trắng hơn thì phải giã gạo lâu hơn. Về sau, văn minh cơ học thay xay thóc giã gạo với nhà máy, đổ thóc vào máy chạy ào ào một lúc là ra gạo trắng, mất cả lớp trấu lẫn màng bọc hạt gạo, đôi khi cả mầm ở một đầu hạt gạo.

Mà cái màng bọc này mang lại nhiều chất dinh dưỡng hơn gạo trắng.

- Gạo đỏ có nhiều gấp đôi hai khoáng chất manganese và phosphore hơn là gạo trắng;
- 2 lần nhiều hơn chất sắt,
- 3 lần nhiều hơn vitamin B3,
- 4 lần nhiều hơn vitamin B6 và
- cũng có nhiều selenium.

Các vitamin và khoáng chất này có nhiều vai trò quan trọng trong cơ thể.

- Màng bọc gạo lức cũng chứa một loại dầu hoàn toàn thiên nhiên giúp cơ thể giảm cholesterol trong máu;
- Gạo lức có nhiều chất xơ với nhiều công dụng như thông đại tiện, giảm cân, phòng tránh viêm ruột...
- Với bệnh tiểu đường, gạo lức có lợi điểm rất quan trọng: gạo chuyển thành glucose ở trong máu chậm hơn gạo trắng cho nên không gây ra tình trạng đường huyết đột ngột lên quá cao.

Mấy điều cần lưu ý về gạo đỏ là:

- Vì có màng bọc chứa chất cám cho nên khi nấu phải đun lâu hơn. Muốn mau, nên ngâm gạo vài giờ trước khi nấu.
- Gạo đỏ không để dành lâu được như gạo trắng vì có lớp dầu ở màng, dầu dễ ôi hư. Gạo lức chỉ giữ được khoảng nửa năm, trong khi gạo trắng tới mười năm.
- Và khi nấu thì gạo lức rời rạc chứ không quện với nhau như gạo trắng. Khi ăn cũng phải nhai lâu hơn.

Nói chung, gạo lức có một số lợi điểm hơn gạo trắng. Nhưng thói quen của con người là "ăn trắng, mặc trơn", gạo trắng, quần áo vải lãnh bóng loáng mới là dân sang.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



CÓ NHƯ GIÒNG SÔNG

*đời mình có như giòng sông
ngâm nhánh rong trôi mơ hồ
một ngày ta đứng ngóng trông
sóng đưa tình trăm tích cô*

*một ngày nghiêng vai ta đón
hạnh phúc theo gió ngang về
một ngày tình cờ ta biết
người như chim lạc cánh mê*

*nghìn năm con sóng âm thầm
đội buồn lên sỏi đá đau
hồn khô nhập lá tình tâm
rụng cội hoa xưa quên sầu*

*một ngày ta cúi xuống đời
bình yên bao dung đôi ngời
một ngày ơn tạ từ người
gội tình phai nhánh sông trôi*

*đời mình có như giòng sông
dậy sóng chuyên chở lời kinh
tây thiên năm dài tháng rộng
đưa người qua sông vô tình*

thơ

YÊN CHI

Tình thương

Soạn giả: THÍCH MINH CHIÊU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Hoàng hôn về, đem theo một ít u buồn vơ vẩn. Theo gió nam, chim nhạn bay từng đàn lẻ tẻ, đàn chim nhạn bay về trong khói sương chiều ảm đạm cánh mồi chưa tìm được chỗ trú chân trong một ngày gió bạt mưa ngàn. Mưa đã tạnh, gió đã yên, những lá rụng đầy đường đang than thở với ánh dương tà còn sót lại. Cảnh tượng đượm màu hoang tàn và thê thảm.

Ngồi bên song cửa, nàng Liên Hoa băng khuông nhìn trời với một mối u buồn khôn xiết. Đôi mắt nàng chạm phải cảnh tượng thê lương của buổi chiều vàng, cũng như lòng nàng chạm phải một cảnh đời oan trái.

Vâng, cảnh đời oan trái quá! Bao nhiêu là phình phờ và bao nhiêu là dối gạt! Lòng nàng còn tươi thắm được không, khi đã bị gió mây u sầu bao phủ. Lòng người sâu độc và phủ phàng. Sắc nước hương trời mà làm chi, lâu đài vàng bạc có giá trị gì, khi lòng người phụ bạc! Ngón đàn tuyệt diệu của nàng không còn khêu gợi được những mảnh tình tan vỡ. Người mà nàng chắc chắn sẽ ngàn năm sum hợp, thì nay đã ghét bỏ nàng. Đã bao nhiêu lần như thế, và cũng đã bao nhiêu lần những buổi chiều vàng tan tác về trên cảnh vật. Tình yêu trời ơi! Tình yêu thương chỉ là man trá nhất thời. Tình yêu là gì? Nếu không phải là những cánh nhạn bay qua, chỉ để lại trên mặt hồ, trên trái tim nàng, những u buồn thất vọng? Tình yêu mong manh quá! Trái tim nàng hình như thắt lại. Đời còn có nghĩa gì với một kiếp hồng

nhân bạc phận như nàng?

Cảnh vật đã nhuộm màu đen tối. Đêm xuống giữa cảnh vật và xuống giữa tâm hồn nàng. Nàng cảm thấy bơ vơ trống trải. Nàng mẫn tiếc thời xưa, thời mà nàng còn bé bỏng, sống trong tình thương không giới hạn của mẹ nàng. Tình mẹ thương con, nàng thấy rõ là một tình yêu chân thật, vững bền. Ôi, mẹ nàng còn đâu nữa để an ủi nàng trong phút đau đớn này. Tìm đâu ra tình thương cao cả và đắm thắm như tình mẹ yêu con.

Nhưng mắt nàng vừa chạm phải một ánh sáng xa xăm. Ừ, trăng đã lên ánh sáng dịu hiền đã lan tràn trên cảnh vật. Nàng cố tìm trong trí nhớ và chắc rằng một tình thương bao la như ánh trăng hiền hậu vẫn còn có ở đời này. Đâu đó, người ta ca ngợi tình thương. Phải rồi, tình thương của bậc giác ngộ ra đời, thắm nhuần muôn vật. Mắt nàng sáng lên, như nhìn thấy ngôi sao cứu tinh hiện lên ở chân trời rực rỡ. Người đang gieo rắc tình thương cao rộng bao la, chính là bậc giác ngộ, là Phật đà. Tình thương nhân thế mong manh, nhưng tình bác ái của đạo vàng vẫn trường cửu và bao la cao rộng. Nụ cười thế nhân mong manh quá, nhưng nụ cười Đức Phật còn mãi hiền hậu với tất cả mọi loài. Nụ cười ấy có một cái gì giống với nụ cười mẹ yêu con tha thiết. Nàng thấy rõ: trú địa an tịnh là dưới ánh đạo vàng mà Đức Phật còn đang gieo rắc quanh Ngài. Nàng sẽ đến dưới tình thương Đức Phật.

Tìm được nơi nương dựa cho tâm hồn, nàng thấy lòng nàng êm tịnh. Ngày mai, nàng sẽ đến với tình thương cao cả của Ngài, và như đứa con thơ, nàng sẽ được an lành dưới nụ cười êm dịu của người mẹ hiền.

Sáng hôm sau, trời mới tinh sương, Liên Hoa đã vội vàng lên đường. Đường về Cấp Cô Độc không xa nhưng nàng muốn đến nơi trước giờ ngộ nắng nung người. Nàng đi với một niềm tin tưởng ở Lòng Từ Bi không bến hạn của Đức Thế Tôn. Mặt trời lên cao, trời đã bắt đầu nóng nực. Nàng Liên Hoa đi nhanh hơn để mau tới đích. Được hơn một nửa đường, thì mồ hôi đã thấm ướt áo nàng. Ghé vào một bóng cây to che rợp một hồ sen nước trong như gương, nàng ngồi nghỉ, nước hồ trong quá, nàng đứng lên lại gần vuốt mở tóc lại để rửa mặt. Nước hồ mát rượi, nàng thấy khỏe khoắn và an lành. Vén tà áo sang bên, nàng bỗng thấy trong gương nước hồ trong, mặt nàng duyên dáng tươi lành in trên nền trời xanh biếc, nàng còn trẻ, tóc nàng còn xanh lẫm và môi nàng còn thắm như son. Nàng còn xuân quá! Rồi đây xuất gia đầu Phật, nàng đứng yên suy nghĩ - rồi mở tóc sẽ còn đâu. Sống trong cảnh thanh đạm của người tu hành, nàng thấy còn sớm quá. Để năm năm sau cũng còn chưa muộn. Nàng còn trẻ và đẹp biết chừng nào? Gương mặt nàng, biết đâu sẽ đem lại cho nàng một người yêu trong mộng tưởng.

Nghĩ thế và ý muốn quay về ám ảnh đầu óc nàng. Nhưng từ xa một bóng người đi lại. Bóng một thiếu nữ tha



BÊN RÈM TRẮNG XƯA

*Khẽ lòng vang vọng tìm xem
Ngu ngơ một cõi... bên rèm trắng xưa
Bóng hoa lặng lẽ đong đưa
Lặng sâu thăm thẳm ,trắng vừa ra đi*

*Gọi rằng nhớ..., gọi là nghi...
Tựa lầu nguyệt bạch thăm thì cùng ai
Ngày nay và những ngày mai
Trắng về lơ lửng,... chờ ai trắng chờ*

*Vần thơ khẽ vỗ tiếng hò
Nguồn trong tỉnh giấc ,thoáng bờ hư vô
Hợp ca tiếng vọng kiếp nào
Âng khuâng du tử lãng vào xa xăm*

*Muôn trùng ngàn sóng thanh âm
Hò...ơ gió nhẹ không cầm dấu chim.*

TIỆM CẬN

*Vòng xoáy ốc
xoay quanh về tiêu điểm
Chớp big bang sáng tỏa khắp không gian
Khoảng trời thanh xanh in hình ngọn cỏ
Em ngộ gì!
Tâm chợt lăm bình an!
Vòng xoáy ốc bung thảng ngày qua vũ trụ
Mầm hạt rộn ràng...
Đêm vội xa mong...
Lời chim dụ dàng thỏ thẻ:
"Tôi hạt bụi bên bờ hư thực có -không?".
Đường tròn cắt phẳng,bung buồn vui về hai bên
đường thẳng
Vui buồn tiên mãi đến vô cùng
Thảng thốt tiệm cận xa lẽ thực-ảo!
Nhảy vọt qua hố đen chiều vực thăm có-không!
Reo lên mùa....
tĩnh lặng mênh mông.*

thơ

HOA CÁT PHAN VĂN

thướt trong dáng đi đẹp của hàng quý phái.

Liên Hoa giật mình: nàng chưa bao giờ trông thấy một người đẹp như thế! Mắt thiếu nữ trong như gương nước hồ sen, tóc nàng buông xuôi, đẹp như một làn mây mờ và mỏng. Nàng nhẹ tiến về phía nàng Liên Hoa, trên môi đã nở một nụ cười tươi như hoa phù dung buổi sáng.

Liên Hoa yên lặng cúi đầu. Nhưng thiếu nữ đã đến bên. Thiếu nữ cười, tiếng nàng trong như tiếng đàn huyền diệu:

- Sao chị buồn thế? Chị đi đâu, hẳn chị về Ca Tỳ La?

Liên Hoa chợt tỉnh, nàng đáp lời thiếu nữ:

- Không, tôi về vườn Kỳ Thọ.

Thế là hai người quen nhau.

Liên Hoa bắt đầu thấy mến thiếu nữ. Đã lâu, hai người nói chuyện tâm tình, thiếu nữ nhìn Liên Hoa cười và tiếp:

- Không, sắc đẹp chóng

tàn lắm chị ạ. Chỉ có tình thương rộng rãi mới là trường cửu. Tình thương thể nhân en thấy quá mong manh.

Thiếu nữ tỏ vẻ nhọc mệt. Gối đầu lên vai Liên Hoa, nàng lặng yên nghe tiếng sáo diều đầu dây đồng vọng.

Lát lâu, không thấy thiếu nữ nói gì, Liên Hoa tưởng nàng thiếp ngủ. Nhưng Liên Hoa kêu lên một tiếng khi nàng chạm phải cánh tay lạnh như đồng của thiếu nữ. Nàng đặt đầu thiếu nữ dậy thì, than ôi, người đẹp đã chết rồi! Thân xác nàng đã lạnh ngắt và cứng đờ như gỗ. Hoàng kinh, Liên Hoa vùng dậy mắt nàng trông rõ khuôn mặt thiếu nữ: Còn đâu bao nhiêu vẻ đẹp nào nùng! Mặt thiếu nữ xám lại, mắt trắng dã, toàn thân tím lại như xác người để đã bốn năm hôm.

Liên Hoa thở dài. Nàng thoáng thấy lẽ vô thường của kiếp sống đời người. Nở rồi tàn, sắc đẹp trôi theo thời gian tàn tạ. Bao nhiêu ham

muốn trở về tiêu tan mất cả. Ý chí xuất gia mạnh mẽ trở lại với nàng. Liên Hoa đặt người bạn xấu số bên bóng cây già rồi vội vã ra đi về vườn Kỳ Thọ.

Mãi bước hướng về nơi chủ đích, Liên Hoa không còn nhìn lui lại phía sau. Nàng cố nghĩ đâu, thiếu nữ đã đứng dậy hồi nào. Thiếu nữ đứng lên, nhìn theo Liên Hoa khuất dạng trong bóng cây rậm rạp. Hình như đã hiểu sự thay đổi trong tâm hồn Liên Hoa, nàng mỉm cười đặc chí. Nàng chép miệng: "Bao nhiêu thể nhân, khi chạm phải luật vô thường vẫn còn ham muốn không thôi! Than ôi! Tình yêu thế gian là một trò hề điên đảo! Liên Hoa sẽ được an lành dưới bóng Đức Từ Phụ. Nàng sẽ chứng được đạo mầu."

Trong khi ấy, mặt trời đã lên đến đỉnh đầu. Tiếng hồng chung giờ ngọ đã từ Kỳ Viên bay lại, ngân nga trong gió...

Thuật giả: **Thích Minh Lý**

thơ

MINH LƯƠNG TRƯỜNG MINH SUNG

TÁNH KHÔNG

(Cảm tác theo giáo pháp Đạo Phật)

*Vạn vật đều không thật!
Tất cả chỉ tạm thời
Nhiều thành tổ kết hợp!
Không tồn tại muôn đời.*

*Vạn vật không thể tánh
Kết hợp đều do duyên
Khi hết duyên tan rã!
Không còn mãi y nguyên.*

*Không tự nhiên mà có!
Không gì biến mất đi
Chỉ là sự biến dạng!
Theo thời gian chu kỳ.*

*Không tự thể độc lập
Hạt điện tử tạo thành
“Vạn vật đồng nhất thể”!
Khoa học nay chứng minh.*

*Vạn vật đều tánh không
Tất cả do năng lượng
Einstein đã chứng minh
Không phải là thực tướng!*

*“Sắc chẳng khác gì Không
Không chẳng khác gì Sắc”
Không có gì trường tồn
Hình tướng đều như vậy!*

*Người là tiểu vũ trụ
Như khoa học chứng minh
Do nhân duyên kết tụ
Là qui luật duyên sinh.*

*Con người có Tánh Không
Hỉ xả - không chấp ngã!
Tâm thanh tịnh hành thiền
Chóng đạt thành Phật quả!*

*Thế gian này giả tạm
Theo qui luật vô thường!
Càng tham cầu mong muốn
Cuộc đời mãi sâu vương!*

*Không bám víu trần cảnh
Thanh tâm sống mỗi ngày
Xả bỏ - không vương mắc!
An lạc cõi trần ai.*



NHỮNG ĐÓNG GÓP TO LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ

H.T. Thích Trí Chơn

EDWIN ARNOLD (1832-1904)

(tiếp theo trang 20)

Và ông Samuel Kellogg cũng báo động về sự ảm hành cuốn "Ánh Sáng Á Châu". Trong tập sách ông viết nhằm chống lại điều gọi là "Sự đe dọa của Phật Giáo" (*The Buddhist Menace*), Kellogg trình bày: "Sự ham thích nghiên cứu đạo Phật của số người trí thức tại các quốc gia theo thiên chúa giáo là một trong những hiện tượng tôn giáo đặc biệt và hấp dẫn của thời đại chúng ta. Tại Hoa Kỳ, sự ham mê này chỉ có giới hạn nơi một số người tự nghĩ rằng họ hiểu biết chút ít về Phật Giáo, nhưng từ năm 1879 sau khi ông Arnold cho ảm hành cuốn 'Ánh Sáng Á Châu', mức độ quần chúng muốn hiểu biết Phật Pháp đã gia tăng. Nhiều người... đã bị lôi cuốn bởi những vần thơ hay đẹp đầy quyến rũ của Arnold. Sự phát hành những ảm bản rẻ mạt của tập sách, chỉ bán có vài xu một cuốn, đã khiến cho đại đa số quần chúng chưa biết gì về đạo Phật, nay họ chú ý nhiều hơn đến tôn giáo này..."

Nhưng Arnold chẳng cần để ý gì để sự phê bình chỉ trích khen chê của thiên hạ, vì tự biết rằng đã có số đông nhiệt tình ủng hộ tìm đọc thi phẩm của ông.

Viếng Thăm, Thuyết Giảng Phật Giáo Tại Các Nước Á Châu. Góp Phần Tranh Đấu Giành Lại Chủ Quyền Thánh Tích Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya) Tại Ấn Độ.

Sự thành công rực rỡ của tác phẩm "Ánh Sáng Á Châu" đạt đến cao điểm của nó với nhiều người tìm đọc là vào giữa năm 1884 và 1885. Nhờ vậy mà Phật tử khắp nơi trên thế giới đã ca tụng xem Arnold như nhà vô địch truyền bá đạo Phật lúc bấy giờ. Ông được các tổ chức Phật Giáo tại Ấn-Độ, Tích Lan, Miến Điện và Thái Lan mời sang thăm để thuyết giảng về đạo Phật. Arnold đã đến chiêm bái các Phật tích Ấn Độ như vườn Lộc Uyển (Sarnath), nơi đức Phật thuyết Pháp đầu tiên và Bồ Đề Đạo Tràng, nơi đức Phật thành Đạo. Bồ Đề Đạo Tràng (Bodh Gaya) từ cuối thế kỷ 16 về trước thuộc quyền kiểm soát của Phật tử, nhưng vào lúc Arnold đến viếng, thánh địa này lại nằm trong tay chiếm đoạt của các ông Mahant theo Ấn Độ Giáo. Đại Đức Tích Lan Anagarika Dhar-

mapala (1864-1933) đầu tiên đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng năm 1891 thấy tình trạng đau lòng như vậy nên đã phát nguyện quyết tâm tranh đấu giành lại chủ quyền thánh địa này cho các Phật tử.

Năm 1893, Arnold đã hưởng ứng tiếp tay với Đại Đức Dharmapala bằng cách viết một bài báo mang tựa đề: "East and West: A Spendid Opportunity (*Đông và Tây: Một Cơ hội Thuận lợi*)" và cho đăng trên nhật báo "Điện Tín Hằng Ngày" (*The Daily Telegraph*) của ông, nhằm đưa vấn đề trên ra trước dư luận Phật Giáo thế giới và ủng hộ lập trường của ngài Dharmapala, là cương quyết yêu cầu các ông Mahant (theo Ấn Giáo) phải hoàn trả quyền làm chủ, kiểm soát thánh tích Bồ Đề Đạo Tràng cho các Phật tử. Sau đó, để rộng đường dư luận, bài báo đã được tái đăng ở tập san "East and West" (*Đông và Tây*) và tạp chí Phật Giáo của Hội Ma Ha Bồ Đề (*The Maha Bodhi Society*), phát hành tại Calcutta, thủ đô của tiểu bang West Bengal (miền đông Ấn Độ).

Từ Ấn Độ, Arnold qua thăm Tích Lan (Sri Lanka) và mang theo mấy chiếc lá bồ đề ông hái từ cây Bồ Đề chính ở Bồ Đề Đạo Tràng. Nơi đầu tiên ông đến viếng là thị trấn Panadura, tại đây Arnold được nhà sư kiêm học giả tiếng Pali, thượng tọa Sumangala cùng với hàng ngàn chư Tăng, thiện nam tín nữ đón tiếp vô cùng trọng thể. Trong bài diễn văn chào mừng của các đoàn thể Phật Giáo Tích Lan, có đoạn viết: "Sự xuất hiện của học giả Arnold đã làm lu mờ danh tiếng của các nhà trí thức khác như ngọn núi kim cương đã che khuất sự rực rỡ, chói sáng của các loại đá quý thường". Sau hai giờ thảo luận với Thượng Tọa Sumangala, nhà lãnh đạo Phật Giáo cao cấp của Tích Lan, Arnold đã trình bày về tình trạng đáng buồn xảy ra ở Bồ Đề Đạo Tràng và góp ý vấn đề cần được giải quyết êm đẹp giữa các ông Mahant (Ấn Giáo) với chính quyền Ấn Độ. Ông cũng đề nghị nên đặt chùa Bồ Đề Đạo Tràng dưới sự quản trị của một Hội Đồng gồm nhiều đại diện các quốc gia Phật Giáo.

Sau cùng, đáp lời thỉnh cầu của chư Tăng và Phật tử Tích Lan, qua nhật báo "Điện Tín Hằng Ngày" của mình, Arnold đã đạo đạt ý kiến trên lên quý ông thống đốc của Tích Lan và tiểu bang Madras (miền nam Ấn Độ).

Từ Panadura, Arnold trở lại Colombo (thủ đô Tích Lan) thăm trường đại học Đông Phương

Vidyodaya Pirivena, tại đây ông được các học giả, chư Tăng và đông đảo thiện nam tín nữ, trong đó có đại tá H.S. Olcott (1832-1907), một Phật tử Hoa Kỳ, niềm nở tiếp đón. Sau đó, Arnold đến thăm Kandy (miền trung Tích Lan), nơi có chùa thờ xá lợi "Răng của Phật". Tại đây, ông cũng được chư Tăng và dân chúng Phật tử nhiệt liệt chào mừng vô cùng cảm động. Ông đã tặng cho chùa Kandy những lá bồ đề ông mang qua từ Ấn Độ. Những lá bồ đề này được đặt trong một cái hộp bằng vàng cho Phật tử lễ bái suốt tuần lễ. Đáp lại, các thượng tọa chùa Kandy đã tặng ông một bình bát và một chiếc y màu vàng.

Arnold đầu tiên qua thăm Nhật Bản vào năm 1889. Trong một buổi diễn thuyết tại đây, ông đã kêu gọi Phật tử Nhật nên lưu tâm đến những quyền lợi thiêng liêng của Phật tử tại các thánh tích Phật Giáo ở Ấn Độ, và sau đó một Hội Phật giáo đã được thành lập tại Nhật nhằm hoạt động cho quyền lợi của Bồ Đề Đạo Tràng. Lần thứ hai, Arnold trở sang thăm Nhật vào năm 1892. Trong một buổi họp mặt đông đảo, ông tuyên bố rằng ông sẵn sàng hy sinh, cả mạng sống nếu cần, cho quyền lợi thiêng liêng của đất thánh Phật Giáo. Arnold đề nghị Hội Phật Giáo Nhật Bản nên mua đất lập chùa và gửi chư Tăng qua thường trú tại Bồ Đề Đạo Tràng. Đặc biệt, nhân dịp trở qua Nhật lần này, Arnold đã làm lễ kết hôn với một cô gái Nhật trẻ đẹp mới 20 tuổi tên Tama Kurokawa. Sau đó, ông đưa cô ta về sống ở Luân Đôn chung với gia đình mấy người con của ông.

Du Thuyết Tại Hoa Kỳ

Do lời mời của Charles William Eliot (1834-1926), viện trưởng đại học Harvard ở Boston (tiểu bang Massachussetts), Arnold đã qua thăm Hoa kỳ vào ngày 22 tháng 8 năm 1889. Trong dịp này, ông đã đến thăm tòa Bạch Ốc ở Hoa Thịnh Đốn, tại đây Arnold được Benjamin Harrison (1833-1901), vị tổng thống thứ 23 của Hoa kỳ tiếp đón trọng thể. Sau đó, ông đến thăm đại thi hào Mỹ Walt Whitman (1819-1892) ở Philadelphia, lúc ấy đã già, và Arnold còn đọc lên cho Whitman nghe một vài trang trong thi phẩm "Ánh Sáng Á Châu" của ông. Cuối tháng 9, Arnold đến thăm ông viện trưởng đại học Harvard C.W. Eliot và gặp các nhân vật nổi tiếng của Hoa kỳ như các ông Oliver Wendell Holmes (1841-1935), nhà văn kiêm giáo sư đại học Harvard, đại thi hào J.G. Whittier (1807-1892) v.. v.. Tháng 10 năm 1889. Arnold được mời thuyết giảng hai lần ở Sanders Theatre tại đại học Harvard, một hôm về đề tài triết lý Áo Nghĩa Thư (*Upanishads*) và ngày khác về tư tưởng triết học trong Đại Thi Tập *Mahabharata* của Ấn Độ.

Cuối năm 1891, Arnold trở qua thăm Hoa kỳ lần thứ hai trong chuyến du thuyết do James Burton Bond tổ chức. Ông được mời thuyết trình ở Hàn Lâm Viện âm nhạc ở Philadelphia. Buổi nói chuyện của ông kéo dài hai tiếng



rưỡi đồng hồ, có rất đông người đến dự thính. Tiếp đến, ông đi giảng ở New York, Boston, Cambridge rồi trở lại Philadelphia. Ban đầu ông dự tính sẽ thuyết trình khoảng 50 bài giảng, sau thể theo lời yêu cầu của thính giả, ông có ý định sẽ tăng số bài thuyết giảng lên đến 100. Tuy nhiên, sau đó vì sức khỏe kém, ông không thể tiếp tục cuộc du thuyết nên đành bỏ dở nửa chừng. Cuối cùng, trước khi rời Mỹ, Arnold đã ghé lai chơi vài ngày với người bạn triệu phú của ông là Andrew Carnegie (1835-1919).

Những Đóng Góp Văn Hóa

Ngoài thi phẩm nổi tiếng "Ánh Sáng Á Châu", Arnold còn là bút giả của những tập thơ và tác phẩm giá trị dưới đây:

- 1852: Thi tập "The Feast of Belshazzzer" (*Buổi tiệc của Belshazzzer*)
- 1853: Poems Narrative and Lyrical (*Những vần thơ tự thuật và trữ tình*).
- 1875: The Indian Song of Songs (*Những bài ca Ấn Độ*)
- 1881: Indian Poetry (*Thi Ca Ấn Độ*)
- 1891: The Light of the World (*Ánh Sáng của Thế Giới*)
- 1891: Seas and Lands (*Biển Cả và Đất Liền*)
- 1893: Adzuma, a Japanese Tragedy (*Adzuma, thảm kịch của Nhật Bản*).

Arnold còn viết thiên khảo luận về "Nền

giáo dục ở Ấn Độ" (*Education in India*), một bộ sử gồm hai tập về "Tổ chức hành chính của Lord Dalhousie (1812-1860)", vị phó vương của Ấn Độ. Ông cũng soạn cuốn "Văn phạm tiếng Thổ Nhĩ Kỳ" (*Turkish Grammar*) vào năm 1877, và dịch từ tiếng Phạn (Sanskrit) tập tiểu luận về các thi hào Hy Lạp (Greek Poets) v.v...

Sự đóng góp phong phú và đa dạng của Arnold vào những công trình khảo cứu và kiến thức của nhân loại đã giúp ông đạt được sự khâm phục và kính trọng của nhiều nhân vật danh tiếng bấy giờ như nữ hoàng Victoria (1819-1901) của Anh quốc cùng vua các nước Ba Tư (Persia), Thổ Nhĩ Kỳ và Nhật Bản v.v...

Những Ngày Cuối Cùng

Sau bao nhiêu năm hoạt động cho nền báo chí, văn học nghệ thuật và lý tưởng Phật Giáo, không ngừng du thuyết khắp nơi để gieo rắc ánh đạo vàng của đức Thế Tôn đến với mọi người từ Âu sang Á, Arnold đã ngã bệnh trong vòng một tuần lễ. Sau đó, sức khỏe của ông sa sút lần đến ngày 24 tháng 3 năm 1904, ông từ trần một cách an lành tại Luân Đôn (Anh quốc), hưởng thọ 72 tuổi. Trước khi mất, Arnold dặn người thân là nên hỏa táng, vì ông muốn được cảm thấy thân xác mình từ từ trở thành tro bụi trong thế giới vô thường khổ đau mà mọi người ai cũng phải một lần lìa bỏ để vĩnh viễn ra đi.

Đại thi hào Arnold hiện nay đã không còn ở thế gian này với chúng ta, nhưng sự nghiệp hoằng pháp to lớn qua tác phẩm "Ánh Sáng Á Châu" (*The Light of Asia*) nổi tiếng của ông, đã bất diệt đi vào lịch sử Phật Giáo nói riêng cũng như văn hóa nhân loại nói chung. Những người con Phật hôm nay, dù Âu Mỹ hay Á Châu, không ai có thể phủ nhận giá trị đóng góp của Arnold cho việc truyền bá giáo lý đức Phật đến với mọi người vào giai đoạn mà Phật Giáo vẫn còn mới mẻ, xa lạ đối với đa số dân chúng Tây Phương khi ông ta sáng tác thi phẩm "Ánh Sáng Á Châu" này. Với sự qua đời của Edwin Arnold bấy giờ, nhân loại thực sự đã mất đi một nhà thơ, nhà văn, ký giả tài ba lỗi lạc; và thế giới Phật Giáo vắng bóng một đạo hữu chân thành, một vị hộ pháp trung kiên, đặc lực, đã đem hết thi tài của mình để góp phần xây dựng, phục vụ cho đạo pháp và chúng sanh.

THÍCH TRÍ CHƠN

(Chánh Pháp sẽ lần lượt đăng trọn tác phẩm NHỮNG ĐÓNG GÓP TỌ LỚN CỦA CÁC HỌC GIẢ ANH QUỐC CHO NỀN PHẬT GIÁO ÂU MỸ trong những số kế tiếp. Thành kính tri ân Cố Hòa Thượng Thích Trí Chơn, và xin kính mời độc giả đón đọc)

TỪ ÂM

*Một nụ cười lan tỏa
Một tiếng nói nở hoa
Từ âm Phật vang vọng
Ta Bà muôn kiếp qua*

NGƯỜI THƠ

*Người thơ tìm thơ thần
Góp lá nhật cảnh khô
Nhiều năm sau ai kể
Chuyện nắng mưa bây giờ*

NGỌC ĐÁ

*Cây cỏ mọc ven đường
Ưa tàn không ai thấy
Ngọc nát chìm trong đá
Vạn kiếp có người hay*

CHUNG LỐI NGÕ

*Ta... Người chung lối ngõ
Một đi một đứng chờ
Trời giăng mây ngũ sắc
Yên lặng bóng trăng mờ*

TỪ BAO LÂU

*Đi trong mưa dầm mình nghe êm
Dưới tàn cây thoảng nhẹ khói hương trầm
Từ bao lâu đêm tối với trăng rằm
Hai tinh tú chung bầu trời sâu thẳm*

MẶT ĐẤT

*Mặt đất vừa ngủ êm
Gió buông lời ca đêm
Sao... dấu mình hư ảo
Trăng non vắt qua thềm*

KHA NGUYỆT

Giọt nước nghiêng mình...

NGUYỄN VĂN SÂM

Phong sương mấy độ qua đường phố,
Hạt bụi nghiêng mình nhớ đất quê...
Sơn Nam

1. VA, xe chạy đường trường hơn một giờ, lòng vòng trong xóm quê thêm độ nửa giờ nữa thì rẽ vô một khu hơi nghèo vắng rồi ngừng lại trong sân một căn nhà có vẻ khang trang trên khu đất rộng. Tấm bảng sơn xanh chữ đỏ có tên ngôi chùa nằm khiêm nhường bên một cột cây cảnh lá xum xuê. Tên chùa cũng bình thường nhưng chữ *chùa* khiến già Thanh có cảm tình hơn tiếng *tự* thường gặp. "*Chùa Pháp Vân,*" nghe gần gũi hơn "*Pháp Vân Tự*" nhiều. Cũng không thấy những câu đối liên màu đỏ chói chang, mặt mắt với kiểu chữ Việt viết tròn tròn già Hán tự thường có. Già Thanh nói thầm trong bụng: "Chắc hẳn sư trụ trì nhiều Việt tính... những chi tiết nhỏ nhỏ như thế này rất đáng ngưỡng phục và nên khuếch tán. Hẳn sẽ có nhiều điều đáng nghe, đáng học ở vị sư này."

Cảnh quang khoáng đãng, vắng bóng những tượng đá trắng rườm rà phổ trương tạc những nhân vật huyền thoại chẳng ai biết nghệ nhân lấy chi tiết từ đâu. Chỉ có một mình ngôi tượng mẹ Quan Âm đưa thiên nhân hiền từ nhìn khách, như theo dõi để che chở những bước chân của tín chúng thập phương. Cả ba người bước tới chùn tượng xá ba xá làm lễ ra mắt rồi đến cửa, bấm chuông. Hai chiếc xe quẹo vô bãi đậu, ba cặp khách Mỹ tới dưới chân tượng, chấp tay ngang bụng, nghiêm chỉnh đứng mặc niệm.

"Hình tượng Phật Bà dễ

được kính tin vì tương tự với hình tượng Đức Mẹ của họ." Già Thanh nói với con gái, mắt không rời những vị khách tóc vàng với lòng cảm phục. "Chùa Việt Nam nơi xứ người dựng tượng Phật Bà ngoài sân trống trải mục đích là tạo sự dễ dàng cho việc chiêm bái ngoài nghi thức. Người bản xứ chỉ cần đến cầu nguyện rồi về, không phải vào chánh điện, không phải nói chuyện với vị trụ trì, vốn trở ngại về ngôn ngữ tôn giáo."

Người phụ nữ mỉm cười hãnh diện trao ánh mắt với chồng như thầm nói đạo Phật của mình cũng có chút nào ảnh hưởng lên người bản địa rồi áy náy nói với cha rằng mình rất ngại khi đến đây mà không thông báo trước cho ni sư. Anh chồng nói mình có lý do vì làm theo ý cha từ xa đến muốn thăm linh của cháu, nhân tiện viếng cảnh một ngôi chùa địa phương.

Vậy mà chúng không cho mình biết đây là chùa sư nữ!

Già Thanh hơi ngạc nhiên rồi mạnh dạn bước lên thềm bấm chuông. Hình như lâu lắm, chừng hơn mười phút, sư cô trụ trì mới ra mở cửa. Nụ cười hiền hòa và thân thiện chiếm ngay cảm tình của khách. "Xin lỗi vì để quý khách đợi hơi lâu. Chùa vắng, ngày thường phải đóng cửa, tín hữu viếng chùa thì bấm chuông, ni ở đây chỉ có mình mình, phải cẩn thận phòng ngừa những bất trắc."

Trụ trì thân mật dẫn khách đi viếng phòng ốc. Chánh điện trang nghiêm. Gian phòng thờ các linh sạch sẽ, ấm cúng trong cách trình bày đơn giản. Hình đứa cháu gái chớm tuổi hai mươi đang nở nụ cười vui như cười chào cha mẹ và ông ngoại đến thăm. Con bé toát ra nét trẻ trung yêu đời biết bao bên cạnh hàng mấy mươi hình đồng cảnh khác. Già Thanh nhìn từng hình, từng hình. Hầu hết là những bức hình tươi trẻ. Có thể người nhà đã chọn tấm ảnh đẹp nhất cho người năm



Nguồn: Internet

xuống. Già Thanh không thấy mình khác với họ bao nhiêu khi nghĩ rằng bất kỳ ai trong các hình kia trước đây cũng như mình và sau này mình cũng như họ thôi. Người mẹ ngược nhìn hình con gái mình, thân thiết, mắt đỏ hoe, mong ước, đưa tay lên lên dụi. Người cha day mặt ra sau, cúi đầu. Không khí lắng đọng.

Già Thanh muốn đưa tay lên sờ tấm hình cháu ngoại nhưng ngại tạo thêm nỗi buồn cho cha mẹ nó nên đành thôi. Nói nhỏ: "Cháu ở chùa nghe kinh, mau siêu thoát."

Tiếng ni sư phá tan sự buồn thảm đó:

"Cũng gần giáp năm cháu rồi. Mau quá. Hai tháng nữa chứ mấy."

Người mẹ:

"Dạ, sư cô nhớ hay quá. Đến lúc đó cũng xin nhờ sư cô lo liệu mọi sự cho cháu. Chúng con không hiểu biết lắm những gì cần phải làm."

Tiếng con của người đạo hữu xem chừng bằng tuổi với ni sư trụ trì khiến già Thanh thấy vui vui. Con gái mình đã phần nào đề xuống cái ngã mạn khi thốt ra trôi chảy tiếng con. Bàn ngữ nói cho cùng cũng là không, chỉ vì con người gán cho nó tánh cách nhập làm một với hình hài huyền hóa hiện tại vốn bị lầm tưởng là thường trụ, nên ngại ngừng khi sử dụng với người tu hành ngang tuổi đời...

Sư nữ để tay lên vai người đàn bà như chấp nhận, như hứa hẹn...

Sáng phòng kinh sách. Từng kệ, từng kệ kinh sách và đĩa kinh giảng. Ni sư mỉm cười. "Khi ni về đây thì phòng này rất là lộn xộn, kinh sách chất đống ngổn ngang dưới gầm. Phải cho đóng kệ và xếp xếp lại để ai cần tìm hiểu thêm về đạo dễ dàng tham khảo. Xếp lại, mất thời giờ vậy mà vui. Vô tình thấy được những quyển kinh hoặc vài ba bài báo mình cần đọc hay trả lời được những điều mình đương thắc mắc."

Đưa mắt của người ham sách quan sát, già Thanh thấy có mấy quyển sách về linh

hồn, về luân hồi, tái sinh của Feffrey Long và Paul Newton (Evidence After Life), của Michael Newton (Journey of Souls và Destiny of Souls) mấy quyển sách nói về linh hồn rất được ưa thích gần đây. Già đưa tay với lấy quyển sách nhỏ mỏng của tác giả trẻ Chung Mậu Sum 鍾茂森 của Đài Bắc, "Nhân Quả Luân Hồi Đích Khoa Học Chứng Minh", hỏi:

"Thưa, ni sư có thích đọc những quyển sách quý này?"

"Cũng muốn đọc lắm nhưng chưa đủ cơ duyên. Ni sang đây chưa lâu, trình độ Anh ngữ còn phải trau luyện nhiều."

Già Thanh thích cậu trả lời thiệt tình như vậy. Ở bên kia ni sư chịu ảnh hưởng một nền giáo dục khác nên cần có thời gian cho những cuốn sách loại này, không có gì phải dấu diếm...

2. "Ni ở trong chùa này một mình, tuần sáu ngày cô đọc, chỉ Chúa Nhứt mới có độ chực đạo hữu đến sinh hoạt. Quý khách thử tưởng tượng đêm vắng, không một tiếng động, chùa rộng hơn nhà thường, lại có phòng thờ các linh, nếu không đủ tinh tấn thì dễ buồn chán biết bao. Trước đây nhiều sư đến chỉ sau vài ba tháng trụ là từ giả. Có nhiều lý do, ngoài cảnh vắng vẻ còn có sự cực nhọc phải tự lo ẩm thực, giặt gạ, tài chánh... Chùa vắng, Phật

tử cúng dường không đủ chi trả cho tiền cơ sở nói gì tới tiền tiêu vật và bảo hiểm y tế thuốc men..."

Già Thanh dè dặt vượt đuôi. "Nhờ ni sư nói chúng tôi mới biết được những điều đó. Cứ tưởng là đi tu không còn những chuyện phải lo lắng tầm thường như người ngoài đời."

Vị trụ trì cười tươi:

"Rồi mọi chuyện cũng đâu vô đó. Có Phật lo hết. Ông coi, khi ni về đây thì cửa chánh điện chưa mở ra phía trước như hiện giờ. Chưa có đường riêng cho người khuyết tật. Phòng khách này nguyên là căn phòng chỉ có một cửa sổ thôi. Nay thì khá hơn nhiều. Nhờ Phật lo hết."

... "Sự tăng coi vậy tu cũng còn dễ dàng, ni chúng tôi khó hơn chút đỉnh. Nhiều trường hợp bị thúc bách của gia đình hay cha mẹ, không thể từ chối được phải đội tóc giả đi làm nail."

Ba người khách đồng loạt ồ ngạc nhiên và đổi thế ngồi.

Ni sư chậm chậm bưng chén nước đưa lên miệng:

"Nữ phái dầu đã xuất gia, tình cảm với mẹ cha cũng còn nặng nề. Chữ hiếu khó lòng bị xóa bỏ hoàn toàn khi nhớ đến cha mẹ già yếu bệnh hoạn đương sống nghèo khổ nơi quê nhà."

Những cái gật đầu biểu đồng tình nhiều hơn của người nghe.

"...Dầu sao tu bên này cũng êm ấm, đường tu hành cũng ít trắc trở. Bên kia, chùa

thường bị đập phá, can thiệp, o ép. Nhiều sư trẻ không biết xuất thân từ đâu được gởi tới chùa này chùa kia, thết rồi sư chân chánh với sư bia, sư karaoke, sư có nợ phong lưu, sư sát thủ... chẳng thể nào phân biệt được.”

Ni sư trở giọng sau tiếng thở dài:

“Xin lỗi khách. Ké xuất gia không nên để tâm mình trĩu nặng như vậy. Đáng lẽ không nên nói nhiều.”

Đưa tay lật lật một quyển tập này giờ để trước mặt, ni sư nói thêm:

“Ngoài tụng niệm kinh kệ và chăm chút ngôi chùa, thời giờ rảnh rang, ni thích đọc chép những văn thơ liên quan tới việc tu hành của người xưa. Chẳng hạn bà Quỳnh Hoa Công Chúa nói khi tu hành thấy thời gian qua mau, bà mỗi lúc một lớn tuổi, không còn sự tinh anh như trước: *Mắt phụng long lanh phai vẻ nước, Mày nga lấp lánh nhạt màu xuân.* Và bà Huyền Tông Quận Chúa nói chăm chỉ việc tu hành khiến mình hiểu đạo hơn: *Trông về cổ tích ngàn thu trước, Mở lá niệm kinh thấy rõ ràng.*”

Gió lạnh tạt vô phòng khách, kéo theo những giọt mưa hung hăng. Già Thanh đứng dậy bước ra đóng cửa lại. Mọi người yên lặng ngó ra ngoài trời. Cơn mưa coi chừng hơi nặng hột. Người đàn bà kéo hai vạt áo lại che bớt hơi lạnh, cặp mắt vẫn đỏ.

Ni sư đưa tay lượm vài

cánh bông rơi rụng trên bàn bỏ vô đĩa đựng tách trà, ngó thẳng vô mặt người khách nữ, nói như khuyên giải:

“Tiểu bang này lắm mưa, nhiều khi một mình ngồi ngó mưa rơi, ni nghĩ rằng từng giọt mưa là từng linh hồn con người nghiêng mình rớt xuống để nhập làm một với Đại Ngã là sông, biển. Chết là giai đoạn hủy xác, hồn về lại nơi phát sinh. Chết sống chỉ là những giai đoạn du hành rong chơi của tiểu linh hồn.”

Người mẹ đưa mắt về phòng thờ linh bên kia, như cố tìm hình ảnh đứa con gái của mình...

3. Trên đường về, người con phá tan sự yên lặng, rụt rè hỏi cha mình:

“Con thấy ni sư thông tuệ. Nhưng sự so sánh sông biển với cái Đại Ngã ba thấy có đúng không?”

“Mọi so sánh tỷ dụ đều khiến cho vấn đề trở nên dễ hiểu hơn.” Già Thanh trả lời không suy nghĩ, ngừng một lúc hên lâu, nuốt nước miếng, ông nói thêm: “Nhưng so sánh nào cũng vậy, chỉ có giá trị tương đối. Vũng nước, ao hồ, biển cả có thể ví như cái Đại Ngã của nhân loại như ni sư đã nói theo sách, mà cũng có thể ví như hồn dân tộc, như nền văn hóa của một sắc dân, như nguồn sống của một quốc gia. Điều quan trọng là mọi giọt nước đều nghiêng mình để bơi về hợp với vùng nước lớn, cách này hay cách

khác, trực tiếp hay gián tiếp.”

Người con rể, vốn ít mở miệng bây giờ mới lên tiếng, thiết chí lí:

“Kẻ nào, nhà cầm quyền nào, bao che cho bất kỳ ai làm ô nhiễm vùng nước lớn thì đều có tội tày trời, tùy theo cách nhìn, hoặc là đã làm hư hoại cái Đại Ngã của nhơn loại, hoặc là làm tàn hại nguồn sống của một dân tộc, khiến cho dân tộc tội nghiệp đó có nguy cơ bị teo cụm lần lần rồi biến mất trên quả địa cầu.”

Già Thanh gật gật đầu biểu đồng tình.

Cơn mưa chuyển sang ồ ạt, dừng mãnh kinh hồn. Những giọt nước hai bên cửa kiếng hông xe cuống quít nghiêng mình chạy mau hơn để nhập bọn với nhau. Trong trí già Thanh, những giọt nước mắt của anh ngư phủ “*mất cá, mất biển*” ngồi khóc trên bờ biển chết cũng tương tự như vậy. Chúng cuống quít nghiêng mình xuống cát, len lỏi ra biển lớn.

Nhưng than ôi, biển lớn bây giờ đã chết vì chất độc. Giọt nước nào, dòng sông nào nghiêng mình ra biển cũng đều thất vọng.

Trong âm thanh ồn ào của tiếng mưa rơi ngoài kia, giọng ngâm nga lạc điệu của già Thanh cất lên: “*Giọt nước nghiêng mình khóc biển Đông.*”

Người con gái và chàng rể của già Thanh tròn xoe mắt ngác ngơ. Trên đường về từ đó cả ba người đều đắm mình trong những suy nghĩ mông lung, man mác buồn. Bên ngoài mưa vẫn nặng hột.

Charlottesville, Virginia
Nguyễn Văn Sâm

Lời tác giả:

Mọi sự trùng hợp nếu có là ngoài ý muốn của tác giả. Bốn câu thơ được trích từ quyển sách Nôm tựa là *Tấy Tâm Chơn Kinh*, khắc in năm Bảo Đại Thứ Tư (1929). *Mở lá*: Lật sách kinh, xưa kinh viết trên lá.



Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

Chương mười hai

(kỳ 2 tiếp theo)

Để cứu vãn tài chánh của viện, Thượng tọa giám viện đã tổ chức những chuyến vận động yểm trợ tài chánh cho Phật học viện bằng cách đem hết đại chúng đi thăm viếng các chùa ở thị xã Hội An cũng như ở nhiều quận lỵ khác thuộc tỉnh Quảng Nam, đồng thời giới thiệu sinh hoạt của Phật học viện cho các giáo hội địa phương khác được biết. Trước tiên là các chùa ở Hội An và các vùng phụ cận. Mỗi cuối tuần, có hai chiếc xe đồ vào viện đưa mấy chục thầy trò chúng tôi đi. Đó là những chuyến hành hương thú vị. Nhờ vậy, chúng tôi được tham quan hầu hết các ngôi danh lam, cổ tự của tỉnh Quảng Nam. Thăm các chùa ở Hội An về, trên xe có chở thêm gạo. Thăm các chùa ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Đức Dục, Quế Sơn, xe chạy không muốn nổi vì bầu, bí, bắp, đậu, v.v... chất lên nhiều quá. Các chuyến đi ấy khá thành công. Nhiều giáo hội và nhiều Phật tử hào tâm hứa ủng hộ thực phẩm và tiền bạc cho Phật học viện hàng tháng. Những tháng kế tiếp, viện cho nấu lại bữa điểm tâm (vẫn là cháo sáng, nhưng cháo đặc hơn

trước), còn thức ăn hàng ngày lúc nào cũng có bầu, bí đao, bí rợ (bí ngô, bí đỏ)... Cứ xào qua xào lại thì bữa cơm nào cũng có được hai món ăn (trưa: canh bí, bầu kho; chiều: canh bầu, bí kho), đặc biệt món bí rợ (tức bí ngô) nấu với đậu phụng, lại thêm đậu xanh, ăn rất ngon. Thượng tọa giám viện nói: "Các chú đừng có chê bí rợ, ăn bổ óc lắm đó, bổ óc thì tăng thêm trí thông minh, học mới giỏi được." Bầu, bí chở về chất đầy một kho, sắp từng lớp từng hàng, cao đưng trần nhà, đi từ xa cũng nghe được mùi. Y như một cái vựa lớn. Có nuôi thêm một đại đội chú tiểu nữa cũng ăn không hết. Các dì vài kêu gọi thêm viện binh từ các gia đình Phật tử gần chùa, suốt ngày thay nhau cắt gọt, đem bào mỏng bí rợ, bí đao rồi đem phơi khô, để dành từng bao bố lớn. Mùa mưa lấy bí khô ra kho ăn. Đặc biệt bí rợ khô đem kho ăn còn ngon hơn cả bí tươi nữa kia. Tuổi học trò mà được ăn bí rợ mỗi ngày thì tốt quá đi chứ: bổ óc! Có điều, cũng vì cái bổ óc này mà ăn bí suốt năm không còn thấy ớn nơi cổ họng nữa, mà ớn ở trong óc. Có chú nói đùa rằng: "Tôi ngồi niệm Phật mà sao cứ nghĩ thấy mùi bí kho!" Một chú khác còn giễu hơn,

nói: "Hồi tối nằm mơ, tôi thấy bị trái bí đè ngang ngực, ngộp thở bắt chết!"



Thế rồi năm học cũng trôi qua. Chúng tôi chuẩn bị một kỳ nghỉ hè dài hơn hai tháng.

Lễ bế giảng ở trường Bồ Đề được tổ chức trước. Tôi có phần thưởng hạng nhất ở trường ấy mà tôi không đi lãnh thưởng. Tôi cáo bệnh, nhờ chú Tánh đi lãnh thay. Cũng may là các chú tiểu nhìn qua thấy giống nhau, nên chẳng ai biết. Chú Tánh lãnh phần thưởng xong, về kể lại tôi nghe rằng khi trường gọi tên tôi lên khán đài nhận phần thưởng, chú ấy quên mất là chú đang đóng vai tôi, nên cứ đứng im, nhìn quanh; người ta phải gọi mấy lần chú mới sức tỉnh, lật đật bước lên. Giáo sư chủ nhiệm vỗ vai chú trách nhỏ: "Thiệt tình chú này, trong lớp lanh lợi lắm mà bây giờ kêu lãnh thưởng lại chậm chạp thế!" Tôi tặng phần thưởng đó cho chú Tánh nhưng chú không nhận. Thôi thì chia đôi. Tôi giữ mấy cuốn sách và tự điển. Chú ấy lấy tập vở và bút máy.

Lễ bế giảng năm thứ nhất của Phật học viện được tổ chức sau đó một tuần, ngay tại phòng học của viện. Hai phòng học ngăn nhau bởi một vách vắn, nay vắn được tháo ra, tạo

thành một hội trường khá rộng. Lễ bế giảng này cũng nhằm vào dịp kỷ niệm Đệ nhất chu niên ngày thành lập Phật học viện. Chư tăng ni và quan khách phật-tử được mời tham dự rất đông, trong đó có cả các vị thuộc ban giám hiệu và giáo sư trường Bồ Đề. Toàn bộ tăng sinh chúng tôi cũng tập trung dự lễ. Sau lễ này mới được về quê nghỉ hè. Đặc biệt hôm ấy có đãi món mì quảng chay cho khách sau buổi lễ, cũng ngay tại hội trường đó. Sau phần diễn văn khai mạc của Thượng tọa giám viện và phần phát biểu cảm tưởng của các đại diện quan khách, ban giám học lược trình sinh hoạt của Phật học viện đồng thời trình bày kết quả tu học của tăng sinh. Khi thầy quản chúng thay mặt ban giám học, nêu tên các tăng sinh xuất sắc, tôi đã lủi xuống nhà bếp. Thầy quản chúng giới thiệu hai ba lần cũng chẳng thấy tôi đâu, nên đành lướt qua, đọc đến các tên xếp hạng hai, hạng ba v.v... Ban giám học thúc giục các chú chạy tìm tôi. Chẳng qua, tôi không muốn chường mặt ra trước đám đông để đón nhận sự khen thưởng như tôi đã tránh né lãnh thưởng ở trường Bồ Đề. Chú chúng trưởng chúng Ca Diếp có trách nhiệm kiểm soát công tác trị nhật trong ngày đã bảo tôi phải ở trong hội trường để dự lễ, nhưng tôi lấy cớ đau bụng, rồi lại lấy cớ phải lo dọn ăn để trốn. Ngồi ở mé hiên phía sau bếp, tôi nghe loáng thoáng giọng thầy quản chúng từ mấy vì âm vang lên. Âm thanh từ hội trường lúc được lúc mất, vắng đến tai tôi theo những làn gió từ nghĩa địa lùa vào. Lúc đó, tôi bỗng cảm nhận được rằng từ nhỏ, tôi vốn không phải là típ người thích hợp với đám đông. Và bây giờ, tôi lại càng không thích hợp với đám đông hơn. Nhưng sự việc không đơn giản như là tâm lý sợ đám đông mà còn ở một góc cạnh tâm lý nào khác. Hình như sau lưng những sự thất bại và thành công, là một cái gì trống rỗng. Cái trống rỗng đó khiến tôi

không còn hứng thú để làm một cái gì khác, hoặc tiếp tục một vận hành nào khác.



Nhớ lại năm cuối cùng của bậc tiểu học, tôi được một lúc ba phần thưởng, gồm phần thưởng danh dự hạng nhất, phần thưởng hạnh kiểm của trường tiểu học Sinh Trung, và một phần thưởng trong kỳ thi vẽ của toàn tỉnh, tổ chức tại trường Nam tiểu học. Ba phần thưởng to lớn ấy vừa làm tôi sung sướng hãnh diện, nhưng cũng làm cho tôi chán ngấy liền sau đó, khiến cho khi vừa bước vào trung học, tôi đã trở thành một đứa học sinh quá tệ. Phần thưởng danh dự và hạnh kiểm lãnh ở trường Sinh Trung không có gì đáng nói. Vì khi được gọi tên, tôi bước lên nhận phần thưởng, rồi cúi đầu chào cảm ơn. Rồi khấn dài rồi, chỉ việc nhờ anh hay chị ôm dùm bớt một phần thưởng, mang về nhà. Riêng chuyện thi vẽ của tiểu học toàn tỉnh mới tạo cho tôi một sự chán ngấy, ám ảnh tôi ghê gớm.

Mỗi năm, ty tiểu học có tổ chức một kỳ thi toàn tỉnh bao gồm các môn luận văn, toán, khoa học thường thức, vẽ, các bộ môn thể thao và văn nghệ. Học sinh xuất sắc về những môn ấy được các trường trong toàn tỉnh tuyển chọn để đưa đi thi. Về các môn thể thao, việc tuyển chọn thí sinh trong mỗi lớp rất đơn giản. Riêng các môn toán, luận văn và vẽ ở trường

tôi thì hơi bị trở ngại là vì theo nhận xét của các vị giáo viên, tôi là đứa có triển vọng thẳng giải nhất về cả ba môn ấy. Nhưng vì các môn được tổ chức thi trong cùng ngày cùng giờ, nên mỗi môn phải chọn một thí sinh mà gánh luôn cả ba. Hơn nữa, mỗi thí sinh được giao cho thi môn gì thì cũng phải có thì giờ để luyện thi môn ấy. Làm sao tôi có thì giờ để luyện thi cho cả ba môn! Vậy là ban giám hiệu phải hội họp, bàn cãi để quyết định chọn tôi thi môn nào, rồi các môn còn lại sẽ tuyển học sinh khác. Giáo viên lớp tôi thì cứ một mực bảo là tôi phải thi luận văn vì chấm bài của tôi suốt năm, ông biết tôi khá môn ấy. Còn giáo viên kèm toán cho lớp luyện thi buổi tối thì bảo tôi phải thi môn toán, vì tôi làm toán rất nhạy và vững. Nhưng cuối cùng, theo đề nghị của thầy phó hiệu trưởng-vốn là một họa sĩ-nên để tôi đi thi môn vẽ, vì qua cuộc tuyển lựa tranh vẽ trong lớp, thầy đã không tìm được một thí sinh nào khá hơn tôi trong môn ấy. Một chị lớn của tôi, là giáo viên, có mặt trong buổi họp, đã về nhà kể lại ba mẹ tôi nghe về cuộc bàn cãi ấy. Khi được hỏi ý kiến về việc chọn tôi thi môn gì, chị đã trả lời:

“Thực tình tôi chẳng biết nó giỏi môn nào, cứ theo hai thầy dạy nó trực tiếp thì bây giờ mới rõ là nó khá luận văn, và khá toán... Chứ riêng tôi ở nhà, chỉ nhớ mang máng một điều là mấy đứa em tôi, từ lớn đến nhỏ, suốt ngày cứ bày giấy ra mà vẽ tranh, vẽ đủ thứ... Vẽ chơi thì có đó, chẳng biết thi vẽ sẽ như thế nào.”

Thầy hiệu trưởng nghe vậy quyết định ngay:

“Thôi, vậy là được rồi. Cho em Khang đi thi vẽ.”

Thầy phó hiệu trưởng đảm trách việc kèm tôi trong thời gian luyện thi. Thầy mua cho tôi hai tập giấy vẽ trắng khổ lớn, cục tẩy, đồ chuốt thật bén, và hay cây bút chì đen, một cây đậm, một cây nhạt. Mỗi ngày, thầy vào lớp tôi,



thưa với giáo viên cho rút tôi ra ngoài một giờ đồng hồ để tập vẽ. Thầy có dạy tôi gì đâu; chỉ dặn tôi ngay bữa đầu tiên là lúc nào nên dùng cây bút đậm, lúc nào nên dùng cây bút nhạt. Còn vẽ thứ gì thì thầy chỉ nói gọn một câu:

"Đề tài thi theo thầy biết mấy năm trước, là hãy vẽ theo trí tưởng tượng của em bất cứ vật hay cảnh gì em thích. Vậy đó, vẽ đi."

Một giờ đồng hồ, vẽ được hai, ba bức tranh. Vẽ xong trình thầy xem. Thầy đề nghị nên sửa chỗ nào, nên tô đậm hay đánh bóng chỗ nào.

Trước tiên, chúng tôi phải trải qua một kỳ thi cấp quận với các trường tiểu học thuộc quận Vĩnh Xương (Nha Trang cũng nằm trong quận này). Các môn thể thao, trường tôi thua hết, chỉ được giải nhất ở môn bóng bàn đơn nam lẫn đánh cặp do hai anh em người bạn cùng học lớp tôi. Các giải toán, luận văn, trường tôi đều thất bại. Duy có vẽ thì may sao, tôi được giải nhất. Sau khi nguyệt ngoạc vẽ xong bức tranh của mình, tôi đã lên nhìn quanh các thí sinh khác, thấy họ vẽ bằng bút chì màu, hoặc bằng màu nước, rất điều luyện. Lúc ấy tôi đã thấy thất vọng, nghĩ là mình không sao thắng nổi họ. Vậy mà chẳng biết sao, tôi lại được chấm nhất. Tôi có vẽ gì đặc biệt đâu. Không có mặt thầy phó hiệu trưởng nên tôi thêm nghe lời thầy: đem theo hai cây bút mà tôi chỉ sử dụng có một cây đậm (tôi ghét cây nhạt). Tôi vẽ một ông lão cũng một đứa bé gái ngồi câu cá ở bờ sông. Tranh chỉ có vậy. Thầy phó hiệu trưởng kể lại cho thầy hiệu trưởng và chị tôi

nghe rằng, trong ban giám khảo, có một cô giáo cũng là họa sĩ, nhất định chấm bức tranh của tôi hạng nhất. Cô ấy đã phân tích cái trí tưởng tượng mà cô cho là phong phú của tôi thế nào, và đặc biệt nhấn mạnh là tôi có nét vẽ điều luyện ở những cây cỏ mọc quanh bờ sông... Thầy hiệu trưởng mừng lắm, ẵm cả tôi đưa lên cao, dẫn tôi cùng đám thí sinh của trường đi ăn phở và giải khát ở sân quần vợt trước mặt trường Nam tiểu học.

Đầu chùng nửa tháng sau, tôi và hai bạn giải nhất bóng bàn tham dự cuộc thi chung kết toàn tỉnh, tức là thi với các trường tiểu học ở các quận lỵ khác trên toàn tỉnh Khánh Hòa. Lần này, tôi vẽ hai chiếc thuyền qua sông, có một nhánh cây lớn từ góc tranh sà xuống. Vẽ xong, tôi lại ngồi nhìn quanh, thấy các bạn khác vẽ màu rất công phu, tôi lại đâm ngại, thiếu tự tin. Nhưng không biết làm gì khác hơn. Cứ ngồi đó. Chị tôi đi vòng vòng ngoài hành lang, thấy tôi ngồi không thì đưa tay ra dấu, ý chừng muốn bảo tôi hãy vẽ đi chứ sao ngồi đờ ra đó, làm sao kịp giờ. Tôi nhẩn nhó, gật đầu, cầm cây bút xuống bàn, tỏ ý đã vẽ xong rồi. Chị lại ra dấu bảo vẽ nữa. Tôi khó chịu, cúi xuống bức tranh, tô thêm vài chỗ lấy lệ. Viên giám thị thấy được, bèn đến nhìn vào bức tranh của tôi rồi lặng lẽ bước ra hành lang, nói gì đó với chị tôi. Chị tôi bèn xoa tay, bảo thôi, đừng vẽ nữa. Sau này chị kể lại rằng, viên giám thị nói: "Nó vẽ vậy đẹp rồi sao lại bảo nó tô thêm, tô tới tô lui làm mất vẻ tự nhiên của bức tranh đi!" Chị tôi nghe được mới giật mình.

Vậy mà bức tranh của tôi lại được giải nhất, có điều đây là giải nhất đồng hạng. Cùng hạng nhất với tôi là một thí sinh ngồi phía bên phải của tôi. Anh ấy to cao, khiến tôi nghi ngờ là không phải học sinh tiểu học. Khi liếc thấy bức tranh trái măng cầu vẽ bằng bút chì màu của anh ấy,

tôi đã không chú ý lắm, cho là không bằng bức tranh vẽ bụi trúc của một thí sinh trường Tàu, cũng như bức tranh vẽ cảnh đồng quê của một thí sinh khác. Vậy mà tranh chân dung trái măng cầu lại đồng hạng nhất với tôi. Hai tranh được chấm mười sáu điểm. Ban tổ chức đề nghị ban giám khảo họp chấm lại, sao cho có hạng nhất, hạng nhì, chứ không thể giải nhất đồng hạng. Vậy là cuộc bàn thảo sôi nổi lại diễn ra. Lần này, ngoài cô giáo họa sĩ còn có một thầy giáo họa sĩ khác làm cho Ty tiểu học, nằm trong ban giám khảo. Cả hai vị một mực bênh vực bức tranh của tôi bằng kiến thức và kinh nghiệm hội họa của họ. Cho rằng bức chân dung trái măng cầu không thể nào thắng được một bức phong cảnh tưởng tượng rất thơ mộng với trời mây và sông nước mơ màng của tôi được... Nhưng rồi người ta lại điều đình sao đó, rằng nguyên cái quận Khánh Dương của anh thí sinh vẽ trái măng cầu, thi môn nào cũng rớt, không vào được một giải nào ngoài trừ một giải khuyến khích cho môn văn nghệ, trong khi trường tôi được giải văn nghệ, bóng bàn, lại thêm vẽ nữa... Cho nên, một cách tình cảm, để vui cả làng, tốt hơn là trường tôi nhường một chút, hạng nhì cũng là hạng danh dự mà. Cô giáo họa sĩ nổi giận, bỏ họp. Ban giám khảo chấm lại lần chót: tranh măng cầu mười chín điểm, tranh thuyền qua sông mười tám điểm rưỡi.

Vậy mà giải nhì hội họa cũng làm cho thầy hiệu trưởng và các giáo viên trường tôi vui mừng lắm. Nhận phần thưởng xong, tôi theo xe buýt của trường về lại trường, ngồi chơi ở văn phòng với quý thầy cô và các bạn học nam nữ trong trường lần chót, vì sau ngày này, chúng tôi sẽ bước vào một ngôi trường khác ở bậc trung học. Tại văn phòng, tôi bất ngờ đón nhận những lời khen ngợi của hết thầy này đến cô kia mà không chạy trốn đi đâu được. Những lời khen dồn dập hướng về tôi trước

đám đông khiến tôi sượng sùng chẳng biết giấu mặt nơi nào. Các bạn học của tôi, nhất là mấy cô bạn gái học chung trong lớp luyện thi buổi tối ngược nhìn tôi với vẻ ngưỡng mộ, thỉnh thoảng xen vào một lời ca ngợi hoặc nói hùa theo các thầy các cô khác những lời xưng dương. Họ gán hào quang cho tôi, nhưng tôi thì thấy mình bị nhận chìm xuống một vũng tối của sự xấu hổ và hình như là một hố thẳm, một cái gì trống không, rỗng tuếch. Đó là lần đầu tiên tôi trải qua kinh nghiệm chán ngán cái đám đông và những lời khen tụng. Nỗi chán ghét này có vẻ như là một đối lực húc vào tôi, khiến tôi phải quay mặt và đâm ra thích một cái gì bao la, cao thẳm hơn. Sau lần đó, tôi trở nên lìm lũi, ít nói, và không biết chừng, chính cái rỗng tuếch của sự thành công lại dẫn đến kết quả như đã thấy: tôi trở thành học sinh biếng học, đội sổ trong lớp ở những năm mới vào trung học Võ Tánh...



Trở lại câu chuyện hôm nay: lễ bế giảng của Phật học viện tại hội trường. Nếu có mặt tại đó, tôi lại một lần nhận phần thưởng và sự khen tụng trước đám đông. Làm sao tôi có thể chịu đựng nổi! Tôi đi rảo quanh vườn chùa một lúc rồi trở lại chỗ cũ, ngồi im như thể một lúc thật lâu, không suy nghĩ gì. Bất chợt, tôi không thấy tôi nữa. Tôi ngồi đó mà như không có tôi. Chỉ thấy trong lòng vắng lặng như một ao thu trong rừng sâu quanh quẩn. Khi tôi đứng dậy, trong tôi bỗng dậy lên một niềm kiêu hãnh lạ kỳ. Niềm kiêu hãnh ấy không phải là vẻ tự mãn tự tôn về thành công trong học vấn nhà trường mà chính là cái tâm ý muốn chối bỏ thế gian, thấy rằng mình không còn gì để làm nơi thế gian này nữa.

"Chú Khang, làm gì vậy? Nãy giờ thầy quản chúng gọi

tên chú đó. Thầy giám viên cũng hỏi nữa. Sao chú ở đây, không dự lễ?"

Tôi quay lại thấy chú chúng trưởng chúng Ca Diếp đang bước tới gần. Chú ấy tên là Tấn, đã lớn tuổi, học chậm nhưng siêng năng, tháo vác, tốt bụng. Tôi không nói gì, cùng chú quay vào bếp. Chú Tấn vừa bước vừa hỏi tiếp:

"Bộ chú có chuyện gì buồn sao?"

"Đâu có. Tại vì phải xuống coi mấy cô đã làm mì xong chưa, để còn bưng dọn cho khách nữa... Hôm nay phiên chúng Ca Diếp trị nhật mà."

"Biết rằng vậy, nhưng chú cũng phải có mặt lúc ban giám học giới thiệu các tăng sinh xuất sắc và hạnh kiểm chứ. Chuyện bưng dọn từ từ tính sau."

"Thôi... giờ cũng qua cái mục đó rồi, phải không? Mình phải lo dọn mì."

Chú Tấn nhìn tôi với chút nghi vấn, lắc đầu.

Trong bếp, các dì vãi đang bỏ mì, bỏ rau vào các tô. Nồi nước lèo chạy cũng đã sôi sùng sục rồi. Chúng tôi sắp các tô mì vào mâm, bưng từ nhà bếp ra đến hiên hội trường. Việc bưng các mâm đầy những tô mì quảng từ bếp ra hội trường đòi hỏi phải mạnh tay mới chịu nổi một khoảng đường xa không có chỗ dừng nghỉ. Tôi bưng một mâm chín, mười cái tô, ra đến hiên hội trường mới được nghỉ tay nơi một cái bàn trống đặt tạm ở đó. Mỗi đũa cả hai tay, thở dốc. Vài chú khác chung ban trị nhật với tôi cũng nối đuôi bưng ra mỗi người một mâm. Chú chúng trưởng thì cùng một chú khác, phụ giúp các dì vãi bưng nồi nước lèo ra đến hiên hội trường. Từ hiên, các dì vãi sẽ múc nước lèo vào tô để chúng tôi chuyển vào trong cho quan khách. Tôi nghỉ lấy hơi được một chút thì các tô mì đã được múc nước lèo vào, phải bưng dọn ngay cho khách kéo nguội. Vậy là cuối cùng, tôi cũng chường mặt



vào hội trường, nơi có hàng trăm người ngồi trong đó. Tôi đặt mâm mì quảng xuống một cái bàn trống nơi góc, rồi bưng từng tô đến đặt trước mặt từng vị khách. Tôi hãy còn thờ dờn dập trong khi bưng dọn mì, bỗng nghe từ máy vi âm, thầy quản chúng nhắc tên tôi:

"A Di Đà Phật, khi này chúng tôi giới thiệu các học tăng xuất sắc của niên học vừa qua thì có một chú vắng mặt. Nay chú ấy đang có mặt trong hội trường, vậy xin giới thiệu cùng chư tôn đức và quý vị quan khách, học tăng xếp hạng nhất của niên khóa hạnh thời cũng là học tăng hạnh kiểm nhất: chú Vĩnh Khang," vừa nói câu cuối, thầy ấy đưa tay trở vào tôi.

Cả hội trường quay đầu lại nhìn tôi. Trong cái nhìn quay lại cùng tiếng vỗ tay, rào rào của mọi người, tôi bỗng thấy có cái gì buồn cười, nhạt nhẽo. Tôi đứng sượng trên một khắc, cúi đầu chào nhẹ rồi vội vã quay đi, rời hội trường, bỏ luôn công tác bưng dọn bữa ăn chiều cho khách, đi nhanh về phòng. Trong phòng lúc ấy chẳng có ai. Tôi ngồi vào bàn học riêng của mình mà chẳng biết làm gì. Một lúc, tôi rời phòng, đi lang thang ở vườn sau của chùa, tìm đến bờ ao phía gần nhà bếp, ngồi bệt xuống bên bờ ao ngập lá tre. Mặt ao cũng đầy xác lá. Có con chuồn chuồn bay lượn rồi đậu trên nhánh tre khô nổi lênh bênh dưới nước. Chẳng có gì mà sao tôi buồn quá. Tôi

thấy nơi đám đông, nơi hội hè
lễ lạc có một cái gì rất chán.
Giống như những chiếc lá tre
khô chồng lên nhau.

Ngồi một lúc, tôi vươn vai
đứng dậy, ngược mặt nhìn
trời. Tôi muốn bay lên, muốn
vói tay đến một phương trời
xa xăm không còn bóng dáng
gì của thế gian và con người
quanh tôi nữa. Trần gian ơi,
hãy tan biến đi, hãy tiêu tằm
đi!



Ngay cả ý niệm chối bỏ
cũng chỉ là sự mạnh động
ngược chiều của bản ngã.
Tham đắm thế gian cũng là
nó, phủ nhận thế gian cũng là
nó mà thôi. Nhưng cả hai cái
mạnh động này đều là mạnh
động của một kẻ đến tuổi
trưởng thành, một kẻ đã có cái
gọi là kinh nghiệm trong cuộc
sống, hoặc một kẻ đã bị kiến
thức sách vở lôi kéo đi như
một con lừa ngờ nghệch.

Những mạnh động ấy rất cần
thiết cho một người lớn điên
gàn. Con nít không cần.
Nhưng tôi, đứa con nít này,
vì cơ gì đã học đòi phương
cách đạo mạo, nghiêm trang
và bày trò suy tư của những
người lớn? Phải chăng vì tôi
đọc sách hơi sớm, nhất là
sách Thiền? Hay vì tuổi tác
và cơ thể tôi đã nằm trong
thời kỳ trưởng thành?

(lược bớt một đoạn)

Dù cố gắng không nghĩ
gì hết, tôi vẫn cứ mất khá
nhiều ngày để suy tư vớ vẩn
về sự thay đổi của mình,
cũng như cái tâm lý sợ hãi
đám đông và sự khen tặng,
nhưng cuối cùng, thấy rằng
những suy tư ấy cũng chẳng
thay đổi hay đem lại lợi ích
nào cho cuộc sống, tôi vứt
hết, không cần để ý đến
những chuyện ấy nữa. Tôi
chạy theo sinh hoạt tập thể,
vui vẻ hòa đồng cùng các
bạn. Chỉ thời gian ngắn sau,
tôi quên mất tôi là người lớn
hay là con nít, quên luôn

những chuyện đã làm tôi chán
ngấy. Cơ thể có phát triển hay
không cũng chẳng phải là dấu
hiệu của sự trưởng thành. Mà
có trưởng thành hay không
cũng chẳng phải là điều quan
trọng gì của cuộc sống. Còn
chuyện ghét đám đông ư? Ôi,
hình như đó chỉ là một sự nhút
nhát thôi... có gì quan trọng,
mà để tâm. Và chẳng, chuyện
bị một đám đông khen tặng,
vỗ tay tán thưởng, sẽ xảy ra
bao nhiêu lần trong đời để
phải sợ chứ! Không cần suy
nghĩ, không cần nỗ lực chối bỏ
hay chọn lựa bất cứ lối sống
nào, tôi trở về với lứa tuổi và
con người bình thường của tôi.

(còn tiếp)

*(mời đón đọc
Chương Mười Hai, kỳ 3)*

Vĩnh Hào

